

CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỆN KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI**Khái quát về văn học VN từ đầu thế kỉ XX- CMT8-1945****A. Mục tiêu cần đạt:**

- + HS nắm được một cách khái quát về hoàn cảnh lịch sử , tình hình xã hội , tình hình phát triển văn học và những thành tựu nổi bật của thời kỳ văn học này .
- + HS hiểu khái quát những nét chính về nội dung, nghệ thuật tiêu biểu ở từng giai đoạn văn học .
- + Luyện các kỹ năng phân tích, bình giảng các chi tiết , các hình ảnh thơ có trong các văn bản thể hiện chủ đề nội dung tư tưởng .
- + Lập dàn ý theo các kiểu văn bản theo yêu cầu của đề ra sau khi đã tìm hiểu xong văn bản + Giáo dục cho HS tình yêu quê hương đất nước , lòng căm thù giặc ngoại xâm , có sự đồng cảm với số phận những người cùng khổ trong xã hội .

B. Nội dung bài học:**1. Về tình hình xã hội và văn hoá :****a. Hoàn cảnh lịch sử và xã hội :**

- Thực dân Pháp đặt xong được ách đô hộ vào Việt Nam và tiến hành khai thác thuộc địa Xã hội Việt Nam từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội thực dân nửa phong kiến .
- Sự thay đổi lớn lao về chế độ xã hội ấy kéo theo sự thay đổi về cơ cấu giai cấp , ý thức hệ văn hoá khá sâu sắc và nhanh chóng .
- Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp , giữa nhân dân ta với (chủ yếu là nông dân) với phong kiến ngày càng trở nên sâu sắc và quyết liệt .
- * Văn học Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945 sẽ phát triển trong điều kiện xã hội mới và tình hình văn hoá mới .

b. Tình hình văn hoá :

- Nền văn hoá phong kiến cổ truyền (từng gắn bó với văn hoá khu vực Đông Nam á , đặc biệt là gắn bó với văn hoá Trung Hoa , với nền Hán học) bị nền văn hoá tư sản hiện đại (đặc biệt là văn hoá Pháp) nhanh chóng lấn át. Chế độ thi cử chữ Hán bị bãi bỏ (bỏ các kỳ thi hương ở Bắc kỳ năm 1915 , ở trung kỳ năm 1918) .
- Tầng lớp trí thức nho sĩ phong kiến là trụ cột của nền văn hoá dân tộc suốt thời trung đại nay đã hết thời không được coi trọng nữa . Tầng lớp trí thức Tây học thay thế tầng lớp nho sĩ cũ , trở thành đội quân chủ lực làm nên bộ mặt văn hoá Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX .
- Đời sống văn học , phương tiện văn học có những thay đổi lớn : một tầng lớp công chúng mới có thị hiếu thẩm mỹ , có nhu cầu văn học mới xuất hiện . Một thể hệ nhà văn mới ra đời , có điệu sống mới , cảm xúc mới , vốn văn hoá nghệ thuật mới , khác nhiều so với văn sĩ , thi sĩ Nho gia ngày xưa .

2. Tình hình văn học :**a. Quá trình phát triển của văn học từ đầu thế kỷ XX đến cách mạng tháng Tám 1945**

- Văn học chia ra làm ba chặng lớn :

- + Hai thập kỷ đầu của thế kỷ XX .
- + Những năm 20 của thế kỷ XX .
- + Từ đầu những năm 30 đến cách mạng tháng Tám 1945 .

- Văn học gồm hai khu vực :

+ Văn học hợp pháp : tồn tại và phát triển trong vòng pháp luật của tđtgcđ chính quyền thống trị đương thời (thơ văn của Tản Đà , của Hồ Biểu Chánh ..

+ Văn học bất hợp pháp : văn học yêu nước và cách mạng (thơ văn Phan Bội Châu , Phan Châu Trinh , Hồ Chí Minh ...

- Văn học phát triển theo ba trào lưu chính :

- + Văn học yêu nước và cách mạng .
- + Văn học viết theo cảm hứng hiện thực .
- + Văn học viết theo cảm hứng lãng mạn

* Văn học thời kỳ này bắt đầu và hoàn thành quá trình đổi mới văn học diễn ra ở mọi phương diện , mọi thể loại .

+ Nội dung : Đổi mới trên các mặt : tư tưởng, tình cảm, cảm xúc, tâm hồn, cách cảm, cách nghĩ ... của các nhà văn , nhà thơ trước cuộc đời, trước đất nước, trước con người và cả trước nghệ thuật . Ví dụ như khi nói về đất nước là nói đến nước là gắn với dân : “dân là sản nước, nước là nước dân”, còn nói về con người, bên cạnh con người xã hội , con người công dân còn phải nói đến con người tự nhiên, con người cá nhân .

+ Hình thức : đó là việc thay đổi về chữ viết (chữ quốc ngữ), xuất hiện nhiều thể loại văn học mới, viết theo lối mới . Bên cạnh đó còn có sự đổi mới về ngôn ngữ : mang tính cá thể, gắn với đời sống bình thường, có tính dân tộc đậm đà hơn.

b. Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu cho từng trào lưu văn học:

- Trào lưu lãng mạn, nói lên tiếng nói của cá nhân giàu cảm xúc và khát vọng, bất hoà với thực tại ngột ngạt, muốn thoát khỏi thực tại đó bằng mộng tưởng và bằng việc đi sâu vào thế giới nội tâm. Văn học lãng mạn thường ca ngợi tình yêu say đắm, vẻ đẹp của thiên nhiên, của “ngày xưa” và thường đượm buồn. Tuy văn học lãng mạn còn những hạn chế rõ rệt về tư tưởng, nhưng nhìn chung vẫn đậm đà tính dân tộc và có nhiều yếu tố lành mạnh, tiến bộ đáng quý. Văn học lãng mạn có đóng góp to lớn vào công cuộc đổi mới để hiện đại hoá văn học, đặc biệt là về thơ ca.

Tiêu biểu cho trào lưu lãng mạn trước 1930 là thơ Tản Đà, tiểu thuyết Tố Tâm của Hoàng Ngọc Phách; sau 1930 là Thơ mới của Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Nguyễn Bính... và văn xuôi của Nhất Linh , Khái Hưng, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Nguyễn Tuân...

- Trào lưu hiện thực gồm các nhà văn hướng ngòi bút vào việc phơi bày thực trạng bất công, thối nát của xã hội và đi sâu phản ánh thực trạng thống khổ của các tầng lớp quần chúng bị áp bức bóc lột đương thời. Nói chung các sáng tác của trào lưu văn học này có tính chân thực cao và thấm đượm tinh thần nhân đạo. Văn học hiện thực có nhiều thành tựu đặc sắc ở các thể loại văn xuôi (truyện ngắn của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học,

Nguyễn Công Hoan, Nam Cao, Nguyên Hồng, Tô Hoài, Bùi Hiển; tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao; phóng sự của Tam Lang, Vũ Trọng Phụng ...), nhưng cũng có những sáng tác giá trị ở thể thơ trào phúng (thơ Tú Mỡ, Đồ Phồn).

Hai trào lưu lẫn lộn và hiện thực cùng tồn tại song song, vừa đấu tranh với nhau lại vừa ảnh hưởng, chuyển hoá nhau. Trên thực tế, hai trào lưu đó đều không thuần nhất và không biệt lập với nhau, càng không đối lập nhau về giá trị. ở trào lưu nào cũng có những cây bút tài năng và tâm huyết.

Văn học khu vực bất hợp pháp gồm thơ văn cách mạng bí mật, đặc biệt là sáng tác thơ ca của các chiến sĩ trong nhà tù. Thơ văn cách mạng cũng có lúc, có bộ phận được lưu hành nửa hợp pháp, nhưng chủ yếu là bất hợp pháp, bị đặt ra ngoài pháp luật và ngoài đời sống văn học bình thường. Ra đời và phát triển trong hoàn cảnh luôn bị đàn áp, khủng bố, thiếu cả những điều kiện vật chất tối thiểu, nhưng văn học cách mạng vẫn phát triển mạnh mẽ, ngày càng phong phú và có chất lượng nghệ thuật cao, nhịp với sự phát triển của phong trào cách mạng. Thơ văn cách mạng đã nói lên một cách thống thiết, xúc động tâm lòng yêu nước, đã toát lên khí phách hào hùng của các chiến sĩ cách mạng thuộc nhiều thế hệ nửa đầu thế kỷ.

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

BUỔI 2

Ngày soạn: 20/01/ 2022

Ngày dạy: 25/01/ 2022

CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỆN KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (Tiếp)

Tìm hiểu các tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam:

Tôi đi học; Trong lòng mẹ

A. Mục tiêu cần đạt

- củng cố lại những kiến thức cơ bản về nhà văn Thanh Tịnh và tác phẩm Tôi đi học; Nguyên Hồng và đoạn trích “Trong lòng mẹ”
- Mở rộng, luyện đề củng cố kiến thức về hai văn bản trên

B. Nội dung bài học

TÔI ĐI HỌC

1. Vài nét về tác giả - Tác phẩm

*Tác giả

- Thanh Tịnh sinh năm 1911, mất năm 1988. Tên khai sinh là Trần Văn Ninh. Trước năm 1946 ông vừa dạy học, vừa làm thơ. Ông có mặt ở trên nhiều lĩnh vực : Thơ, truyện dài, ca dao, bút ký....nhưng thành công hơn cả là truyện ngắn. Truyện ngắn của ông trong trẻo mà êm dịu. Văn của ông nhẹ nhàng mà thấm sâu, mang dư vị man mác buồn thương, vừa ngọt ngào, vừa quyến luyến.

Ông để lại sự nghiệp đáng quý:

- + Về thơ: Hận chiến trường, sức mồ hôi, đi giữa mùa sen.
- + Truyện: Ngậm ngải tìm trầm, Xuân và Sinh

* Tác phẩm:

- Tôi đi học in trong tập truyện ngắn Quê mẹ(1941), thuộc thể loại hồi ký: ghi lại những kỷ niệm đẹp của tuổi thơ trong buổi tựu trường

2. Phân tích tác phẩm

a. Tâm trạng của chú bé trong buổi tựu trường

*Trên đường tới trường:

- Là buổi sớm đầy sương thu và gió lạnh chú bé cảm thấy mình trang trọng và đứng đắn trong chiếc áo vải dù đen dài – Lòng chú tung bừng, rộn rã khi được mẹ âu yếm nắm tay dắt đi trên con đường dài và hẹp – Cậu bé cảm thấy mình xúc động, ngỡ ngàng, lạ lẫm – Chú suy nghĩ về sự thay đổi – Chú băng khuông thấy mình đã lớn.

*Tâm trạng của cậu bé khi đứng trước sân trường

- Ngạc nhiên, ngỡ ngàng, vì sân trường hôm nay thật khác lạ, đông vui quá - Nhớ lại trước đây thấy ngôi trường cao ráo sạch sẽ hơn các nhà trong làng. Nhưng lần này lại thấy ngôi trường vừa xinh xắn, oai nghiêm đĩnh đạc hơn – Chú lo sợ vẩn vơ, sợ hãi khép nép bên người thân – Chú cảm thấy tro tro, lúng túng, vụng về.... – Khi nghe ông đốc gọi tên, chú bé giật mình, lúng túng, tim như ngừng đập ... oà khóc nức nở.

*Tâm trạng của cậu bé khi dự buổi học đầu tiên.

- Khi vào lớp học, cảm xúc băng khuâng, hồi hộp dâng lên man mác trong lòng cậu . Cậu cảm thấy một mùi hương lạ bay lên. Thấy gì trong lớp cũng lạ lạ hay hay rồi nhìn bàn ghế rồi lạ nhận đó là của mình.

b. Hình ảnh người mẹ

- Hình ảnh người mẹ là hình ảnh thân thương nhất của em bé trong buổi tựu trường. Người mẹ đã in đậm trong những kỷ niệm mơn man của tuổi thơ khiến cậu bé nhớ mãi. Hình ảnh người mẹ luôn sánh đôi cùng nhân vật tôi trong buổi tựu trường. Khi thấy các bạn mang sách vở, tôi thêm thường muốn thử sức mình thì người mẹ cúi đầu nhìn con, cặp mắt âu yếm, giọng nói dịu dàng “thôi để mẹ cầm cho ” làm cậu bé vô cùng hạnh phúc. Bàn tay mẹ là biểu tượng cho tình thương, sự săn sóc động viên khích lệ . Mẹ luôn đi sát bên con trai , lúc thì cầm tay, mẹ đẩy con lên phía trước , lúc bàn tay mẹ nhẹ nhàng xoa mái tóc của con....

3.Cách xây dựng truyện

1. Phương thức biểu đạt

2. Bố cục :

Đoạn 1: Từ đầu rộn rã (Hồi tưởng kỷ niệm ngày đầu tiên tới trường)

Đoạn 2: Tiếp ngọn núi(Kỷ niệm trên đường tới trường)

Đoạn 3: Tiếp ngày nữa (Kỷ niệm trước sân trường)

Đoạn 4: Còn lại (Nhớ lại kỷ niệm trong buổi học đầu tiên)

4.Chất thơ trong truyện ngắn

- Chất thơ được thể hiện trong cốt truyện: Dòng hồi tưởng, tâm trạng của nhân vật tôi ở những thời điểm khác nhau.
- Chất thơ được thể hiện đậm đà qua những cảnh vật , tâm trạng, chi tiết dạt dào cảm xúc.
- Giọng văn nhẹ nhàng, trong sáng, gợi cảm .
- Chất thơ còn thể hiện ở những hình ảnh so sánh tươi mới giàu cảm xúc...

5.Bài tập:

- Nêu chủ đề và ý nghĩa văn bản.
- Tìm và phân tích một hình ảnh so sánh được dùng trong văn bản mà em cho là tinh tế và giàu ý nghĩa tượng trưng.
- Qua văn bản :**Tôi đi học**, em hãy kể lại kỷ niệm ngày đầu tiên đi học.

TRONG LÒNG MẸ

Nguyễn Hồng

I. Vài nét về tác giả, tác phẩm

1. Tác giả:

- Nguyễn Hồng sinh ở thành phố Nam Định, nhưng Hải Phòng cửa biển đã khơi dậy và gắn bó với ông, với sự nghiệp văn chương của ông. Tác phẩm của ông thường viết về những con người nghèo khổ dưới đáy xã hội, với một lòng yêu thương đồng cảm vì vậy ông được coi là nhà văn của những con người cùng khổ .

- Trong thế giới nhân vật của ông xuất hiện nhiều người bà, người mẹ, người chị, những cô bé, cậu bé khốn khổ nhưng nhân hậu. Ông viết về họ bằng cả trái tim yêu thương và thấm thiết của mình. Ông được mệnh danh là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Văn xuôi của ông giàu chất trữ tình, nhiều khi dạt dào cảm xúc và hết mực chân thành. Ông thành công hơn cả ở thể loại tiểu thuyết.

2. Tác phẩm

- Những ngày thơ ấu là tập hồi ký tự truyện gồm 9 chương:

Chương 1: Tiếng kèn.

Chương 2: Chúa thương xót chúng tôi.

Chương 3: Truy lạc.

Chương 4: Trong lòng mẹ

Chương 5: Đêm nôn

Chương 6: Trọn đêm đông.

Chương 7: Đồng xu cái.

Chương 8: Sa ngã.

Chương 9: Bước ngoặt

II. Phân tích :

1. Nhân vật bé Hồng

a. Hoàn cảnh:

Là kết quả của cuộc hôn nhân không có tình yêu. Bố nghiện ngập, gia đình trở nên sa sút rồi bần cùng. Bố chết, chưa đoạn tang chồng, nhưng vì nợ nần cùng túng quá, mẹ phải bỏ đi tha phương cầu thực. Bé Hồng mồ côi, bơ vơ thiếu vắng tình thương của mẹ, phải sống trong sự ghê lạnh của bà cô và họ hàng bên cha. Luôn bị bà cô tìm cách chia tách tình mẫu tử.

b. Đặc điểm:

Bé Hồng luôn hiếu và bênh vực mẹ: Mẹ dù đi tha hương cầu thực, phải sống trong cảnh ăn chực nằm chờ bên nội. Bà cô luôn soi mói, dèm pha tìm cách chia cắt tình mẫu tử. Với trái tim nhạy cảm và bản tính thông minh, Hồng đã phát hiện ra ý nghĩ cay độc trong giọng nói khi cười rất kịch của bà cô. Em biết rất rõ bà cô cố gieo rắc vào đầu óc em những ý nghĩ để em khinh miệt vợ ruồng rẫy mẹ. Bằng tình yêu thương mẹ, bé Hồng đã rất hiểu, thông cảm với cảnh ngộ của mẹ nên em đã bênh vực mẹ. Càng thương mẹ bao nhiêu, em càng ghê tởm, căm thù những cổ tục phong kiến đã đẩy đoạ mẹ. Một ý nghĩ táo tợn như một cơn giông tố đang trào dâng trong em.

Bé Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Khao khát đó của Hồng chẳng khác nào khao khát của người bộ hành trên sa mạc khao khát một dòng nước, và em sẽ gục ngã khi người ngồi trên chiếc xe kéo kia không phải là mẹ. Em đã ung sướng và hạnh phúc khi được ngồi trong lòng mẹ. Khi mẹ gọi, em trèo lên xe, mừng ríu cả chân lại. Em oà lên và cứ thế nức nở. Đó là giọt nước mắt của sự tủi thân bàng hoàng. Trong cái cảm giác sung sướng của đứa con ngồi cạnh mẹ, em đã cảm nhận được vẻ đẹp của mẹ. Em mê man, ngây ngất đắm say trong tình yêu thương của mẹ.

2. Nhân vật mẹ bé Hồng:

- Là phụ nữ gặp nhiều trái ngang, bất hạnh trong cuộc đời . Thời xuân sắc là một phụ nữ đẹp nhất phố hàng cau, bị ép duyên cho một người hơn gấp đôi tuổi mình. Bà chôn vùi tuổi xuân trong cuộc hôn nhân ép buộc. Chồng chết, với trái tim khao khát yêu thương, bà đã đi bước nữa thì bị cả xã hội lên án.

- Luôn sống tình nghĩa : Đến ngày giỗ đầu của chồng- về.

- Yêu thương con: Khi gặp con khi được ôm hình hài máu mủ đã làm cho người mẹ lại tươi đẹp.

3. Hình ảnh bà cô

Có tâm địa xấu xa độc ác. Bà là người đại diện, là người phát ngôn cho những hủ tục phong kiến. Bà được đào tạo từ xã hội phong kiến nên suy nghĩ của bà mang nặng tính chất cổ hủ.

4. Nghệ thuật đoạn trích

Những ngày thơ ấu là cuốn tiểu thuyết tự truyện thuộc thể hồi ký có sự kết hợp hài hoà giữa sự kiện và bày tỏ cảm xúc, là tác phẩm tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Nguyên Hồng tha thiết, giàu chất trữ tình và thấm đẫm cảm xúc.

5. Luyện tập:

ĐỀ 1: Nguyên Hồng xứng đáng là nhà văn của phụ nữ và trẻ em. Bằng sự hiểu biết của em về tác phẩm Trong lòng mẹ, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.

Hướng dẫn:

1. Giải thích:

Vì sao Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em

Đề tài: Nhìn vào sự nghiệp sáng tác của Nguyên Hồng, người đọc dễ nhận thấy hai đề tài này đã xuyên suốt hầu hết các sáng tác của nhà văn: Những ngày thơ ấu, Hai nhà nghỉ, Bì vồ...

Hoàn cảnh: Gia đình và bản thân đã ảnh hưởng sâu sắc đến sáng tác của nhà văn. Bản thân là một đứa trẻ mồ côi sống trong sự thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần lại còn bị gia đình và xã hội ghẻ lạnh .

Nguyên Hồng được đánh giá là nhà văn của phụ nữ và trẻ em không phải vì ông viết nhiều về nhân vật này. Điều quan trọng ông viết về họ bằng tất cả tấm lòng tài năng và tâm huyết của nhà văn chân chính. Mỗi trang viết của ông là sự đồng cảm mãnh liệt của người nghệ sỹ , dường như nghệ sỹ đã hoà nhập vào nhân vật mà thương cảm mà xót xa đau đớn, hay sung sướng, hả hê.

2. Nguyên Hồng là nhà văn của phụ nữ .

a. Nhà văn đã thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi bất hạnh của người phụ nữ

Thấu hiểu nỗi khổ về vật chất của người phụ nữ. Sau khi chồng chết vì nợ nần cùng túng quá, mẹ Hồng phải bỏ đi tha hương cầu thực, buôn bán ngược xuôi để kiếm sống . Sự vất vả, lam lũ đã khiến người phụ nữ xuân sắc một thời trở nên tiều tụy đáng thương “Mẹ tôi ăn mặc rách rưới, gầy rạc đi ”...

Thấu hiểu nỗi đau đớn về tinh thần của người phụ nữ : Hủ tục ép duyên đã khiến mẹ Hồng phải chấp nhận cuộc hôn nhân không tình yêu với người đàn ông gấp đôi tuổi của mình. Vì sự yên ấm của gia đình, người phụ nữ này phải sống âm thầm như một cái

bóng bên người chồng nghiện ngập. Những thành kiến xã hội và gia đình khiến mẹ Hồng phải bỏ con đi tha hương cầu thực, sinh nở vùng trộm dẫu điểm.

b. Nhà văn còn ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, đức tính cao quý của người phụ nữ:

Giàu tình yêu thương con. Gặp lại con sau bao ngày xa cách, mẹ Hồng xúc động đến nghẹn ngào. Trong tiếng khóc sù sùi của người mẹ, người đọc như cảm nhận được nỗi xót xa ân hận cũng như niềm sung sướng vô hạn vì được gặp con. Bằng cử chỉ dịu dàng âu yếm xoa đầu, vuốt ve, gãi rôm...mẹ bù đắp cho Hồng những tình cảm thiếu vắng sau bao ngày xa cách.

c. Là người phụ nữ trọng nghĩa tình

Dẫu chẳng mặn mà với cha Hồng song vốn là người trọng đạo nghĩa, mẹ Hồng vẫn trở về trong ngày dỗ dể tưởng nhớ người chồng đã khuất.

d. Nhà văn còn bênh vực, bảo vệ người phụ nữ:

Bảo vệ quyền bình đẳng và tự do, cảm thông với mẹ Hồng khi chưa đoạn tang chồng đã tìm hạnh phúc riêng.

Tóm lại: Đúng như một nhà phê bình đã nhận xét “Cảm hứng chủ đạo bậc nhất trong sáng tạo nghệ thuật của tác giả. Những ngày thơ ấu lại chính là niềm cảm thương vô hạn đối với người mẹ. Những dòng viết về mẹ là những dòng tình cảm thiết tha của nhà văn. Không phải ngẫu nhiên khi mở đầu tập hồi ký Những ngày thơ ấu, nhà văn lại viết lời đề từ ngắn gọn và kính cẩn: Kính tặng mẹ tôi”. Có lẽ hình ảnh người mẹ đã trở thành nguồn mạch cảm xúc vô tận cho sáng tác của Nguyên Hồng để rồi ông viết văn học bằng tình cảm thiêng liêng và thành kính nhất.

2. Nguyên Hồng là nhà văn của trẻ thơ.

a. Nhà văn thấu hiểu và đồng cảm sâu sắc cho nỗi khổ, nội bất hạnh của trẻ thơ.

Nhà văn thấu hiểu nỗi thống khổ cả vật chất lẫn tinh thần: Cả thời thơ ấu của Hồng được hưởng những dư vị ngọt ngào thì ít mà đau khổ thì không sao kể xiết: Mồ côi cha, thiếu bàn tay chăm sóc của mẹ, phải ăn nhờ ở đậu người thân. Gia đình và xã hội đã không cho em được sống cuộc sống thực sự của trẻ thơ...nghĩa là được ăn ngon, và sống trong tình yêu thương đùm bọc của cha mẹ, người thân. Nhà văn còn thấu hiểu cả những tâm sự đau đớn của chú bé khi bị bà cô xúc phạm...

b. Nhà văn trân trọng, ngợi ca phẩm chất cao quý của trẻ thơ:

Tình yêu thương mẹ sâu sắc mãnh liệt. Luôn nhớ nhung về mẹ. Chỉ mới nghe bà cô hỏi “Hồng, mày có muốn vào Thanh Hoá chơi với mợ mày không?”, lập tức, trong ký ức của Hồng trôi dậy hình ảnh người mẹ.

Hồng luôn tin tưởng khẳng định tình cảm của mẹ dành cho mình. Dẫu xa cách mẹ cả về thời gian, không gian, dù bà cô có tính ma độc địa đến đâu thì Hồng cũng quyết bảo vệ đến cùng tình cảm của mình dành cho mẹ. Hồng luôn hiểu và cảm thông sâu sắc cho tình cảnh cũng như nỗi đau của mẹ. Trong khi xã hội và người thân hùa nhau tìm cách trừng phạt mẹ thì bé Hồng với trái tim bao dung và nhân hậu yêu thương mẹ sâu nặng đã nhận thấy mẹ chỉ là nạn nhân đáng thương của những cổ tục phong kiến kia. Em đã khóc cho nỗi đau của người phụ nữ khát khao yêu thương mà không được trọn vẹn. Hồng căm thù những cổ tục đó: “Giá những cổ tục kia là một vật nhưthôi”

Hồng luôn khao khát được gặp mẹ. Nỗi niềm thương nhớ mẹ nung nấu tích tụ qua bao tháng ngày đã khiến tình cảm của đứa con dành cho mẹ như một niềm tín ngưỡng thiêng liêng, thành kính. Trái tim của Hồng như đang rớm máu, rạn nứt vì nhớ mẹ. Vì thế thoảng thấy người mẹ ngồi trên xe, em đã nhận ra mẹ, em vui mừng cất tiếng gọi mẹ mà bấy lâu em đã cất dấu ở trong lòng.

c. Sung sướng khi được sống trong lòng mẹ.

Lòng vui sướng được toát lên từ những cử chỉ vội vã bối rối từ giọt nước mắt giận hờn, hạnh phúc tức tưởi, mãn nguyện.

d. Nhà thơ thấu hiểu những khao khát muôn đời của trẻ thơ:

Khao khát được sống trong tình thương yêu che chở của mẹ, được sống trong lòng mẹ.

Đề 2:

Qua đoạn trích: **Trong lòng mẹ**, em hãy làm sáng tỏ nhận định sau: **Đoạn trích trong lòng mẹ đã ghi lại những rung động cực điểm của một linh hồn trẻ đại.**

Gợi ý:

a. Đau đớn xót xa đến tột cùng:

Lúc đầu khi nghe bà cô nhắc đến mẹ, Hồng chỉ cố nuốt niềm thương, nỗi đau trong lòng. Nhưng khi bà cô cố ý muốn lăng nhục mẹ một cách tàn nhẫn, trắng trợn...Hồng đã không kìm nén được nỗi đau đớn, sự uất ức : “Cổ họng nghẹn ứ lại , khóc không ra tiếng ”. Từ chỗ chôn chặt kìm nén nỗi đau đớn, uất ức trong lòng càng bùng lên dữ dội.

b. Căm ghét đến cao độ những cô tục .

Cuộc đời nghiệt ngã, bất công đã tước đoạt của mẹ tất cả tuổi xuân, niềm vui, hạnh phúc...Càng yêu thương mẹ bao nhiêu, thì nỗi căm thù xã hội càng sâu sắc quyết liệt bấy nhiêu: “Giá những cô tục kia là một vật như mới thôi”.

c. Niềm khao khát được gặp mẹ lên tới cực điểm

Những ngày tháng xa mẹ, Hồng phải sống trong đau khổ thiếu thốn cả vật chất, tinh thần . Có những đêm Nô-en, em đi lang thang trên phố trong sự cô đơn và đau khổ vì nhớ thương mẹ. Có những ngày chờ mẹ bên bến tàu, để rồi trở về trong nỗi buồn bực.....nên nỗi khao khát được gặp mẹ trong lòng em lên tới cực điểm ...

d. Niềm vui sướng, hạnh phúc lên tới cực điểm khi được ở trong lòng mẹ.

Niềm sung sướng lên tới cực điểm khi bên tai Hồng câu nói của bà cô đã chìm đi, chỉ còn cảm giác ấm áp, hạnh phúc của đứa con khi sống trong lòng mẹ.

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

BUỔI 3

Ngày soạn: 27/01/ 2022

Ngày dạy: 08/ 02/ 2022

CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỆN KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (Tiếp**Tìm hiểu tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại:****Tức nước vỡ bờ****A. Mục tiêu cần đạt**

- Củng cố lại những kiến thức cơ bản về tác phẩm *Tắt đèn* và đoạn trích *Tức nước vỡ bờ*;
- Mở rộng, luyện đề củng cố kiến thức về văn bản trên

B. Nội dung bài học**TỨC NƯỚC VỠ BỜ****Ngô Tất Tố****I- Tác giả**

- Ngô Tất Tố (1893- 1954) sinh tại Lộc Hà, huyện Từ Sơn tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc Đông Anh- Hà Nội)

- Thuở nhỏ học chữ Nho nổi tiếng thông minh, đỗ đầu kì thi khảo hạch vùng kinh Bắc, được ái mộ, gọi là “đầu xứ Tố”. Khi nền Hán học suy tàn : “ông nghề, ông công cũng nằm co”(Tú Xương), Ngô Tất Tố tự học chữ Quốc ngữ và học tiếng Pháp. Ông trở thành một nhà văn, nhà báo, nhà dịch thuật và khảo cứu nổi tiếng.

+ Về hoạt động báo chí, ông được coi là “một tay ngôn luận xuất sắc trong đám nhà nho” (lời Vũ Trọng Phụng), có mặt trên nhiều tờ báo trong cả nước với hàng chục bút danh, với một khối lượng bài báo đồ sộ, đề cập nhiều vấn đề thời sự, xã hội, chính trị, văn hoá, nghệ thuật. Đó là một nhà báo có lập trường dân chủ tiến bộ, có lối viết sắc sảo, điều luyện giàu tính chiến đấu, nhiều bài là những tiểu phẩm châm biếm có giá trị văn học cao

+ Về sáng tác văn học, ông là một trong những nhà văn xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực trước cách mạng. Là cây bút phóng sự, là nhà tiểu thuyết nổi tiếng. Gọi NTT là “nhà văn của nông dân” bởi ông chuyên viết về nông thôn và đặc biệt rất thành công ở đề tài này.

VD: Các phóng sự : Tập án cái đình (1939), Việc làng (1940) là các tập hồ sơ lên án những hủ tục “quái gở”, “man rợ” đang đè nặng lên cuộc sống người nông dân ở nhiều vùng nông thôn khi đó. Tiểu thuyết “Tắt đèn” là “thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác, tòng lai chưa từng thấy (Lời Vũ Trọng Phụng trong bài “báo thời vụ”). Tiểu thuyết “Lều chõng” (1939) tái hiện tỉ mỉ

sinh động cảnh hà trường và thi cử thời phong kiến. Nhưng khác với những tác phẩm đương thời cùng đề tài, “lều chõng” đã vạch trần tính chất nhồi sọ và sự trói buộc khắc nghiệt bóp chết óc sáng tạo của chế độ giáo dục và khoa cử phong kiến. Tác phẩm ít nhiều có ý nghĩa chống lại phong trào phục cổ do thực dân đề xướng lúc bấy giờ.

- Sau cách mạng tháng Tám, NTT sống và hoạt động văn hóa văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc, ông qua đời trước mấy ngày chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng.

II- Tóm tắt tác phẩm “Tắt đèn”

- Câu chuyện trong “Tắt đèn” diễn ra trong một vụ đóc sưu, đóc thuế ở một làng quê-làng Đông xá dưới thời Pháp thuộc. Cổng làng bị đóng chặt. Bọn hào lý và lũ tay chân với roi song, dây thừng, tay thước nghênh ngang đi lại ngoài đường thét trói kẻ thiếu sưu. Tiếng trống ngũ liên, tiếng tù và nổi lên suốt đêm ngày.

- Sau hai cái tang liên tiếp(tang mẹ chồng và tang chú Hợi), gia đình chị Dậu tuy vợ chồng đầu tắt mặt tối quanh năm mà vẫn không đủ ăn, áo không đủ mặc, đến nay đã lên đến “bạc nhất nhì trong hạng cùng đinh”. Anh Dậu lại bị trận ốm kéo dài mấy tháng trời không có tiền nộp sưu, anh Dậu đã bị bọn cường hào “bắt trói” như trói chó để giết thịt. Chị Dậu tất tả chạy ngược chạy xuôi, phải dứt ruột bán đứa con gái đầu lòng và ỏ chó cho vợ chồng Nghị Quế để trang trải “món nợ nhà nước”. Lí trưởng làng Đông Xá bắt anh Dậu phải nộp suất sưu cho chú Hợi đã chết từ năm ngoái vì “chết cũng không trốn được nợ nhà nước”. Bị ốm, bị trói, bị đánh Anh Dậu bị ngất đi, rũ như xác chết được khiêng trả về nhà. Sáng sớm hôm sau anh Dậu còn đang ốm rất nặng chưa kịp húp tí cháo thì tay chân bọn hào lý lại ập đến. Chúng lồng lên chửi mắng, bịch vào ngực và tát đánh bốp vào mặt chị Dậu. Chị Dậu van lạy chúng tha trói chồng mình. Nhưng tên Cai Lệ đã găm lên, rồi nhảy thốc vào trói anh Dậu khi anh Dậu đã bị lăn ra chết ngất. Chị Dậu nghiêng hai hàm răng thách thức, rồi xông vào đánh ngã nhào tên Cai Lệ và tên hầu cận lý trưởng, những kẻ đã “hút nhiều xái cũ”.

- Chị Dậu bị bắt giải lên huyện. Tri Phủ Tư Ân thấy Thị Đào có nước da đen dòn, đôi mắt sắc sảo đã giở trò bỉ ổi. Chị Dậu đã “ném tọt” cả nắm giấy bạc vào mặt con quỷ dâm ô, rồi vùng chạy. Món nợ nhà nước vẫn còn đó, chị Dậu phải lên tỉnh đi ở vú. Một đêm tối trời, cụ cố thượng đã ngoài 80 tuổi mò vào buồng chị Dậu. Chị Dậu vùng chạy thoát ra ngoài trong khi “trời tối đen như mực”

III- Giới thiệu “Tắt đèn”.

1. Về nội dung tư tưởng

a. “Tắt đèn” là một tác phẩm giàu giá trị hiện thực: Tố cáo và lên án chế độ sưu thuế đã man của thực dân Pháp đã bần cùng hóa nhân dân. “Tắt đèn” là một bức tranh xã hội chân thực, một bản án đanh thép kết tội chế độ thực dân nửa phong kiến.

b. “Tắt đèn” giàu giá trị nhân đạo

- Tình vợ chồng, tình mẹ con, tình xóm nghĩa làng giữa những con người cùng khổ, số phận những người phụ nữ, những em bé, những người cùng đinh được tác giả nêu lên với bao xót thương, nhức nhối và đau lòng.

- “Tắt đèn” đã xây dựng nhân vật chị Dậu, một hình tượng chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam. Chị Dậu có bao phẩm chất tốt đẹp : cần cù, tần tảo, giàu tình

thương, nhẫn nhục và dũng cảm chống cường hào, áp bức. Chị Dậu là hiện thân của người vợ, người mẹ vừa sắc sảo, vừa đôn hậu, vừa trong sạch.

2. Về nghệ thuật:

- Kết cấu chặt chẽ, tập trung. Cái tình tiết, chi tiết đan cài chặt chẽ, đầy ấn tượng làm nổi bật chủ đề. Nhân vật chị Dậu xuất hiện từ đầu đến cuối tác phẩm
 - Tính xung đột, tính bi kịch cuốn hút, hấp dẫn
 - Khắc họa thành công nhân vật: các hạng người từ người dân cày nghèo khổ đến địa chủ, từ bọn cường hào đến quan lại đều có nét riêng rất chân thực, sống động.
 - Ngôn ngữ từ miêu tả đến tự sự, rồi đến ngôn ngữ nhân vật đều nhuần nhuyễn đậm đà.
- => Tóm lại, đúng như Vũ Trọng Phụng nhận xét : “Tắt đèn” là một thiên tiểu thuyết có luận đề xã hội hoàn toàn phụng sự dân quê, một áng văn có thể gọi là kiệt tác.

IV. Tìm hiểu đoạn trích “Tức nước vỡ bờ”

1. Giới thiệu đoạn trích:

Trong tiểu thuyết “Tắt đèn”, chỉ ít người đọc cũng nhớ chị Dậu, người phụ nữ rất mực dịu dàng và biết chịu đựng nhẫn nhục, đã ba lần vùng lên chống trả quyết liệt sự áp bức của bọn thống trị để bảo vệ nhân phẩm của mình và bảo vệ chồng con. Trong đó thì tiểu biểu nhất là cảnh “tức nước vỡ bờ” mà nhà văn viết thành một chương truyện đầy ấn tượng khó phai, chương thứ 18 của tiểu thuyết “Tắt đèn” nổi tiếng của văn học hiện thực phê phán Việt Nam giai đoạn 1930- 1945.

2. Tiêu đề “Tức nước vỡ bờ” thấu tóm được :

- Các phần nội dung liên quan trong văn bản: chị Dậu bị áp bức cũng quẫn, buộc phải phản ứng chống lại Cai lệ và người nhà lí trưởng.
- Thể hiện đúng tư tưởng của văn bản : có áp bức, có đấu tranh
- Từ tên gọi của văn bản, có thể xác định nhân vật trung tâm của đoạn trích này là chị Dậu.

3. Bố cục: Chuyện tức nước vỡ bờ của chị Dậu diễn ra ở hai sự việc chính:

- Phần 1: Từ đầu đến chỗ “ngon miệng hay không”: Chị Dậu ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế
- Phần 2: Từ “anh Dậu uốn vai đến hết”: Chị Dậu khôn ngoan và can đảm đương đầu với bọn tay sai phong kiến như Cai Lệ và người nhà Lý trưởng.

Câu hỏi: Theo em, hình ảnh chị Dậu được khắc họa rõ nét nhất ở sự việc nào? vì sao em khẳng định như thế?

- Sự việc chị Dậu đương đầu với Cai Lệ và người nhà lí trưởng. Vì khi đó tính cách ngoan cường của chị Dậu được bộc lộ. Trong hoàn cảnh bị áp bức cùng cực, tinh thần phản kháng của chị Dậu mới có dịp bộc lộ rõ ràng.

4. Phân tích:

a. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện mối xung đột cao độ giữa kẻ áp bức và người bị áp bức.

- Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, gia đình chị Dậu bị dồn đến bước đường cùng trong cơn khốn quẫn nhất: phải bán con, bán đàn chó mới để mới đủ suất tiền sưu cho anh Dậu để

cứu chồng đang ốm yếu bị đánh đập ngoài đình. Nhưng nguy cơ anh Dậu lại bị bắt nữa vì chưa có tiền nộp sưu cho người em ruột đã chết từ năm ngoái.

- Nhờ hàng xóm giúp, chị Dậu ra sức cứu sống chồng nhưng trời vừa sáng, cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào với những roi song tay thước và dây thừng, tính mạng của anh Dậu bị đe dọa nghiêm trọng. Anh chưa kịp húp ít cháo cho đỡ xót ruột như mong muốn của người vợ thương chồng thì bọn đầu trâu mặt ngựa đã ào vào như một cơn lốc dữ khiến anh lăn đùng ra không nói được câu gì.

=> Như vậy, tình huống vừa mới mở ra mà xung đột đã nổi lên ngay, báo trước kịch tính rất cao đề dẫn đến cảnh “tức nước vỡ bờ” như là một quy luật không thể nào tránh khỏi.

b. Bộ mặt tàn ác bắt nhân của bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

Trong phần hai của văn bản này xuất hiện các nhân vật đối lập với chị Dậu. Trong đó nổi bật là tên cai lệ. Cai lệ là viên cai chỉ huy một tốp lính lệ. Hắn cùng với người nhà lí trưởng kéo đến nhà chị Dậu để tróc thuế sưu, thứ thuế nộp bằng tiền mà người dân ông là dân thường từ 18 đến 60 tuổi (gọi là dân đinh) hằng năm phải nộp cho nhà nước phong kiến thực dân; sưu là công việc lao động nặng nhọc mà dân đinh phải làm cho nhà nước đó. Gia đình chị Dậu phải đóng suất thuế sưu cho người em chồng đã mất từ năm ngoái cho thấy thực trạng xã hội thời đó thật bất công, tàn nhẫn và không có luật lệ.

- Theo dõi nhân vật cai lệ, ta thấy ngòi bút hiện thực NTT đã khắc họa hình ảnh tên cai lệ bằng những chi tiết điển hình thật sắc sảo.

+ Vừa vào nhà, cai lệ đã lập tức ra oai “gõ đầu roi xuống đất”, hách dịch gọi anh Dậu là “thằng kia”, “mày” và xưng “ông”, “cha mày”. “Thằng kia! Ông tưởng mày chết đêm qua, còn sống đấy à? Nộp tiền sưu mau!”

+ Cai Lệ trợn ngược hai mắt, hăn quát: “mày định nói cho cha mày nghe đấy à? Sưu của nhà nước mà dám mở mồm xin khát!”

+ Vẫn giọng hầm hè: “Nếu không có tiền nộp sưu cho ông bây giờ, thì ông sẽ dỡ cả nhà mày đi, chửi mắng thôi à!....”

+ Đùng đùng, cai lệ giật phắt cái thừng trong tay anh này và chạy sầm sập đến chỗ anh Dậu : “tha này! tha này!.. Vừa nói hăn vừa bịch luôn vào ngực chị Dậu mấy bịch rồi lại sấn đến để trói anh Dậu.”

=> Ngòi bút của NTT thật sắc sảo, tinh tế khi ông không dùng một chi tiết nào để miêu tả suy nghĩ tên cai lệ trong cảnh này. Bởi vì lũ đầu trâu mặt ngựa xem việc đánh người, trói người như là việc tự nhiên hàng ngày, chẳng bao giờ thấy động lòng trắc ẩn thì làm gì chúng còn biết suy nghĩ? Nhà văn đã kết hợp các chi tiết điển hình về bộ dạng, lời nói, hành động để khắc họa nhân vật. Từ đó ta thấy tên cai lệ đã bộc lộ tính cách hống hách, thô bạo, không còn nhân tính. Từ hình ảnh tên cai lệ này, ta thấy bản chất xã hội thực dân phong kiến là một xã hội đầy rẫy bất công tàn ác, một xã hội có thể gieo họa xuống người dân lương thiện bất kì lúc nào, một xã hội tồn tại trên cơ sở của các lí lẽ và hành động bạo ngược.

c. Hình ảnh đẹp đẽ của người nông dân lao động nghèo khổ.

Truyện “Tắt đèn” của Ngô Tất Tố đã tạo dựng được hình ảnh chân thực về người phụ nữ nông dân bị áp bức cùng quần trong xã hội phong kiến nhưng vẫn giữ được bản chất tốt đẹp của người lao động, đó là chị Dậu.

*** Trước hết là tấm lòng của người vợ đối với người chồng đang đau ốm được diễn tả chân thật và xúc động từ lời nói đến hành động.**

- Chị Dậu chăm sóc anh Dậu trong hoàn cảnh : Giữa vụ sưu thuế căng thẳng, nhà nghèo, phải bán chó, bán con mà vẫn không lo đủ tiền sưu. Còn anh Dậu thì bị tra tấn, đánh đập và bị ném về nhà như một cái xác rữa rùi...

=> Trước hoàn cảnh khốn khó, chị Dậu đã chịu đựng rất dẻo dai, không gục ngã trước hoàn cảnh.

- Trong cơn nguy biến chị đã tìm mọi cách cứu chữa cho chồng: Cháo chín, chị Dậu mang ra giữa nhà, ngả mâm bát mức la liệt. Rồi chị lấy quạt quạt cho chóng nguội. Chị rón rén bưng một bát đến chỗ chồng nằm: Thầy em hãy cố ngồi dậy húp ít cháo cho đỡ xót ruột. Rồi chị đón lấy cái Tũn và ngồi xuống đó như có ý chờ xem chồng ăn có ngon miệng không.

=> Đó là những cử chỉ yêu thương đằm thắm, dịu dàng của một người vợ yêu chồng. Tình cảm ấy như hơi ấm dịu dàng thức tỉnh sự sống cho anh Dậu. Tác giả miêu tả thật tỉ mỉ, kĩ lưỡng từng hành động cử chỉ, từng dấu hiệu chuyển biến của anh Dậu : “anh Dậu uốn vai ngáp dài một tiếng”... Dường như mỗi cử chỉ, hành động của anh Dậu đều có ánh mắt thấp thỏm, lo lắng của chị Dậu dõi theo da diết. Cứ tưởng rằng đây là một phút giây ngắn ngủi trong cả cuộc đời đau khổ của chị Dậu để chị có thể vui sướng tràn trề khi anh Dậu hoàn toàn sống lại. Nhưng dường như chị Dậu sinh ra là để khổ đau và bất hạnh nên dù chị có khao khát một giây phút hạnh phúc ngắn ngủi nhưng nào có được. Bọn Cai lệ và người nhà lí trưởng đã sầm sập tiến vào như cơn lốc dữ dập tắt ngọn lửa sống đang nhen nhóm trong anh Dậu. Nỗi cay đắng trong chị Dậu không biết lớn đến mức nào. Nhưng giờ đây chị sẽ phải xử sự ra sao để cứu được chồng thoát khỏi đòn roi.

*** Theo dõi nhân vật chị Dậu trong phần thứ hai của văn bản “tức nước vỡ bờ”, ta thấy chị Dậu là một người phụ nữ cứng cỏi đã dũng cảm chống lại bọn cường hào để bảo vệ chồng.**

- Ban đầu chị **nhẫn nhục** chịu đựng:

+ Chị Dậu cố van xin thiết tha bằng giọng run run cầu khẩn: “Hai ông làm phúc nói với ông lí cho cháu khát”

=> Cách cư xử và xưng hô của chị thể hiện thái độ nhẫn nhục chịu đựng. Chị có thái độ như vậy là vì chị biết thân phận bé mọn của mình, người nông dân thấp cổ bé họng, biết cái tình thế khó khăn, ngặt nghèo của gia đình mình (anh Dậu là kẻ có tội thiếu suất sưu của người em đã chết, lại đang ốm nặng). Trong hoàn cảnh này, chị chỉ mong chúng tha cho anh Dậu, không đánh trối hành hạ anh.

- Khi tên cai lệ chạy sầm sập đến trối anh Dậu, tính mạng người chồng bị đe dọa, chị Dậu “xám mặt” vội vàng chạy đến đỡ lấy tay hắn, nhưng vẫn cố van xin thảm thiết: “Cháu van ông ! Nhà cháu vừa mới tỉnh được một lúc, ông tha cho”. (“Xám mặt” tức là chị đã rất tức giận, bất bình trước sự vô lương tâm của lũ tay sai. Mặc dù vậy, lời nói của chị

vẫn rất nhũn nhặn, chị đã nhẫn nhục hạ mình xuống- chứng tỏ sức chịu đựng của chị rất lớn. Tất cả chỉ là để cứu chồng qua cơn hoạn nạn.

- Nhưng chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin mà còn tiềm tàng một khả năng phản kháng mãnh liệt.

+ Khi tên cai lệ mỗi lúc lại lồng lên như một con chó điên “bịch vào ngực chị mấy bịch” rồi “tát đánh bốp vào mặt chị thậm chí nhảy vào chỗ anh Dậu”.... tức là hấn hành động một cách dã man thì mọi sự nhẫn nhục đều có giới hạn. Chị Dậu đã kiên quyết **cự lại**. Sự cự lại của chị Dậu cũng có một quá trình gồm hai bước.

Thoạt đầu, chị cự lại bằng **lí lẽ** : “Chồng tôi đau ốm, ông không được phép hành hạ”. -> Lời nói đanh thép như một lời cảnh cáo. Thực ra chị không viện đến pháp luật mà chỉ nói cái lí đương nhiên, cái đạo lí tối thiểu của con người. Lúc này chị đã thay đổi cách xưng hô ngang hàng nhìn vào mặt đối thủ. Với thái độ quyết liệt ấy, một chị Dậu dịu dàng đã trở nên mạnh mẽ, đáo dẻ.

Đến khi tên cai lệ dã thú ấy vẫn không thềm trả lời còn tát vào mặt chị một cái đánh bốp rồi cứ nhảy vào cạnh anh Dậu thì chị đã **vụt đứng dậy** với niềm căm giận ngùn ngụt: Chị Dậu nghiêng hai hàm răng “mày trói chồng bà đi, bà cho mày xem!”. Một cách xưng hô hết sức đanh đá của phụ nữ bình dân thể hiện tư thế “đứng trên đầu thù” sẵn sàng dè bẹp đối phương. Rồi chị “túm cổ cai lệ ấn dúi ra cửa, lẳng người nhà lí trưởng ngã nhào ra thềm”. Chị Dậu vẫn chưa nguôi giận. Với chị, nhà tù thực dân cũng chẳng có thể làm cho chị run sợ nên trước sự can ngăn của chồng, chị trả lời: “thà ngồi tù. Để cho chúng nó làm tình làm tội mãi thế, tôi không chịu được”.

Câu hỏi: Em thích nhất chi tiết nào ? Vì sao?

=> Chi tiết chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ. Vừa ra tay chị đã nhanh chóng biến tên tay sai hung hãn vũ khí đầy mình thành những kẻ thảm bại xấu xí, toi tã. Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận bị dồn nén đến mức không thể chịu đựng được nữa. Đó còn là sức mạnh của lòng yêu thương chồng con vô bờ bến. Hành động dã man của tên cai lệ là nguyên nhân trực tiếp làm cho sức chịu đựng của chị lên quá mức. Giọng văn của Ngô Tất Tố trở nên hả hê. Dưới ngòi bút của ông, hình ảnh chị Dậu hiện lên khoẻ khoắn, quyết liệt bao nhiêu thì hình ảnh bọn tay sai hung ác trở nên nhỏ bé, hèn hạ, nực cười bấy nhiêu. Và chúng ta khi đọc đến những dòng này cũng sung sướng, hả hê như Ngô Tất Tố. Ông đã chỉ ra một quy luật tất yếu trong xã hội “có áp bức có đấu tranh”, “con giun xéo mãi cũng quằn”, chị Dậu bị áp bức dã man đã vùng lên đánh trả một cách dũng cảm.

- Kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ

Câu hỏi: Nhận xét về nghệ thuật khắc hoạ nhân vật chị Dậu trong đoạn . Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó?

với lời nói và hành động.

- Tư sự kết hợp miêu tả và biểu cảm

- Từ nhũn nhặn, tha thiết van xin đến cứng cỏi thách thức, quyết liệt

- Dùng phép tương phản tính cách chị Dậu với bọn cai lệ và người nhà lí trưởng.

=> Tác dụng: tạo được nhân vật chị Dậu giống thật, chân thực, sinh động, có sức truyền cảm. Tính cách chị Dậu hiện lên nhất quán với diễn biến tâm lí thật sinh động. Chị Dậu mộc mạc, hiền dịu, đầy vị tha, giàu tình yêu thương, sống khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng nhưng hoàn toàn không yếu đuối, chỉ biết sợ hãi mà trái lại vẫn có một sức sống mạnh mẽ, một tinh thần phản kháng tiềm tàng.

- Từ hình ảnh của chị Dậu ta liên tưởng đến người nông dân trước cách mạng tháng Tám: tự ti, nhẫn nhục, an phận do bị áp bức lâu đời. Nhưng họ sẽ đứng lên phản kháng quyết liệt khi bị áp bức bóc lột tàn tệ.

- Sự phản kháng của chị Dậu còn tự phát, đơn độc chưa có kết quả (chỉ một lúc sau, cả nhà chị bị trói giải ra đình trình quan) tức là chị vẫn bế tắc nhưng có thể tin rằng khi có ánh sáng cách mạng rọi tới, chị sẽ là người đi hàng đầu trong cuộc đấu tranh. Chính với ý nghĩa ấy mà Nguyễn Tuân viết: “tôi nhớ như có lần nào, tôi đã gặp chị Dậu ở một đám đông phá kho thóc Nhật ở một cuộc cướp chính quyền huyện kì tổng khởi nghĩa.

=> Như vậy, từ hình ảnh “cái cò lặn lội bờ sông. Gánh gạo đưa chồng tiếng khóc nỉ non” và từ hình ảnh người phụ nữ trong thơ xưa đến hình ảnh chị Dậu trong “Tắt đèn”, ta thấy chân dung người phụ nữ Việt Nam trong văn học đã có một bước phát triển mới cả về tâm hồn lẫn chí khí.

5. Nội dung và nghệ thuật đặc sắc của văn bản “Tức nước vỡ bờ”

- Với ngòi bút hiện thực sinh động, Ngô Tất Tố đã vạch trần bộ mặt tàn ác, bất nhân của xã hội thực dân phong kiến đương thời đã đẩy người nông dân vào tình cảnh vô cùng cực khổ. Nhà văn còn ca ngợi một phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ nông dân nghèo khổ: giàu tình thương yêu và có sức sống tiềm tàng mạnh mẽ.

- Đây là một văn bản tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm. Tình huống truyện hấp dẫn thể hiện nổi bật xung đột. Khắc hoạ nhân vật bằng kết hợp các chi tiết điển hình về cử chỉ, lời nói và hành động. Thể hiện chính xác quá trình tâm lí nhân vật. Có thái độ rõ ràng đối với nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả của tác giả và ngôn ngữ đối thoại của nhân vật rất đặc sắc.

V. LUYỆN TẬP

Đề bài: :Tiểu thuyết **Tắt đèn** của nhà văn Ngô Tất Tố có nhiều nhân vật, nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực, đẹp đẽ của người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám năm 1945.

Qua đoạn trích “Tức nước vỡ bờ” hãy làm rõ vẻ đẹp của nhân vật chị Dậu.

Gợi ý làm bài

*.Yêu cầu về hình thức

- Viết đúng thể loại chứng minh về một nhận định văn học.
- Bố cục ba phần đảm bảo rõ ràng mạch lạc , lập luận chặt chẽ.
- Trình bày sạch sẽ, chữ viết rõ ràng, đúng chính tả, ngữ pháp.

*.Yêu cầu về nội dung

Chứng minh làm rõ vẻ đẹp của chị Dậu -người phụ nữ nông dân Việt Nam dưới chế độ phong kiến trước năm 1945 .

a) *Mở bài :*

- Giới thiệu khái quát tác giả , tác phẩm.
- Tiểu thuyết *Tắt đèn* có nhiều nhân vật nhưng chị Dậu là một hình tượng trung tâm, là linh hồn của tác phẩm *Tắt đèn*. Bởi chị Dậu là hình ảnh chân thực đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám 1945.

b) *Thân bài :*

Làm rõ những phẩm chất đáng quý của chị Dậu.

*Chị Dậu là người có tinh thần vị tha, yêu thương chồng con tha thiết.

+ Chị là người vợ chu đáo, tận tâm: quan tâm, tận tình chăm sóc chồng: Dẫn chứng

+ Chị đã tìm mọi cách để bảo vệ chồng khỏi đòn roi của bọn cai lệ.: Dẫn chứng

* Chị Dậu có một sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng tiềm tàng.

+ Chị hiền dịu, khiêm nhường, biết nhẫn nhục chịu đựng: van xin thiết tha, cầu khẩn

+ Chị Dậu không thuộc loại người yếu đuối chỉ biết nhẫn nhục van xin, trái lại khi bị đẩy tới đường cùng chị đã vùng dậy chống trả quyết liệt bằng cả lí lẽ và hành động:

- Thoạt đầu, chị cự lại bằng lí lẽ : D/c

- Sau đó chống trả bằng hành động với niềm căm giận ngàn ngút: Chị Dậu quật ngã bọn tay sai hung ác trong tư thế ngang hàng, bất khuất với sức mạnh kì lạ.

=>Sức mạnh kì diệu của chị Dậu là sức mạnh của lòng căm hờn, uất hận vì bị dồn nén đến mức không thể chịu nổi nữa, là sức mạnh của lòng yêu thương chồng con vô bờ bến.

*Khái quát khẳng định về phẩm chất nhân vật:

- Yêu thương chồng con, tiềm tàng sức sống mạnh mẽ và tinh thần phản kháng.

- Nhân vật chị Dậu toát lên nét đẹp mộc mạc của người phụ nữ nông dân với vẻ đẹp truyền thống.

- Hình tượng nhân vật chị Dậu là hình tượng điển hình của phụ nữ VN trước CM T8

c, *Kết bài:*

-Ngô Tất Tố đã thành công đặc biệt trong việc thể hiện chân thực vẻ đẹp và sức mạnh tâm hồn của người phụ nữ nông dân. Với hình tượng chị Dậu, lần đầu tiên trong VHVN có một điển hình chân thực, toàn vẹn, đẹp đẽ về người phụ nữ nông dân lao động.

- Tác phẩm “*Tắt đèn*” của Ngô Tất Tố không chỉ là tác phẩm có giá trị hiện thực mà còn có giá trị nhân đạo sâu sắc, là tác phẩm tiêu biểu của văn học hiện thực phê phán.

-Liên hệ thực tế

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

BUỔI 4

Ngày soạn: 10/02/ 2022

Ngày dạy: 15/ 02/ 2022

CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỆN KÍ VIỆT NAM HIỆN ĐẠI (Tiếp)
Tìm hiểu tác phẩm văn học Việt Nam hiện đại:
Lão Hạc – Nam Cao

I. Mục tiêu :

- Giúp học sinh nắm lại một số tác phẩm tiêu biểu của truyện kí Việt Nam hiện đại đã được học trong chương trình về nội dung và nghệ thuật
- Hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, bình giảng
- Qua làm các đề giúp học sinh khả năng diễn đạt

II. Chuẩn bị :

Giáo viên: nghiên cứu soạn bài ra đề

Học sinh: học theo hướng dẫn của giáo viên

III. Tiến trình dạy học:

A. Tác giả

- Nam Cao là bút danh của Trần Hữu Trí. Ông sinh năm 1915 tại làng Đại Hoàng, phủ Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Trước năm 1945, ông dạy học tư và viết văn. Ông là một nhà văn hiện thực xuất sắc với những truyện ngắn, truyện dài chân thực viết về người nông dân nghèo đói bị vùi dập và người trí thức nghèo sống mòn mỏi, bế tắc trong xã hội cũ.
- Sau cách mạng tháng Tám, ông chân thành, tận tụy sáng tác phục vụ kháng chiến : làm phóng viên mặt trận, rồi làm công tác văn nghệ tại chiến khu Việt Bắc. Cuối năm 1951, ông đi công tác vào vùng sau lưng địch, hi sinh trong tư thế một nhà văn- chiến sĩ.
- Nam Cao được nhà nước truy tặng « Giải thưởng Hồ Chí Minh » về văn học nghệ thuật (năm 1996).

- Nam Cao là tác giả của cuốn tiểu thuyết « Sống mòn » và khoảng 60 truyện ngắn tiêu biểu nhất là các truyện « Chí Phèo », « Lão Hạc », « Mua nhà », « Đời thừa », « Đôi mắt »....

- Nam Cao có tài kể chuyện, khắc họa nhân vật bằng độc thoại với bao trang đời éo le, đầy bi kịch. Người nông dân nghèo, người trí thức nghèo là hai đề tài in đậm trong truyện của Nam Cao. Tác phẩm của Nam Cao biểu hiện « *một chủ nghĩa nhân đạo thống thiết* » (Nguyễn Đăng Mạnh).

II. Về truyện ngắn "Lão Hạc":

1. Giới thiệu vắn tắt giá trị của truyện ngắn « Lão Hạc »

Viết về đề tài người nông dân trước cách mạng, « Lão Hạc » là một truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đăng báo lần đầu năm 1943. Truyện đã thể hiện một cách chân thực, cảm động số phận đau thương của người nông dân trong xã hội cũ và phẩm chất cao quý, tiềm tàng của họ. Đồng thời, truyện còn cho thấy tấm lòng yêu thương, trân trọng đối với người nông dân và tài năng nghệ thuật xuất sắc của nhà văn Nam Cao, đặc biệt trong việc miêu tả tâm lý nhân vật và cách kể truyện.

2. Giá trị nội dung

a. Tình cảnh cùng khổ và số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám.

***Cũng như bao người nông dân khác, cuộc đời lão Hạc bị vây bủa trong sự nghèo đói.** Đã nghèo, lại góa vợ, lão Hạc làm vào cảnh một thân gà trống nuôi con.

- Không có ruộng cấy, toàn bộ gia tài của lão chỉ là một con chó và một mảnh vườn. Mảnh vườn ấy có được là do vợ lão cố thắt lưng buộc bụng, dè sẻn mãi mới để ra được năm mươi đồng bạc tậu ». Đó là mảnh vườn còm cõi, hoa màu của nó cũng chỉ đủ để lão « bòn mót ». Cho nên lão phải làm thuê làm mướn, đem sức mình đổi lấy miếng ăn.

=> Đó là tất cả cuộc đời lão đã khiến lão thấm thía cái kiếp nghèo tủi nhục của mình, mà có lần lão đã chua xót thốt lên rằng : « nó chỉ nhỉnh hơn cái kiếp của một con chó »

*** Mất con**

- Chính cái nghèo đã khiến cho lão Hạc trở thành người cha phải bó tay trước hạnh phúc không thành của người con trai độc nhất. Cái nghèo không cho lão dựng vợ cho con để trọn cái đạo làm cha. Anh con trai vì không đủ tiền cưới vợ đã phải chỉ bỏ đi đồn điền cao su tận Nam Kỳ biệt lập 5,6 năm chưa về. Thế là cái nghèo lại cướp nốt đứa con trai của lão. Lão vô cùng đau xót về điều này, kể lại chuyện với ông giáo mà nước mắt rân rân : « Thẻ của nó người ta giữ. Hình của nó người ta chụp rồi. Nó lại đã lấy tiền của người ta. Nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Câu nói của lão nói lên một nỗi đau, bởi nó đã khái quát cả một cảnh đời cùng khổ một số phận thảm thương của người nông dân trong chế độ cũ.

***Bán chó :**

- Anh con trai đi biệt lập, lão sống thui thủi, trợ trợ một mình trong nỗi bất hạnh ngày thêm chồng chất. Chỉ có con chó là bầu bạn sớm tối, con chó thành « cậu Vàng », thành một người trong nhà lão. « Con chó là của cháu nó mua đấy chứ ». Lão vẫn không quên con chó là kỉ vật thiêng liêng, là tài sản của đứa con trai. Có một mối dây liên lạc rất lạ lùng giữa lão Hạc, con chó và đứa con trai vắng mặt. Cho nên, có bao nhiêu niềm thương, nỗi nhớ chất chứa trong lòng, lão dồn hết vào con chó. Lão yêu quý «cậu vàng » như con, như cháu tưởng như không thể nào có thể rời xa nó, tưởng như cuộc đời lão không thể thiếu nó.

-Vậy mà, tình cảnh đói nghèo khốn quẫn đã buộc lão phải chia tay với nó. Lão bị ốm một trận kéo dài 2 tháng 18 ngày, không một người thân bên cạnh đỡ đần, săn sóc cho một bát cháo, hay một chén thuốc ! Tình cảnh ấy thật đáng thương ! Tiếp theo một trận bão to, cây cối, hoa màu trong vườn bị phá sạch sành sanh. Làng mất nghề sới. Đàn bà con gái

trong làng đi làm thuê rất nhiều, giành hết mọi việc. Sau trận ốm, lão Hạc yếu hần đi, chẳng ai thuê lão đi làm nữa. Lão Hạc thành ra thất nghiệp. Thóc cao, gạo kém, sức cùng, lực kiệt, lão Hạc đành phải bán con chó mà lão rất yêu quý. Bán con chó là bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của lão. Lão đã đắn đo, do dự mãi khi quyết định bán con chó. - Và khi buộc lòng phải bán nó lão vô cùng đau đớn. Bán nó xong, lão Hạc bị đẩy sâu xuống đáy vực bi thảm. Lão cảm thấy mình là một kẻ « tẻ lẩm », đã già mà còn đánh lừa một con chó ». Kể lại chuyện bán chó với ông giáo mà « Lão cố làm ra vui vẻ. Nhưng trông lão cười như mếu và đôi mắt ầng ậ nước ». Lão tự nhận là một kẻ bất nhân, là tên lừa đảo đối với một con chó vốn tin yêu mình. Có lẽ đây là giây phút đau đớn nhất trong cuộc đời lão, khiến cho « mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.. »

=> Cuộc đời lão Hạc là một dòng nước mắt chảy dài của những nỗi đau bất lực. Nước mắt lão khi thì « rân rân », lúc « ầng ậ », cả khi « cười cũng như mếu ». Nước mắt ấy dường như đã cạn kiệt trong cuộc đời khổ đau, tủi cực của lão. Cho nên khi khóc, « mặt lão đột nhiên co rúm lại ». Những vết nhăn xô lại với nhau ép cho nước mắt chảy ra ». Nhiều người cho rằng đây là cái tài miêu tả của Nam Cao, nhưng trước hết đó là cái tình của nhà văn đối với kiếp người tủi cực trong chế độ cũ. Không có một sự cảm thông sâu sắc, không có một tình xót thương chân thành, không thể vẽ lên một nỗi đau hằn sâu trên khuôn mặt lão Hạc như vậy. Một nét vẽ mà như cô đúc cả một cảnh đời, một kiếp người trong xã hội cũ.

***Cái chết**

- Nhưng thâm trầm nhất vẫn là cái chết của lão Hạc sau những ngày ăn khoai, ăn củ chuối, sung luộc, rau má, củ ráy, hay bữa trai, bữa ốc... để rồi cuối cùng lão đã ăn bả chó mà chết. Dĩ nhiên, lão lựa chọn cái chết ấy là vì đũa con trai nhưng suy cho cùng thì chính tình cảnh khốn quẫn, sự đói khổ đã đẩy lão đến bước đường cùng phải chết.

- Đó là một cái chết thật là dữ dội và cũng vô cùng bi thảm : « Lão Hạc đang vật vã ở trên giường, đầu tóc rũ rượi, quần áo xộc xệch, hai mắt long sòng sọc. Lão tru tréo, bọt mép sùi ra, khắp người chốc chốc lại bị giật mạnh một cái, nảy lên... Lão vật vã đến hai giờ đồng hồ mới chết.

=> Như vậy, nghèo khổ đã đè nặng lên cuộc đời làm thuê làm mướn khiến cho lão sức cùng lực kiệt ; nghèo khổ lại cướp nốt đứa con trai của lão ; cướp nốt cả « cậu vàng » thân yêu, niềm an ủi cuối cùng của lão ; và nghèo khổ lại đẩy lão đến cái chết đau đớn và thảm khốc như chưa từng thấy. Cái chết ấy đã kết thúc một cảnh đời tủi cực và một số phận bi đát của người nông dân trước cách mạng tháng Tám. Cuộc sống cùng khổ và cái chết bi thương của lão Hạc đã nói lên thâm thúy số phận thảm của người nông dân lao động trong xã hội tăm tối đương thời. Không chỉ là nỗi đau, cái chết ấy còn là một lời tố cáo sâu sắc và mạnh mẽ cái chế độ tàn ác, bất nhân đã gây nên những cảnh đời thảm như lão Hạc. Với chủ nghĩa nhân đạo thống thiết, Nam Cao đã nói lên bao tình thương xót đối với những con người đau khổ, bế tắc phải tìm đến cái chết thảm. Chí Phèo tự sát bằng một mũi dao, Lang Rận thất cổ chết.... và lão Hạc đã quyền sinh bằng bả chó. Lão Hạc đã từng hỏi ông giáo : « Nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ? Câu hỏi ấy đã thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của một kiếp người.

*** Số phận anh con trai lão-** nhân vật không xuất hiện, chỉ hiện ra trong nỗi nhớ của lão Hạc- cũng thật đáng thương : chỉ vì quá nghèo mà cô gái anh yêu thương trở thành vợ kẻ khác ; anh phần chí ra đi nuôi mộng « cố chí làm ăn, bao giờ có bạc trăm mới về », không có tiền, sống khổ sống sở ở cái làng này nhục lắm ». Nhưng, thật tội nghiệp, cái nơi mà anh ta tìm đến với hi vọng làm giàu lại là đồn điền cao su Nam Kỳ, một địa ngục trần

gian, thân phận phu cao su chỉ là thân phận nô lệ. Còn lão Hạc thì cứ mong con mỗi mắt suốt tận ngày cuối đời...

b. Vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc.

Chính trong cảnh đời thê thảm ấy, ta lại thấy bùng sáng lên một vẻ đẹp tâm hồn và nhân cách cao cả của lão Hạc. Lão Hạc sống lủi thủi, thâm lặng, bề ngoài lão có vẻ như lầm cẩm, gàn dở ; vợ ông giáo cũng chẳng ưa gì lão : cho lão chết ! Ai bảo lão có tiền mà chịu khổ ? Lão làm lão khổ chứ ai làm lão khổ ! Chính ông giáo cũng có lúc từng nghĩ là lão quá nhiều tự ái , còn Binh Tư thì bĩu môi nhận xét : Lão làm bộ đấy ! thật ra thì lão chỉ tầm ngấm thế, nhưng cũng ra phết chứ chả vừa đâu ! Nhưng kì thực lão Hạc có một nhân cách hết sức cao quý mà bề ngoài không dễ thấy. Đằng sau manh áo rách là một tấm lòng vàng. Nó được thể hiện qua tấm lòng của lão đối với con trai, đối với cậu Vàng , qua việc gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo và nhất là qua cái chết thảm khốc mà lão đã lựa chọn cho chính mình.

*** Lão Hạc, một con người chất phác, hiền lành và nhân hậu vô cùng**

- Cái tình của lão đối với cậu Vàng thật là hiếm có, đặc biệt và Nam Cao đã ghi lại tổng những dòng chữ xúc động.

+ Bởi không còn là con chó thương, cậu “vàng” đã trở thành người thân, niềm vui, niềm an ủi đối với cuộc sống cô đơn, lủi thủi một mình của lão. + Lão “gọi nó là cậu Vàng như bà mẹ hiếm hoi gọi đứa con cầu tự. Thỉnh thoảng không có việc gì làm, lão lại bắt rận cho nó hay đem nó ra ao tắm, cho nó ăn cơm trong một cái bát như một nhà giàu (...) Lão cứ nhấm vài miếng lại gắp cho nó một miếng như người ta gắp thức ăn cho con trẻ. + Rồi lão chửi yêu nó, lão nói với nó như nói với một đứa cháu bé về bố nó”. Đoạn lão nói chuyện với cậu Vàng về việc « định giết cậu để cưới vợ cho con trai rồi lại không giết nữa, để nuôi » đã bộc lộ sâu sắc tình cảm của lão Hạc đối với con chó thân yêu.

=> Có thể nói, cậu Vàng được lão Hạc chăm sóc, nuôi nấng như con, như cháu. Nó là nguồn vui, chỗ dựa tinh thần, nơi san sẻ tình thương, giúp lão Hạc vượt đi ít nhiều nỗi buồn cô đơn, cay đắng. Cậu Vàng là một phần cuộc đời lão Hạc. Nó đã toả sáng tâm hồn và làm ánh lên bản tính tốt đẹp của lão nông đau khổ, bất hạnh này. Vì thế, sau khi bán cậu Vàng đi, từ tưng quẩn, lão Hạc chìm xuống đáy bể bi kịch, dẫn đến cái chết vô cùng thảm thương.

+ Tình thế cùng đường khiến lão phải tính đến việc bán “cậu Vàng” thì trong lão diễn ra một sự dằn vặt đau khổ. Lão kể lại cho ông giáo việc bán “cậu vàng” với tâm trạng vô cùng đau đớn: “lão cười như mếu, đôi mắt ầng ậc nước”. Đến nỗi ông giáo thương lão quá “muốn ôm chầm lấy lão mà oà lên khóc”. Khi nhắc đến việc cậu Vàng bị lừa rồi bị bắt, lão Hạc không còn nén nỗi đau đớn cứ dội lên : “mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão ngoẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc. Lão Hạc đau đớn đến thế không phải chỉ vì quá thương con chó, mà còn vì lão không thể tha thứ cho mình vì đã nỡ lừa con chó trung thành của lão. Ông lão “quá lương thiện” ấy cảm thấy lương tâm đau nhói khi thấy trong đôi mắt của con chó bất ngờ bị trói có cái nhìn trách móc... Thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó, nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó. Phải có trái tim vô cùng nhân hậu và trong sạch thì mới bị dày vò lương tâm đau đớn đến thế, mới cảm thấy có lỗi với một con chó như vậy.

*** Tấm lòng người cha ở lão Hạc đối với anh con trai mới thực cảm động, làm nên tâm sự chính của nhân vật và mạch truyện chủ yếu của tác phẩm.** Nó liên quan đến cái tình của lão đối với cậu vàng, đến việc lão gửi gắm nhờ ông giáo, và giải thích rõ cái chết thảm khốc của lão ở cuối truyện. Đó là tấm lòng của người cha thương con, suốt cả cuộc đời lo lắng cho con và sẵn sàng hi sinh tất cả- kể cả tính mạng – cho đứa con thân

yêu của mình. Nam Cao đã thấu hiểu cái tình cha con, thiêng liêng, sâu sắc đó ở người lão nông nghèo khổ này và đã diễn tả thật cảm động trên từng trang viết của tác phẩm.

+ Đầu tiên là việc anh con trai tính chuyện bán vườn để lo cưới vợ nhưng nghe lời bố, lại thôi. Thấy con buồn, lão Hạc « thương con lắm, nhưng biết làm sao được?... » Đó là tình thương đầy bất lực của một người cha nghèo.

+ Sau đó, anh con trai « sinh phần chí », bỏ làng, lìa cha, kí giấy đi làm đồn điền cao su. Đứa con trai độc nhất của lão đã bị cái nghèo cướp nốt, lão vô cùng đau đớn. Nỗi đau mất con khiến lão « chỉ còn biết khóc chứ biết làm thế nào nữa ? Bởi « nó là người của người ta rồi, chứ đâu còn là con tôi ». Lão Hạc kể lại chuyện khóc con, giống như lão đang khóc, đang đau nỗi đau xé ruột của người cha hoàn toàn bất lực khi thấy con trai tuột ra khỏi tay mình để trở thành người của người ta.

+ Trong nỗi đau ấy, khi chỉ còn sống cô đơn, thui thủi một mình thì lão Hạc đã biết chọn một cách sống cho con, vì con. Đó là cách sống không tính đến bản thân mình, khiến cho tình yêu thương và lòng nhân hậu của lão đã hoá thành một nhân cách làm người, nhân cách làm cha. Ta thấy trong từng nếp nghĩ của lão bao giờ cũng thấm đẫm đức hy sinh cao cả. Trước khi đi phu, anh con trai dặn bố : « bòn vườn đất với làm thuê làm mướn cho người ta thế nào cũng đủ ăn ». Nhưng lão đã tự xóa đi cái quyền sở hữu của mình đối với mảnh vườn ấy : « cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng. Lóp trước ta không bán là ta có ý giữ cho nó chứ có phải giữ để ta ăn đâu ! ». Cho nên, lão làm thuê làm mướn để kiếm ăn. Hoa lợi của khu vườn được bao nhiêu, lão để riêng ra. Lão chắc chắn, thế nào đến lúc con lão trở về cũng có được một trăm đồng bạc. Lão tính tiền ấy lão sẽ thêm vào cho con cưới vợ, nếu con đã đủ tiền cưới vợ thì cho nó để có chút vốn mà làm ăn. Thương con mà vị tha, hi sinh như thế thì đó chính là lòng thương con mộc mạc, cụ thể mà cao cả biết bao của những người lao động nghèo, ngay cả khi họ phải sống khốn khổ nhất trong xã hội cũ. Đến cả chuyện buộc phải bán chó, thì không phải chỉ vì không nuôi nổi nó, mà cái chính vẫn là vì con : « bây giờ tiêu một xu cũng là tiêu vào tiền của cháu. Tiêu lắm chỉ chết nó ».

+ Nhưng cái chết mới là đỉnh cao của đức hy sinh, lòng vị tha-mà ở đây chính là tình thương yêu sâu sắc của lão Hạc đối với đứa con trai.

- Hoàn cảnh ngày càng cực đã đẩy lão tới một sự lựa chọn đầy nghiệt ngã, bi đát : tiếp tục kéo dài sự sống tàn để trở thành kẻ báo hại cho con hay là chết đi để trọn đạo làm người, trọn đạo làm cha. Và lão đã chọn cái chết, không phải cho xong đời mình, mà chết cho con, vì con.

+Lão đã âm thầm chuẩn bị cho cái chết từ lúc quyết định bán con chó, bán đi niềm vui, niềm an ủi cuối cùng của đời mình ; từ khi gửi gắm vườn tược, tiền bạc cho ông giáo ; và cả những lúc ăn sung lộc, ăn củ ráy... để cuối cùng lão quyết định xin Binh Tư bả chó !... Có nỗi đau bán chó, có sự chu đáo và cân trọng trong việc gửi gắm nhờ vả ông giáo, có sự nhịn ăn mấy ngày liền thì mới có việc xin bả chó để tự kết liễu đời mình. Có nghĩa là lão đã chuẩn bị chu đáo mọi việc cho con (và cả cho mình nữa) để sẵn sàng đi vào một cái chết thật dữ dội và bi thảm. Tất cả vì con, một sự hi sinh thầm lặng cực kì to lớn !

=> Lão Hạc là một nông dân không được học hành, không có chữ nghĩa, càng không biết nhiều lí luận về tình phụ tử. Nhưng cái chết dữ dội của lão là bằng chứng cảm động về cái tình phụ tử nguyên sơ, mộc mạc, nhưng thăm thẳm, thiêng liêng biết chừng nào.

***_Lão Hạc là một nông dân nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng.**

- Lão Hạc đã tìm đến cái chết mặc dù trong tay vẫn còn mấy chục bạc (không kể vẫn còn mảnh vườn đáng giá mà không ít kẻ nhòm ngó)

- Bất đắc dĩ phải bán con chó ; bán xong rồi, lão đau đớn, lương tâm dần vật « thì ra tôi già bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó ».

- Ba sào vườn gửi lại nguyên vẹn cho con trai như một lời nguyên định ninh : « Cái vườn là của con ta (...) của mẹ nó tậu thì nó hưởng ». Trước khi chết, lão gửi lại ông giáo mảnh vườn cho con, và gửi lại 30 đồng hàng xóm. Lão thà nhịn đói chứ không tiêu xu nào vào món tiền mà lão cậy ông giáo cầm giữ đó.

- Với lòng tự trọng cao độ và nhân cách hết sức trong sạch, lão Hạc không muốn hàng xóm nghèo phải phiền lụy về cái xác già của mình, đã gửi lại ông giáo toàn bộ số tiền dành dụm bằng nhịn ăn, nhịn tiêu của lão, để nhờ ông giáo đưa ra nói với bà con hàng xóm lo giúp cho lão khi lão chết. Khi đã đem gửi hết đồng tiền cuối cùng, lão chỉ còn ăn uống đói khát qua bữa, bằng khoai rây, củ chuối, rau má..., nhưng lại kiên quyết từ chối mọi sự giúp đỡ của người khác, kể cả sự giúp đỡ của ông giáo mà chắc lão hiểu là rất thân tình.

- Nam Cao đã tinh tế đưa nhân vật Binh Tư, một kẻ « làm nghề ăn trộm » ở phần cuối truyện, tạo nên một sự đối sánh đặc sắc, làm nổi bật tấm lòng trong sạch, tự trọng của lão Hạc, một lão nông chân quê đáng trọng. Lão Hạc dù nghèo đói vẫn quyết sống bằng bàn tay lao động của mình trong khi ở xã hội đó có nhiều người đã bị ngã quy trước bản năng (cái đói và miếng ăn) như Chí Phèo, Binh Tư... Lang Rận... Với cái chết đau đớn dữ dội mà lão Hạc tự chọn, ra đi vẫn giữ được tâm hồn thanh thản, nhân cách trong sạch, lão Hạc đã trở thành một vị thánh. Là một ông già nông dân cùng khổ, lão Hạc đã thể hiện một khí tiết cao quý, có thức thức nhân phẩm rất cao. Lão Hạc là con người của câu tục ngữ : « đói cho sạch, rách cho thơm », « thà thác trong còn hơn sống đục ». Đó cũng là một nét nhân cách đáng trọng của người lao động nghèo.

=> Tóm lại, cuộc đời của lão Hạc đầy nước mắt, nhiều đau khổ và bất hạnh. Sống thì âm thầm, nghèo đói, cô đơn ; chết thì quẫn quai, đau đớn. Tuy thế, lão Hạc lại có bao phẩm chất tốt đẹp như hiền lành, chất phác, nhân hậu, trong sạch và tự trọng... Lão Hạc là một điển hình về người nông dân Việt Nam trong xã hội cũ được Nam Cao miêu tả chân thực, với bao trân trọng, xót thương, thấm đượm một tinh thần nhân đạo thống thiết.

c. Nhân vật- người kể chuyện (cũng chính là tác giả, tuy vậy không nên đồng nhất hoàn toàn với nhân vật về nguyên mẫu).

- Bên cạnh nhân vật lão Hạc là ông giáo, một nhân vật để lại bao ấn tượng đối với mỗi chúng ta về người trí thức nghèo trong xã hội cũ.

-Không rõ họ tên là gì. Hai tiếng ông giáo đã khẳng định vị thế của một con người giữa làng quê trước năm 1945 nhiều chữ nghĩa, nhiều lí luận, người ta kiêng nể ». Hai tiếng ông giáo từ miệng lão Hạc nói ra, lúc nào cũng đượm vẻ thân tình, cung kính, trọng vọng : cậu vàng đi đòi rồi ông giáo ạ !... Vâng, ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng ... Tôi cần rơm, cần cỏ lạy ông giáo »....

- Hãy đi ngược thời gian, tìm về thời trai trẻ của ông giáo. Là một con người chăm chỉ, ham mê, sông vì một lý tưởng đẹp, với bao mộng tưởng. Ông đã từng lặn lội vào tận Sài Gòn, « hòn ngọc Viễn Đông » thời ấy để làm ăn, để học tập, để gây dựng sự nghiệp. Cái va li « đựng toàn những sách » được người thanh niên ấy rất nâng niu », cái kỉ niệm « đầy những say mê đẹp và cao vọng » ấy, hơn sáu chục năm còn làm cho ta xúc động và quý trọng một nhân cách đẹp.

- Con người « nhiều chữ nghĩa » ấy lại nghèo. Sau một trận ốm nặng ở Sài Gòn, quần áo bán gần hết, về quê chỉ có một va li sách. Nếu lão Hạc quý cậu Vàng bao nhiêu thì ông giáo lại quý những quyển sách của mình bấy nhiêu. Bởi lẽ những quyển sách ấy đã làm bùng lên trong lòng ông « như một rặng đông » thời trai trẻ, làm cho cuộc đời thêm sắc màu ý vị, sống say mê, « trong trẻo, biết yêu và biết ghét »

- Cái nghèo vẫn đeo đẳng ông giáo mãi, « ông giáo khổ trường tư ». Vận hạn xảy ra luôn như ông nghĩ : « Đòi người ta không chỉ khổ một lần ». Sách cứ bán dần đi. Chỉ còn giữ lại 5 quyển sách với lời nguyên : « dù có phải chết cũng không bán ». Như một kẻ cùng

đường phải bán máu. Đứa con thơ bị chứng kiết lị gần kiệt sức, ông giáo đã phải bán nốt đi 5 cuốn sách cuối cùng, cái gia tài quý giá nhất của người trí thức nghèo. « Lão Hạc ơi ! Ta có quyền giữ cho ta một tí gì đâu ? » Lời than ấy cất lên nghe thật não nuột, đã thể hiện một nhân cách đẹp trước sự khốn cùng : biết sống, và dám hi sinh vì cuộc sống !

- Ông giáo là một trí thức có trái tim nhân hậu rất đáng quý. Ông là chỗ dựa tinh thần, là niềm an ủi, tin cậy của lão Hạc. Ông giáo là nơi để lão Hạc san sẻ bao nỗi đau, nỗi buồn. Nhờ đọc hộ một lá thư, nhờ viết hộ một lá thư cho đứa con trai đi phu đồn điền. Tâm sự về mảnh vườn và chuyện đứa con trai « phần cí » không lấy được vợ. San sẻ về nỗi đau buồn sau khi bán cậu Vàng cho thằng Mục, thằng Xiên... Có lúc là một điều thuốc Lào, một bát nước chè xanh, một củ khoai lang « lúc tắt lửa tối đèn có nhau ». Ông giáo đã đồng cảm, đã thương xót, đã san sẻ với lão Hạc với tất cả tình người. Ai đã từng là độc giả của Nam Cao, chắc sẽ không bao giờ quên mẫu đối thoại này :

- Tôi buồn ngủi nhìn lão, bảo :
 - Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng ?
 - Thế thì không biết nếu kiếp người cũng khổ nốt thì ta nên làm kiếp gì cho thật sướng ?

Lão cười và ho sòng sọc. Tôi nắm lấy cái vai gầy của lão, ôn tồn bảo :
 - Chẳng kiếp gì sung sướng thật, nhưng có cái này là sung sướng : bây giờ cụ ngồi xuống phải này chơi, tôi đi luộc mấy củ khoai lang, nấu một ấm chè tươi thật đặc : ông con mình ăn khoai, uống nước chè, rồi hút thuốc Lào... Thế là sướng.

- Vâng ! Ông giáo dạy phải ! Đối với chúng mình thì thế là sung sướng ».

- Ông giáo đã thương lão Hạc « như thể thương thân ». Không chỉ an ủi, động viên, mà ông còn tìm mọi cách để « ngấm ngấm giúp » khi biết lão Hạc đã nhiều ngày ăn khoai, ăn rau, ăn củ ráy... trong lúc đàn con của ông giáo cũng đang đói ; cái nghĩa cử « lá lành đùm lá rách » ấy mới thật cao đẹp biết bao !

- Ông giáo nghèo mà đức độ lắm. Trước khi ăn bữa cháo, lão Hạc đã gửi ông giáo 30 đồng để phòng khi chết « gọi là của lão có tí chút.. », gửi lại ông giáo ba sào vườn cho đứa con trai. Tình tiết ấy nói lên lão Hạc rất tin ông giáo. Ông giáo là người để lão Hạc « chọn mặt gửi vàng ». Giữa cái xã hội đen bạc thời ấy, một bà cô dành cho đứa cháu nội một bát nước cháo đã vữa ra như một sự bố thí (Những ngày thơ ấu), vợ tên địa chủ bắt bí, bóp nặn người đàn bà khốn cùng để mua rẻ đứa con gái lên bảy tuổi và ỏ chó (Tắt đèn), một tên phụ mẫu ăn bản đồng hào đôi của chị nhà quê (Đồng hào có ma)... ta mới thấy niềm tin, sự kính trọng của kẻ khốn cùng đối với ông giáo thật là thánh thiện.

- Trước cái chết dữ dội của Lão Hạc, cái chết « đau đớn và bất linh linh », chỉ có ông giáo và Binh Tư hiểu... Ông giáo khẽ cất lời than trước vong linh người láng giềng hiền lành tội nghiệp. Trong giọt lệ là những lời hứa của một nhân cách cao đẹp, đáng trọng : « Lão Hạc ơi ! Lão Hạc ơi ! Lão hãy yên lòng mà nhắm mắt ! Lão đừng lo gì cho cái vườn của lão. Tôi sẽ cố giữ gìn cho lão. Đến khi con trai lão về, tôi sẽ trao lại cho hắn và bảo hắn : Đây là cái vườn mà ông cụ thân sinh ra anh đã cố để lại cho anh trọn vẹn ; cụ tha chết chứ không chịu bán đi một sào... »

- Cùng chung với ông giáo Thứ trong « sống mòn », Điền trong « Trăng sáng », nhân vật « tôi » trong « mua nhà », hình ảnh ông giáo trong truyện « lão Hạc » đã kết tinh cái tâm và cái tài của Nam Cao trong nghệ thuật xây dựng nhân vật- nhà văn nghèo, ông giáo khổ trường tư- trong xã hội thực dân nửa phong kiến. Đó là những con người nghèo mà trong sạch, hăm hở và nhiệt tâm từng ô áp bao mộng đẹp, sống nhân hậu, vị tha. Có người đã cho rằng, ông giáo là một nhân vật tự truyện, mang dáng dấp hình bóng Nam Cao. Ý kiến ấy rất lí thú.

- Trong truyện « Lão Hạc », ông giáo vừa là nhân vật, vừa là người dẫn chuyện. Không phải là nhân vật trung tâm, nhưng sự hiện diện của ông giáo đã làm cho « bức tranh quê »

ngày xa xưa ấy thêm sáng tỏ. Nhân vật ông giáo là chiếc gương soi sáng cuộc đời và tâm hồn lão Hạc, đã tô đậm giá trị nhân đạo của truyện ngắn đặc sắc này.

d. Cách nhìn người của nhà văn Nam Cao.

Nam Cao đã phát biểu suy nghĩ về cách nhìn người : «Chao ôi! Đối với những người ở quanh ta, nếu không cố tìm và hiểu họ, thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi... toàn những cớ để cho ta tàn nhẫn, không bao giờ ta thấy họ là những người đáng thương ; không bao giờ ta thương (...) Cái bản tính tốt của người ta bị những nỗi lo lắng buồn đau, ích kỉ che lấp mất »

- Suy nghĩ của nhân vật «tôi» trên đây chính là một điểm quan trọng trong ý thức sáng tác của nhà văn Nam Cao. Đó chính là vấn đề mà sau này Nam Cao gọi là « Đôi mắt » ; phải xác định « đôi mắt » đúng đắn trong cách nhìn về quần chúng nghèo khổ. Trong « Lão Hạc », nhà văn cho rằng đối với người nông dân lao động thì phải « cố mà tìm hiểu họ » thì mới thấy rằng chính những con người bề ngoài lắm khi « gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi » ấy chỉ là « những người đáng thương » và có « bản tính tốt », có điều, « cái bản tính tốt » ấy của họ thường bị những nỗi khổ cực, những lo lắng trong cuộc sống « che lấp mất ». Tức là, nhà văn đặt ra vấn đề phải có tình thương, có sự cảm thông, và phải có cách nhìn có chiều sâu, không hời hợt, phiến diện chỉ thấy cái bề ngoài, nhất là không thành kiến, tàn nhẫn. Có thể nói, chẳng những trong « Lão Hạc » mà trong cả « Chí Phèo », « Lang Rận », « một bữa no », « Tư cách mõ »... và hầu hết truyện dài của Nam Cao, nhà văn đều đặt ra vấn đề « đôi mắt ». Ông chính là luật sư đứng ra bênh vực cho một Chí Phèo, một anh Cu Lộ, một Lang Rận, một bà cái Tí, khẳng định rằng họ đều có tình cảm rất « đáng thương » và đều « bản tính tốt », nhưng chính cuộc đời quá khắc nghiệt đã đẩy họ vào con đường lưu manh hoặc làm những việc xấu xa... Sau cách mạng, trong truyện ngắn « Đôi mắt » (1948), Nam Cao đã trực diện đặt ra vấn đề cần xác định « đôi mắt » đúng đắn để thấy được bản chất cách mạng của quần chúng nông dân đang là chủ lực của cuộc kháng chiến chống Pháp khi đó.

Cho nên, có thể nói, vấn đề « đôi mắt » là một đặc điểm quan trọng trong quan điểm sáng tác của Nam Cao, trở thành ý thức nghệ thuật thường trực trong suốt cuộc đời cầm bút của nhà văn có tấm lòng gắn bó sâu nặng với nhân dân.

3. Giá trị nghệ thuật đặc sắc của truyện

« Lão Hạc » là một trong những truyện ngắn hay nhất của cây bút truyện ngắn bậc thầy Nam Cao. Tài nghệ bậc thầy đó thể hiện ở nhiều khía cạnh và có những điểm nổi bật sau :

- Xây dựng nhân vật :

+ Không được miêu tả thật kĩ về ngoại hình, cũng không có nhiều hành động, song được tập trung soi sáng từ bên trong.

+ Tác giả đã đi sâu vào những tâm tư, những lo tính của lão Hạc chung quanh việc bán « cậu Vàng » và việc lặn lội chuẩn bị cho cái chết, chính từ đó mà số phận đau thương, tính cách độc đáo của nhân vật hiện ra thật rõ nét. Nhân vật lão Hạc chân thực, sinh động, có bề dày xã hội và đồng thời có cá tính độc đáo, chủ yếu được nhà văn khắc hoạ bằng miêu tả tâm lý. Chẳng hạn, qua cảnh lão Hạc trò chuyện với « cậu Vàng », có thể thấy rõ cảnh sống cô đơn của lão, chất người trung hậu (thể hiện qua thái độ âu yếm, chiều chuộng đối với cậu Vàng) và tình thương sâu nặng đối với đứa con trai đang ở xa. Hoặc những chi tiết thể hiện phản ứng tâm lí của lão Hạc xung quanh việc mà lão cho rằng đã « lừa cậu Vàng » : đau đớn, chua xót, hối hận, đã cho thấy rất rõ tâm hồn, tính cách ông lão nông dân nhân hậu, đáng thương ấy.

- Cách dựng truyện, bút pháp trần thuật linh hoạt, mới mẻ. Tác giả đi thẳng vào giữa truyện (cảnh lão Hạc nói chuyện với « tôi » về việc sẽ phải bán « cậu Vàng ») rồi mới nhân nhả đi ngược thời gian, kể về cảnh ngộ nhân vật, từ chuyện « con chó là của cháu

nó mua đấy » chuyển sang chuyện anh con trai đã bỏ đi phu, để lại lão Hạc sống cô đơn và giờ đây đang lâm cảnh cùng đường... Cách dẫn chuyện rất thoải mái, tự nhiên, có vẻ lỏng lẻo song kì thật thật chặt chẽ, tập trung, khắc hoạ nhân vật và thể hiện chủ đề.

- Truyện rất mực chân thực, đồng thời thấm đượm cảm xúc trữ tình. Qua nhân vật « Tôi », người kể chuyện, tác giả đã biểu lộ tự nhiên những cảm xúc, suy nghĩ của mình. Chất trữ tình thể hiện ở giọng kể, ở những câu cảm thán nhiều khi không nén được cảm xúc, tác giả đã gọi tên nhân vật lên để trò chuyện, than thở : (Lão Hạc ơi ! Bây giờ thì tôi hiểu tại sao lão không muốn bán con chó vàng của lão ! Hỡi ơi lão Hạc ! Thì ra đến lúc cùng lão cũng có thể làm liều hơn ai hết.. ! », « Lão Hạc ơi, lão hãy yên lòng nhắm mắt...) Chất trữ tình còn thể hiện ở những lời mang giọng tâm sự riêng của « tôi », như chung quanh việc « Tôi » phải bán mấy quyển sách : « ôi những quyển sách rất nâng niu(...) kỷ niệm một thời hăng hái và tin tưởng đầy những say mê đẹp và cao vọng » Và thể hiện rõ nhất là ở những đoạn văn trữ tình ngoại đề đậm màu sắc triết lý : « Chao ôi ! Đối với những người ở quanh ta.... » Những câu văn triết lý đó không hề có giọng sách vở, trù tượng mà là những suy nghĩ gan ruột nên có sức thuyết phục đặc biệt.
=> Vừa tỉnh táo, chân thực, vừa trữ tình thấm thiết và đậm đà ý vị triết lí, đó chính là đặc điểm bút pháp văn xuôi Nam Cao được thể hiện rõ nét trong « Lão Hạc »

III. LUYỆN TẬP

Đề 1: Trong tác phẩm “Lão Hạc” Nam Cao viết:

“... Chao ôi! Đối với những người xung quanh ta, nếu.. che lấp mất...”

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Từ nhân vật Lão Hạc trong tác phẩm “Lão Hạc”, em hãy làm sáng tỏ ý kiến trên?

Gợi ý:

A. Mở bài.

- Dẫn dắt: Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội nên việc đánh giá con người phải có sự tìm hiểu và cái nhìn cụ thể.

- Đặt vấn đề: Cách nhìn, đánh giá con người qua câu nói trên

B. Thân bài:

a. Giải thích:

- Đoạn văn là lời độc thoại của nhân vật ông giáo, thông qua nhân vật này, tác giả Nam Cao thể hiện cách nhìn, cách đánh giá đầy sự cảm thông và trân trọng con người, nói cách khác con người được biểu hiện ở 2 mặt:

+ Biểu hiện bề ngoài: Có thể nhìn thấy bằng cái nhìn trực tiếp, đánh giá qua lời nói, hành động...

+ Bản chất bên trong: Chỉ có thể thấy bằng tình thương, sự cảm thông

- Phải đem hết tấm lòng của mình, đặt mình vào hoàn cảnh của người khác để cố mà tìm hiểu, xem xét con người ở mọi bình diện thì mới có cái nhìn đầy đủ, chất gọn được những nét phẩm chất đáng quý của họ, còn nếu chỉ nhìn phiến diện thì sẽ có ác cảm hoặc những kết luận sai lầm về bản chất con người.

b. Chứng minh:

1. Nhân vật LH trong tác phẩm được nhìn dưới cái nhìn của ông giáo và cả cái nhìn của các nhân vật khác với những biểu hiện bề ngoài thiếu thiện cảm.

1.1/ Lão Hạc hiện ra trong truyện với những việc làm, hành động bề ngoài có vẻ lắm cảm, gàn dở:

- Bán một con chó mà đắn đo, suy nghĩ mãi, sang ông giáo nói chuyện nhiều lần làm ông giáo có lúc cảm thấy “nhàm rồi”.

- Bán chó rồi thì đau đớn, vật vã, dằn vặt... như mình vừa làm ra tội ác gì lớn lao lắm.
- Làm những việc mà các cụ xưa hay nói là “gở” như: giao tài sản duy nhất lại cho ông giáo, gửi tiền làm ma, chấp nhận cuộc sống cùng cực, đói khổ...
- Từ chối lòng tốt bằng thái độ hách dịch
- xin bà chó để tự vẫn...

1.2/ Lão Hạc còn hiện ra qua cái nhìn của các nhân vật khác với những nét ấu trĩ, quái đản, thậm chí ghê gớm...

- Vợ ông giáo: nhìn thấy ở LH một tính cách gàn dở: “Cho lão chết, ai bảo lão có tiền mà..... lão làm lão khổ chứ ai...” thậm chí thị còn vô cùng bức tức khi ông giáo rồi hơi bảo thị giúp đỡ “Thị gạt phắt đi....”

- Binh Tư: Từ bản tính của mình khi nghe LH xin bà chó, hẳn vội kết luận ngay về cái “ra phết” và “chẳng vừa đâu” của LH.

- Ngay cả ông giáo cũng có đôi lúc không hiểu về LH “Làm quái gì có một con chó mà lão bán khoản quá thế.” Thậm chí ông cũng chưa chát nghĩ và thốt lên khi nghe Binh Tư kể chuyện lão xin bà chó “Cuộc đời cứ mỗi ngày càng thêm đáng buồn”

1.3/ Đánh giá- Bình luận.

- Con người thường nhìn nhận, đánh giá người khác qua vẻ bề ngoài với những lời nói, hành động, cử chỉ... Sự đánh giá này chỉ mang tính chất phiến diện và không thể hiện hết được bản chất tốt đẹp của con người. (Nếu chỉ nhìn nhận, đánh giá thế này thì ta thấy LH thật đáng ghét)

2. Nhưng chính ông giáo đã phát hiện ra được những phẩm chất đáng quý, bản chất đáng trọng của con người ẩn đằng sau những hành động, lời nói... gàn dở, thiếu tình người.

2.1. Ông giáo là người có tri thức, có kinh nghiệm sống, có cái nhìn toàn diện và cảm thông, lại chịu quan sát, tìm hiểu, suy ngẫm nên ông phát hiện ra chiều sâu tính cách được thể hiện qua vẻ bề ngoài.

- Ông cảm thông và hiểu vì sao LH không muốn bán chó: Nó là người bạn, người thân, là kỉ vật... ông cũng an ủi, sẻ chia với nỗi đau dằn vặt khi lão khóc thương con chó và xi vả chính mình. Quan trọng hơn là ông phát hiện ra nguyên nhân sâu xa của việc gửi tiền, gửi vườn, xin bà chó và lựa chọn cái chết đau đớn. Có lẽ tất cả là vì con, vì lòng tự trọng cao quý, => Ông giáo đã nhìn thấy vẻ đẹp tâm hồn ẩn đằng sau vẻ bề ngoài gàn dở, lập dị.

- Ông giáo cũng hiểu và cảm thông được với thái độ và hành động của vợ mình. Có lẽ vì quá khổ nên thị trở nên thờ ơ, lạnh lùng, vô cảm trước nỗi đau khổ của đồng loại. “Vợ tôi không ác....” => Ông giáo lí giải được sự vô tâm, khiếm khuyết trong suy nghĩ, nhân cách vợ mình.

2.2. Đánh giá, bình luận.

- Chỉ khi thực sự hiểu, chia sẻ, cảm thông với những người xung quanh, quan tâm tới suy nghĩ, nỗi đau và những dằn vặt của họ ta mới thấy bản chất tốt đẹp của con người (Lúc này LH đã đáng thương, đáng yêu, đáng trọng hơn nhiều)

3. Kết luận chung:

- Ông giáo là nhân vật trung tâm, dẫn dắt câu chuyện, từ việc miêu tả các nhân vật mà quan sát, suy ngẫm để rồi rút ra những kết luận có tính chất chiêm nghiệm đúng đắn và nhân bản về con người.

- Có thể nói tác giả đã hóa thân vào nhân vật này để đưa ra những nhận xét, đánh giá chứa chan tình thần nhân đạo về cuộc đời, về con người. Đây là một quan niệm hết sức tiến bộ định hướng cho những sáng tác của nhà văn sau này.

C. Kết bài.

-Khẳng định lại tính triết lí của câu nói. Đây cũng là triết lí sống của tác giả.

-Suy nghĩ của bản thân em.

Đề 2 Có ý kiến cho rằng : *Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám*

Qua văn bản “ Tức nước vỡ bờ ” (Ngô Tất Tố), “ Lão Hạc ” (Nam Cao), em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Gợi ý làm bài

1. Mở bài :

Học sinh dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận : Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng tám.

2. Thân bài:

2.1. Khái quát chung:

-Giới thiệu khái quát bối cảnh xã hội VN trước CM tháng 8: Dân tộc ta chìm trong ách nô lệ của TD Pháp, đời sống nhân dân vô cùng cực khổ.

- Khái quát nội dung 2 tác phẩm.

2.2. Phân tích- làm rõ:

a. LD 1: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của người nông dân Việt Nam trước cách mạng .

* **Chị Dậu** : Là một mẫu mực vừa gần gũi vừa cao đẹp của người phụ nữ nông thôn Việt Nam thời kì trước cách mạng : có phẩm chất của người phụ nữ truyền thống, có vẻ đẹp của người phụ nữ hiện đại. Cụ thể :

- Là một người vợ giàu tình thương : ân cần chăm sóc người chồng ốm yếu giữa vụ sưu thuế.

- Là người phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm để bảo vệ chồng

* **Lão Hạc** :Tiêu biểu cho phẩm chất người nông dân thể hiện ở :

- Là một lão nông chất phác, hiền lành, nhân hậu (dẫn chứng).

- Là một lão nông nghèo khổ mà trong sạch, giàu lòng tự trọng(dẫn chứng).

=> Nếu vẻ đẹp tâm hồn của chị Dậu là sức mạnh của tình yêu thương, của tiềm năng phản kháng thì vẻ đẹp của lão Hạc là vẻ đẹp của nhân cách, của hoa sen nở cánh trong bùn, của con cò lặn cổ xuống ao dù chết cũng muốn chết trong sạch

b.LD2: Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng :

* Chị Dậu có số phận điêu đứng, nghèo khổ, bị bóc lột sưu thuế, chồng ốm và có thể bị đánh, bị bắt lại.

* Lão Hạc có số phận đau khổ, bi thảm : Nhà nghèo, vợ chết sớm, con trai bỏ làng đi làm phu cao su, thui thủi sống cô đơn một mình; tai hoạ dồn dập, đau khổ vì bán cậu vàng; tạo được món nào ăn món nấy, cuối cùng ăn bả chó để tự tử.

c. LD3: *Bức chân dung Chị Dậu và Lão Hạc* đã tô đậm giá trị hiện thực và tinh thần nhân đạo của hai tác phẩm. Hai văn bản bộc lộ cách nhìn về người nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm, xót thương đối với số phận bị kịch của người nông dân; đau đớn, phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bị kịch; đều có chung một niềm tin mới về khả năng chuyển biến tốt đẹp của nhân cách con người. Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng: Ngô Tất Tố có thiên hướng nhìn người nông dân trên góc độ đấu tranh giai cấp, còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người... Nam Cao đi sâu vào thế giới tâm lý của nhân vật, còn Ngô Tất Tố chủ yếu miêu tả nhân vật qua hành động để bộc lộ phẩm chất...

d. *Đánh giá:*

-Nghệ thuật: Hai tác phẩm đều khắc họa nhân vật rõ nét qua ngoại hình, lời nói, hành động và diễn biến tâm lý nhân vật sâu sắc từ đó làm nổi bật giá trị tư tưởng của tác phẩm.

-Nội dung: Hai tác phẩm đều cho thấy phẩm chất tốt đẹp và số phận đau thương của người nông dân. Đồng thời cũng cho thấy bộ mặt và bản chất của chế độ phong kiến đương thời.

3/ *Kết bài*: Khẳng định lại vấn đề.

- Liên hệ cuộc sống tốt đẹp của người nông dân trong xã hội mới.

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

BUỔI 5

Ngày dạy :17/ 02/2022

Ngày soạn : 22/ 02/ 2022

Chuyên đề 2 : PHONG TRÀO THƠ MỚI : ÔNG ĐỒ - Vũ Đình Liên

I.Mục tiêu :

- Giúp học sinh nắm lại một số bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới đã được học trong chương trình về nội dung và nghệ thuật
- Hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, bình giảng
- Qua làm các đề giúp học sinh khả năng diễn đạt

II.Chuẩn bị :

Giáo viên: nghiên cứu soạn bài ra đề

Học sinh: học theo hướng dẫn của giáo viên

III.Tiến trình dạy học:

*Thơ mới: Xuất hiện 1932 - 1945

Là tiếng nói chủ yếu của giai cấp tiểu tư sản thành thị

Sự xuất hiện của các giai cấp tư sản và tiểu tư sản thành thị những tình cảm, những thị hiếu thẩm mỹ mới cùng với sự giao lưu văn hoá đông tây là nguyên nhân chính làm cho phong trào thơ mới ra đời. Ban đầu Thơ mới ra đời để chống lại sự quy phạm của thơ cũ Thơ mới có sự đổi mới về nội dung thi pháp

Đề tài ca ngợi tình bạn, tình yêu say đắm, vẻ đẹp thiên nhiên

*Cái Tôi trữ tình trong thơ mới

Trong thơ trữ tình cái Tôi chính là bóng dáng của nhà thơ và đây là quan điểm chính trị, triết học, tôn giáo của nhà thơ về cuộc sống được bộc lộ dưới dạng những cảm xúc.

Thi sỹ Thơ mới đã đối lập mình với thực tại bằng cách quay lưng khước từ những mối quan hệ bằng cách hướng vào bên trong nhưng tự mình thu lại trong cảm hứng riêng. Vì vậy nhà thơ ngày càng biến thành trung tâm vũ trụ đứng bằng cách chon von cô độc Khát vọng thoát ly bản thân người nghệ sỹ đòi hỏi cái gì cũng phải tuyệt bích tuyệt mỹ và hoàn hảo. Họ ao ước chân trời khoáng đạt để sáng tác nhưng giữa thời buổi “ mưa âu gió mỹ” khát vọng đó không trở thành hiện thực, họ đâm ra võ mộng không tìm thấy hướng đi không hoà nhập với phong trào cách mạng của quần chúng, họ cố gắng tìm cho mình một con đường để thoát ly cuộc sống thực tại đồng thời cũng đi tìm một điểm tựa nào đó cho cuộc đời nhưng càng đi tìm họ càng lạc lối, càng đi sâu vào cái tôi lại càng cô đơn vắng lặng

Thoát ly: - trốn vào tình yêu: đây là con đường phổ biến nhất(Xuân Diệu)

-Họ hướng đến thế giới lý tưởng mà họ ước mơ (trăng, sao, vũ trụ, thiên đường)

-Họ trở về với quá khứ vàng son (Thế Lữ, Vũ Đình Liên)

Tóm lại Thơ mới là tiếng thơ hướng nội – thoát ly buồn nhưng giàu nhân bản

BÀI THƠ :ÔNG ĐỒ

Bài thơ Ông đồ được sáng tác năm nào?

Trả lời: Năm 1936

Bài Ông đồ thuộc thể thơ gì?

Trả lời: Thơ ngũ ngôn

Đặc điểm: Một câu có 5 tiếng, 4 câu một khổ, bài thơ gồm nhiều khổ. Văn gieo vần chân, vần liền hoặc vần cách.

Tác dụng: Khả năng biểu hiện phong phú, giàu tính trữ tình

Hoàn cảnh sáng tác bài thơ Ông đồ?

Trả lời: Từ đầu thế kỉ XX, nền văn Hán học và chữ Nho ngày càng suy vi trong đời sống văn hóa Việt Nam, khi mà Tây học du nhập vào Việt Nam, có lẽ vì đó mà hình ảnh những ông đồ đã bị xã hội bỏ quên và dần vắng bóng. Vũ Đình Liên đã viết bài thơ Ông đồ thể hiện niềm ngậm ngùi, day dứt về cảnh cũ, người xưa.

Ý nghĩa văn bản Ông đồ?

Trả lời: Văn bản Ông đồ thể hiện sâu sắc tình cảnh đáng thương của ông đồ và niềm cảm thương, nuối tiếc của tác giả đối với một lớp người, một nét sinh hoạt văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Ý nghĩa nhan đề Ông đồ?

Trả lời: Ông đồ là người theo học chữ nho nhưng không đỗ đạt, sống bằng nghề dạy học chữ nho, ngày tết thường viết chữ viết câu đối thuê.

Đề 1:

Em hãy trình bày những hiểu biết của mình về “ông đồ” và việc “thuê viết” chữ thời xưa.

Hướng dẫn làm bài

Để cảm nhận được bài thơ Ông đồ của Vũ Đình Liên, các em cần phải có một số hiểu biết nhất định về “ông đồ” và nghệ thuật thư pháp thời xưa. Trả lời đúng câu hỏi này là đã có được cơ sở cần thiết để hiểu bài thơ.

Ông đồ là người dạy chữ nho ngày xưa. Khi nền Hán học còn thịnh thì ông đồ dù không đỗ đạt, không làm quan, chỉ sống bằng nghề dạy học, ông vẫn luôn được xã hội trọng vọng.

Chữ nho là thứ chữ tượng hình, viết bằng bút lông mềm mại, có một vẻ đẹp riêng. Cá tính và nhân cách của người viết nhiều khi thể hiện ngay trên nét chữ. Viết chữ đẹp từ xưa đã trở thành một môn nghệ thuật.

Dán chữ, treo câu đối chữ nho – nhất là trong những ngày Tết – là một nét sinh hoạt văn hoá của người Việt Nam từ xưa. Tết đến, người ta thường mua chữ hoặc xin chữ. Người bán chữ hoặc cho chữ thường viết lên tờ giấy, mảnh lụa hay phiến gỗ,... để chủ nhân mang về làm vật trang trí trong nhà. Chữ viết phải đẹp và ý nghĩa của chữ phải sâu sắc, hợp tình, hợp cảnh. Cách viết chữ nho đẹp trở thành một bộ môn nghệ thuật gọi là thư pháp. Và người có tài viết chữ đẹp rất được kính trọng. Cao Bá Quát (thế kỉ XIX) là một trong những người nổi tiếng về nghệ thuật thư pháp

Đề 2

Theo em, hai khổ thơ đầu và ba khổ thơ sau của bài thơ Ông đồ có những điểm gì giống và khác nhau ? Hãy làm rõ ý kiến của mình qua việc phân tích các khổ thơ.

Hướng dẫn làm bài

Giữa hai khổ đầu và ba khổ sau của bài thơ có những điểm giống và khác nhau :

Tất cả đều tập trung miêu tả ông đồ ngồi bán chữ trong ngày giáp Tết. Nhưng hai khổ thơ đầu và ba khổ thơ cuối thể hiện những nội dung cảm xúc khác nhau, bởi miêu tả ông đồ ở hai giai đoạn khác nhau.

Hai khổ đầu miêu tả hình ảnh ông đồ khi Hán học đang thịnh vượng, ông được xã hội trọng vọng. Mỗi khi Tết đến, ông trở thành nhân vật quan trọng của chốn phố phường. Cái “cửa hàng văn hoá lưu động” (theo cách nói của Vũ Quần Phương) mới đông vui làm sao ! Ông đồ xuất hiện trong những màu sắc rực rỡ của hoa đào, của giấy đỏ ; trong âm thanh tươi vui và trong không khí nhộn nhịp của phố phường. Chữ ông viết ra rất đẹp nên những người thuê viết cứ “tám tắc ngợi khen tài”. Ở hai khổ thơ đầu, những câu thơ có nhịp điệu nhanh, liên mạch, âm hưởng vui tươi.

Ba khổ cuối miêu tả ông đồ khi Hán học đã suy tàn, ông bị gạt ra ngoài lề xã hội. Người ta bỏ chữ nho để học chữ Pháp, chữ quốc ngữ. Trong bối cảnh ấy, tình cảnh ông đồ trở nên đáng buồn. Người thuê viết giảm đi theo thời gian, “mỗi năm mỗi vắng”. Người buồn, nên những vật dụng đã từng gắn bó thân thiết với cuộc đời ông đồ cũng sầu thảm theo : Giấy đỏ chẳng thắm tươi như ngày xưa, mực đọng trong nghiên cũng sầu não theo

(Giây đỏ buồn không thắm – Mực đọng trong nghiên sâu). Thế là, cho dù vẫn hiện diện, “vẫn ngồi đấy”, nhưng ông đồ chẳng còn được ai để ý; ông đã bị người đời lãng quên rồi. Ông chỉ còn là “cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn” (lời tác giả).

Rồi Tết lại đến, hoa đào lại nở, nhưng không ai còn thấy “ông đồ xưa”. Vậy là ông đã đi hẳn vào quá khứ, vĩnh viễn vắng bóng trong cuộc sống náo nhiệt đương thời. Hai câu cuối bài thơ là một câu hỏi day dứt, ngậm ngùi : “Những người muôn năm cũ – Hồn ở đâu bây giờ?”. Câu hỏi không lời đáp ấy cứ vương vấn không dứt trong lòng người đọc khi đọc xong bài thơ.

Đề 3

Theo em, bài thơ Ông đồ có những đặc sắc nghệ thuật gì ?

Hướng dẫn làm bài

Ông đồ là một bài thơ hay. Lời thơ trong sáng, giản dị, nhưng rất hàm súc, “ý tại ngôn ngoại”. Hình ảnh thơ bình dị nhưng đầy gợi cảm, có sức khái quát cao, ví dụ như câu : “Lá vàng rơi trên giấy – Ngoài trời mưa bụi bay”. Bài thơ có kết cấu chặt chẽ theo lối đầu cuối tương ứng (mở đầu là “Mỗi năm hoa đào nở – Lại thấy ông đồ già” và kết thúc là “Năm nay đào lại nở – Không thấy ông đồ xưa”) tập trung làm nổi bật chủ đề mang tinh thần hoài cổ cảnh đó người đâu. Thể thơ ngũ ngôn đã được sử dụng, khai thác có hiệu quả nghệ thuật cao để diễn tả những tâm tình sâu lắng.

Đề 4

Chứng minh rằng: Với bài thơ ông đồ Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi.

Hướng dẫn làm bài

Trước kia, vào những ngày Tết, trên bàn thờ tổ tiên, bên cạnh cặp bánh chưng, mâm ngũ quả là đôi câu đối Tết. Bởi chính vậy, những ông đồ già trên vỉa hè, phố xá rất đông khách thuê viết. Hình ảnh ông đồ đội khăn xếp, mặc áo the viết câu đối đã khắc ghi vào sâu trong tâm trí nhà thơ Vũ Đình Liên. Với bài thơ “Ông đồ”, Vũ Đình Liên đã chạm được vào những rung cảm tâm linh của giống nòi nên nó còn tha thiết mãi đến những thế hệ sau này.

Nhà thơ viết lên bài với một tấm lòng yêu thương, trân trọng, ngợi ca những tài năng, sự đóng góp của những lớp người đi trước với nền văn hoá của dân tộc. Nhà thơ đã làm như vậy khi viết bốn câu thơ đầu:

*"Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua".*

"Một thời vang bóng" của lớp người đã được xã hội trọng vọng, lúc mà nền tảng Hán học đang có một địa vị vững chắc. Gắn liền với sự hưng thịnh đó là hình ảnh những ông đồ giữa phố phường đông vui đầy sắc màu. Màu thắm của hoa đào, màu đỏ của giấy, màu đen nhánh của mực tàu và mái tóc hoa râm của ông đồ. Tất cả đã hài hoà, quyện với nhau thành một tác phẩm tranh lộng lẫy, ngoạn mục giữa phố xá tấp nập. Một vẻ đẹp sao vui tươi quá vậy!

Đây mới là những hình ảnh thoáng qua như gió xuân hây hây nhưng cũng đã đủ để gọi lên cái gì đó thật quen trong lòng người.

Ở khổ tiếp theo, hình ảnh ông đồ vẫn không phai nhạt:

*"Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa rồng bay."*

Quả thực, đến lúc này, tài năng của ông đồ đã được phô bày trong không khí phổ phưởng, lúc này mọi người chú ý và trân trọng tài năng đó. Cái tài năng "Phượng múa rồng bay" của ông đồ dưới một bàn tay đầy khéo léo nghệ thuật đã làm rạng danh cho nên Hán học. Những con người đi trước với nền văn hoá dân tộc. Những câu chữ thánh hiền ông viết đã tặng cho mọi người về làm quà đón xuân, trang trí ngôi nhà ấm cúng, tình cảm gia đình thật ấm áp hơn.

Thật đáng buồn biết bao, một truyền thống đẹp của dân tộc đã bị mai một đi, một hình ảnh đầy sắc màu mùa xuân đã dần mất đi khi nền văn hoá phương Tây du nhập vào nước ta. Người ta quên lãng đi câu đối tết và thay vào đó những bức tranh màu sắc rất sặc sỡ.

*"Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu."*

Độc giả đã hụt hẫng, cảm xúc tươi vui đã bị mất đi khi đọc khổ thơ này.

Trước sự tàn tạ, ra đi của ông đồ và lớp người xưa cũ, lòng thương người của nhà thơ Vũ Đình Liên được biểu hiện ở sự cảm thông, nỗi xót xa và niềm tiếc nuối khôn nguôi. Ở 2 câu thơ:

*Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?*

Ta như thấy nhà thơ băng khuâng đi tìm lại bóng dáng của lớp người xưa cũ. Giọng thơ xót xa khi những con người tài hoa đã bị đẩy ra ngoài lề đường. Trong bối cảnh ấy, tình cảnh ông đồ dần trở nên buồn chán. Người thuê viết giảm đi theo thời gian và năm tháng "mỗi năm mỗi vắng". Hình ảnh ông đồ giữa đường phố đông vui chỉ còn là một thứ bóng mờ xa xôi. Nỗi xót thương của nhà thơ được bộc lộ rõ nét khi ông đồ và lớp người xưa cũ dần mất đi:

*"Giấy đỏ buồn không thắm
Mực đọng trong nghiên sâu."*

Người buồn, nên những vật dụng từng gắn bó thân thiết với ông cũng sầu đăm theo: giấy không đỏ như xưa, mực trong nghiên cũng sầu não theo. Có lẽ, giấy, nghiên mực không có tâm trạng, nhưng cái bi kịch tâm trạng của giấy, mực mà nhà thơ Vũ Đình Liên nhìn thấy chính là những nỗi xót xa, bế bång của ông đồ nói riêng và lớp người xưa cũ nói chung. Nỗi buồn ấy không chỉ thấm vào phương tiện mưu sinh mà còn thấm đẫm vào cảnh vật thiên nhiên, cảnh vật đã làm cho không gian thêm hiu quạnh và hoang vắng.

"Ông đồ vẫn ngồi đấy"

*Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay."*

Cho dù, ông đồ vẫn ngồi đấy nhưng đã bị mọi người quên lãng, ông chỉ còn là một di tích tiêu tụy đáng thương của "một thời tàn". Và có lẽ từ đó, ông vĩnh viễn vắng bóng. Đây âu cũng là sự dĩ nhiên, phũ phàng. Một Tết nào đó, khi hoa đào lại nở, người đời đã thẳng thốt nhận ra sự vắng bóng của ông đồ trước cảnh nhộn nhịp của chốn phố phường. Một tiếng gọi tha thiết vang lên:

*"Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?"*

Ở hai khổ thơ đầu gọi lên cho độc giả niềm phần chấn, tươi vui thì ba khổ thơ sau là một hình ảnh buồn bã, xót thương, sắc màu cũng phai nhạt theo. Giờ đây, ông đồ và lớp người xưa cũ đã trở nên vô nghĩa giữa cuộc đời. Bài thơ khép lại bằng những hình ảnh, câu thơ mang nặng nỗi buồn tha thiết của tác giả Vũ Đình Liên.

Đọc bài thơ "Ông đồ" xong, ta thấy Vũ Đình Liên đã diễn tả được tình yêu thương con người sâu sắc trước số phận hẩm hiu của ông đồ, nhưng nó đẹp biết bao. Bài thơ còn thể hiện một tâm Hồn cao cả và nhân hậu, một con người rất giàu tình yêu thương sâu đậm, ngợi ca những tài năng của người xưa và khuyên răn chúng ta hãy sống để giữ gìn và phát huy những tinh hoa văn hoá của dân tộc. Nền văn hoá đó xứng với một tâm cao mới.

Đề

7

Nhà thơ Xuân Diệu cho rằng: Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài.

Em hiểu ý kiến trên như thế nào? Qua bài thơ "Ông đồ" của nhà thơ Vũ Đình Liên, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

Hướng dẫn làm bài

a. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Vũ Đình Liên, bài thơ "Ông đồ"
- Trích dẫn nhận định

b. Thân bài

b.1. Giải thích nhận định:

- "Thơ hay là hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài"
- + Hồn tức là nội dung, ý nghĩa của bài thơ.
- + Xác tức là nói đến hình thức nghệ thuật của bài thơ thể hiện ở thể loại, việc tổ chức ngôn từ, hình ảnh, nhịp điệu, cấu tứ...
- Như vậy, theo Xuân Diệu thơ hay là có sự sáng tạo độc đáo về nội dung cũng như hình thức nghệ thuật, khơi gợi tình cảm cao đẹp và tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc. Chỉ khi đó thơ mới đạt đến vẻ đẹp hoàn mỹ của một chỉnh thể nghệ thuật.
- Ý kiến của Xuân Diệu hoàn toàn xác đáng bởi nó xuất phát từ đặc thù sáng tạo của văn chương nghệ thuật. Cái hay của một tác phẩm văn học được tạo nên từ sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và hình thức. Một nội dung mới mẻ có ý nghĩa sâu sắc phải được truyền tải

bằng một hình thức phù hợp thì người đọc mới dễ cảm nhận, tác phẩm mới có sức hấp dẫn bền lâu.

b2. “Ông đồ” của Vũ Đình Liên là bài thơ hay cả hồn lẫn xác, hay cả bài

* Về nội dung: Bài thơ “Ông đồ” thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với một lớp người đang trở nên lạc lõng và bị gạt ra ngoài lề cuộc đời; là niềm hoài cổ của tác giả với một nét đẹp truyền thống của dân tộc (thú chơi câu đối ngày Tết) bị tàn phai.

- Ở hai khổ thơ đầu, qua hình ảnh ông đồ xưa trong thời kì huy hoàng, tác giả gửi gắm niềm kính trọng, ngưỡng mộ, nâng niu nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc.

+ Ông đồ xuất hiện bên phố phường đông đúc vào mỗi dịp tết đến xuân về. Không khí mùa xuân, hình ảnh “hoa đào nở” đã tươi thắm nay lại thêm “mực tàu giấy đỏ” làm mọi nét vẽ trong bức tranh tả cảnh ông đồ rõ nét, tươi vui, tràn đầy sức sống. Từ “lại” diễn tả sự xuất hiện đều đặn của ông đồ với mùa xuân cùng với công việc viết chữ nho.

+ Dòng người đông đúc đều quan tâm và ngưỡng mộ, khâm phục tài viết chữ của ông đồ. (Bao nhiêu người thuê viết/Tấm tắc ngợi khen tài). Nghệ thuật so sánh và thành ngữ “Như phượng múa rồng bay” làm toát lên vẻ đẹp của nét chữ phóng khoáng, bay bổng,...

-> Ông đồ trở thành tâm điểm chú ý của mọi người, là đối tượng của sự ngưỡng mộ. Đó là thời chữ nho được mến mộ, nhà nho được trọng dụng.

- Hai khổ thơ tiếp theo tác giả vẽ lên bức tranh ông đồ thời nay, một kẻ sĩ lạc lõng, lẻ loi giữa giữa dòng đời xuôi ngược.

+ Mùa xuân vẫn tuần hoàn theo thời gian, phố vẫn đông người qua nhưng ông đồ bị lãng quên, nho học bị thất sủng, người ta không còn quan tâm đến ông đồ, đến chữ ông đồ viết.

+ Câu hỏi tu từ và biện pháp nghệ thuật nhân hóa (Giấy đỏ buồn không thắm/Mực đọng trong nghiên sầu) -> Nỗi buồn như lan tỏa, thấm cả vào những vật vô tri vô giác, tất cả như đồng cảm với nỗi niềm của ông đồ trước con người, thời thế. Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (Lá vàng rơi trên giấy/ Ngoài trời mưa bụi bay) gợi không gian buồn thảm, vắng lặng nhấn mạnh sự lẻ loi, bẽ bàng của ông đồ...

-> Một nét đẹp văn hóa dân tộc bị mai một, chữ nho đã trở nên lỗi thời, những người như ông đồ bị rơi vào quên lãng. Ông đồ trở thành “di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn”

- Khổ thơ cuối tác giả dùng để bày tỏ nỗi lòng, khơi gợi ở người đọc niềm thương xót đối với ông đồ cũng như đối với một nét đẹp văn hóa của dân tộc bị mai một.

+ Tết đến, xuân về, hoa đào vẫn nở nhưng không còn thấy ông đồ xưa -> Sau mỗi năm ông đồ đã già và giờ đây đã trở thành người thiên cổ.

+ Câu hỏi tu từ thể hiện niềm cảm thương của tác giả cho những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc những giá trị tốt đẹp bị lụi tàn và không bao giờ trở lại.

* Về hình thức:

- Nhan đề bài thơ ngắn gọn nhưng gợi nhiều liên tưởng, chứa đựng chiều sâu chủ đề tư tưởng mà tác giả muốn gửi gắm qua thi phẩm.

- Mạch cảm xúc, mạch ý tạo thành tứ thơ tự nhiên theo dòng thời gian. Kết cấu bài thơ giống như một câu chuyện kể về cuộc đời của ông đồ: Mở đầu câu chuyện ông đồ là tâm điểm mọi sự chú ý của công chúng, cùng thời gian ông dần bị quên lãng, đến cuối bài thơ ông đồ đã chìm vào quá khứ, từ đó nhà thơ bộc lộ tự nhiên niềm thương người và tình hoài cổ trước cảnh cũ người đâu.

- Thể thơ ngũ ngôn gieo vần chân, lời thơ bình dị nhưng sâu lắng, cô đọng, kết cấu đầu cuối tương ứng chặt chẽ. Hình ảnh thơ giản dị, ngôn ngữ thơ hàm súc, gợi hình, gợi cảm. Kết cấu đầu cuối tương ứng, sử dụng câu hỏi tu từ, nhân hóa, bút pháp tả cảnh ngụ tình, ... gieo vào lòng người đọc niềm tiếc thương, day dứt.

- Giọng điệu trầm lắng, xót xa thể hiện đúng tình cảnh của nhân vật trữ tình và hồn thơ của tác giả.

b.3. Đánh giá, nâng cao

- Sức hấp dẫn từ nội dung và nghệ thuật của bài thơ Ông đồ đã tác động sâu sắc đến người đọc bao thế hệ, khơi gợi niềm cảm thương chân thành đối với những nhà nho danh giá một thời, nay bị lãng quên vì thế thời thay đổi, thương tiếc giá trị văn hóa tốt đẹp bị lụi tàn.

- Bài học cho người nghệ sĩ: Bằng tài năng và tâm huyết của mình, nhà thơ hãy sáng tạo nên những thi phẩm hay và giàu sức hấp dẫn từ nội dung đến hình thức. Điều đó vừa là thiên chức vừa là trách nhiệm của nhà thơ, là yêu cầu thiết yếu, sống còn của sáng tạo nghệ thuật.

- Sự tiếp nhận ở người đọc thơ: Cần thấy thơ hay là hay cả hồn lẫn xác. Từ đó có sự tri âm, sự đồng cảm với tác phẩm, với nhà thơ để có thể sẻ chia những tình cảm đồng điệu. Khi ấy, thơ sẽ có sức sống lâu bền trong lòng người đọc nhiều thế hệ.

c. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề

- Liên hệ...

*Hướng dẫn về nhà : Xem lại bài thơ Ông đồ và hoàn thành các đề ; Chuẩn bị bài thơ Quê hương

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

BUỔI 6

Ngày soạn: 26/ 02/ 2022

Ngày dạy :01/ 03/ 2022

Chuyên đề 2 : Phong trào thơ mới (tiếp) QUÊ HƯƠNG- Tế Hanh

I.Mục tiêu :

- Giúp học sinh nắm lại một số bài thơ tiêu biểu của phong trào Thơ Mới đã được học trong chương trình về nội dung và nghệ thuật
- Hình thành kỹ năng phát hiện, phân tích, bình giảng
- Qua làm các đề giúp học sinh khả năng diễn đạt

II.Chuẩn bị :

Giáo viên: nghiên cứu soạn bài ra đề

Học sinh: học theo hướng dẫn của giáo viên

III.Tiến trình dạy học:

I. Vài nét về tác giả, tác phẩm.

* Tác giả: Tên khai sinh là Trần Tế Hanh, sinh 1921, quê ở 1 làng chài ven biển - Quảng Ngãi.

- Là nhà thơ trong pt Thơ mới - chặng cuối (40 - 45).

- Quê hương là cảm hứng lớn trong suốt đời thơ của TH.

* Tác phẩm: là sáng tác mở đầu cho nguồn cảm hứng về quê hương.

+ Nhà thơ đã viết “Quê hương” bằng cả tấm lòng yêu mến thiên nhiên thơ mộng và hùng tráng của quê hương, mến yêu những con người lao động tràn trề sức lực; bằng những kỉ niệm sâu đậm, nồng nàn của thời niên thiếu.

+ Bài thơ được viết theo thể 8 chữ, kết hợp cả 2 kiểu gieo vần: liên tiếp và vần ôm.

II. Vẻ đẹp của bức tranh làng quê.

1. Vẻ đẹp của chính làng quê tác giả

- Làng chài Bình Sơn - QN như 1 cù lao nổi giữa sông nước “bao vây” bốn bề, phải đi thuyền nửa ngày mới ra đến biển.

- Các chữ “nước, biển, sông” -> h/a 1 ngôi làng “vốn làm nghề chài lưới” chỉ gần với sông nước, biển khơi.

- “Cách biển nửa ngày sông”: t/g dùng phép đo khoảng cách của người dân chài.

2. Vẻ đẹp tươi sáng, khỏe khoắn của cuộc sống và con người làng chài

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:

+ Buổi bình minh: trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng -> thiên nhiên trong sáng, thơ mộng.

+ Khí thế lao động hăng hái: những chàng trai “phăng mái chèo”, những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.

-> Chiếc thuyền - con tuấn mã tung vó chinh phục những dặm đường thiên lí là 1 liên tưởng đẹp và khá độc đáo.

+ Cánh buồm - mảnh hồn làng -> so sánh độc đáo -> linh hồn làng chài.

-> Cánh buồm mang theo bao hi vọng và lo toan của người dân chài trong cuộc mưu sinh trên sông nước.

=> H/a khỏe khoắn, đầy chất lãng mạn, bay bổng.

- Cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh “Dân làng tập nập đón ghe về” trong bao nhiêu âm thanh “ồn ào trên bến đỗ” -> tả thực đến từng chi tiết, h/a => Niềm sung sướng của tác giả.

+ “Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe” -> lời cảm tạ chân thành cất lên từ niềm tin hồn nhiên, chất phác của người lao động.

+ “Những con cá tươi ngon thân bạc trắng” -> giàu sức miêu tả và gợi cảm cao. => Niềm vui giản dị mà lớn lao trước thành quả lao động -> khát vọng về 1 cs ấm no, hạnh phúc.

+ H/a những chàng trai:

“Làn da ngăm rám nắng” -> tả thực.

“Cả thân hình nồng thở vị xa xăm” -> lãng mạn, tinh tế.

=> gợi tả linh hồn và

tâm vóc của những

người con biển cả.

+ Những con thuyền cũng mang hồn người và vẻ đẹp người: “im bến mới trở về nằm. Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ”.

-> Nghệ thuật nhân hóa, dùng từ đắt “ *nghe* ”.

=> Một mỗi nhưng đọng lại trong lòng người vẫn là cảm giác bình yên, thư thái nhẹ nhàng. Con thuyền vô tri bỗng trở nên có hồn. Không phải là 1 người con vạm vỡ thiết tha gắn bó với quê hương thì không thể viết được những câu thơ như thế ! Và cũng chỉ có thể viết được những câu thơ như thế khi nhà thơ biết đặt cả hồn mình vào đối tượng, vào người, vào cảnh để lắng nghe. Có lẽ chất muối mặn mòi kia cũng đã thấm sâu vào làn da thơ thịt, vào tâm hồn của nhà thơ TH để thành niềm ám ảnh gọi băng khuâng kì diệu. Cái tinh tế, tài hoa của TH là ở chỗ nghe thấy cả những điều không hình sắc, không thanh âm...

-> Tất cả đều mang đậm hương vị của biển khơi, tạo nên 1 vẻ đẹp riêng cho làng chài quê hương.

=> T/c trong sáng, thiết tha của TH đối với quê hương.

=> Nét đẹp của cs và con người ở mọi làng chài Việt Nam.

Phân tích bài thơ Quê hương của Tế Hanh

1. Mở bài.

- Tế Hanh, quê ở Quảng Ngãi, tham gia cách mạng và kháng chiến chống Pháp. Năm 1954 ông tập kết ra Bắc, hoạt động trong lĩnh vực văn học nghệ thuật. Đề tài quê hương xuất hiện nhiều lần trong sự nghiệp sáng tác của Tế Hanh.

- Bài thơ *Quê hương* viết năm 1938 là nỗi nhớ, là tình yêu quê hương tha thiết của Tế Hanh.

2. Thân bài.

* Hình ảnh quen thuộc của quê hương yêu dấu.

- Hiện lên qua lời giới thiệu tự nhiên, mộc mạc nhưng ẩn chứa tình cảm tự hào:

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới
Nước bao vây, cách biển nửa ngày sông.
Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng.
Dân trai tráng trong làng đi đánh cá.

- Cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả sinh động. Hình ảnh so sánh.

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã...
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng

Là sáng tạo nghệ thuật độc đáo. Bút pháp lãng mạn đem lại chất trữ tình bay bổng cho hình tượng thơ.

- Âm hưởng khoẻ khoắn, vui tươi thể hiện khí thế lao động sôi nổi và khát vọng ấm no hạnh phúc của người lao động.

- Cảnh đoàn thuyền về bến được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết. Niềm vui hiện rõ qua hình ảnh, âm thanh và nhịp điệu thơ.

- Nổi bật lên vẫn là vẻ đẹp khoẻ khoắn của những ngư dân dạn dày sóng gió đại dương.

- Bút pháp nhân hoá mang đến cho con thuyền một tâm hồn, một cuộc sống như con người, biến nó thành nhân vật không thể thiếu của quê hương

Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm.
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

- Tất cả gắn kết, hoà hợp với nhau tạo nên bức tranh sinh hoạt, sống động, rực rỡ sắc màu, in đậm dấu ấn trong kí ức những người con xa quê.

* Cảm xúc của nhà thơ.

- Thể hiện gián tiếp qua lời kể, lời tả đầy yêu mến, tự hào về quê hương.

- Thể hiện trực tiếp ở khổ thơ cuối

Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ...

Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!

- Tình yêu quê hương chân thành, tha thiết là cảm hứng chủ đạo bao trùm bài thơ.

3. *Kết bài.*

- Bài thơ quê hương là tấm lòng gắn bó sâu nặng của Tế Hanh với mảnh đất chôn nhau cắt rốn.

- Hình ảnh quê hương nghèo luôn hiện lên trong tâm tưởng, vừa là nguồn sức mạnh vừa là lời nhắc nhở, mời gọi những đứa con xa trở về với cội nguồn.

Bài tập: Phân tích vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong bài thơ “Quê hương” của nhà thơ Tế Hanh.

DÀN Ý

Mở bài: Giới thiệu bài thơ.

- Giới thiệu vấn đề nghị luận: Sức hấp dẫn trước hết của bài thơ là vẻ đẹp thân thương và độc đáo của bức tranh làng quê.

Thân bài:

a. Đó là vẻ đẹp của chính làng quê tác giả - một làng chài ven biển Trung Bộ. (Phân tích 2 câu thơ đầu).

b. Đó là vẻ đẹp tươi sáng, khoẻ khoắn của cuộc sống và con người làng chài:

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá:

+ Hiện lên trong khung cảnh thiên nhiên tươi sáng, thơ mộng của buổi bình minh.

+ Khí thế lao động hăng hái được gợi tả qua hình ảnh những chàng trai “phăng mái chèo” và những chiếc thuyền “mạnh mẽ vượt trường giang”.

+ Hình ảnh cánh buồm là một sự so sánh độc đáo gợi ra linh hồn của làng chài với bao nỗi niềm của người dân chài.

- Vẻ đẹp của bức tranh làng quê trong cảnh đoàn thuyền trở về bến:

+ Cảnh ồn ào tấp nập trên bến đỗ là một bức tranh sinh hoạt lao động ở làng chài được miêu tả hết sức sinh động, chan hoà niềm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.

+ Hình ảnh những chàng trai và những con thuyền sau chuyến ra khơi tạo nên một vẻ đẹp vừa thực vừa lãng mạn với hương vị riêng biệt khó quên của làng chài.

Kết bài:

- Bức tranh làng quê trong bài thơ thể hiện tình cảm trong sáng, thiết tha của Tế Hanh đối với quê hương.

- Bài thơ viết về làng quê riêng của chính tác giả nhưng mang theo nét đẹp của cuộc sống và con người ở mọi làng chài VN, nên có sức hấp dẫn với mọi tâm hồn Việt.

Nói về thơ Tế Hanh, Nguyễn Văn Long trong từ điển văn học đã cho rằng: “Trong thơ Tế Hanh, cảm xúc chân thực thường được diễn đạt bằng lời thơ giản dị, tự nhiên, giàu hình ảnh. Tiếng nói nhỏ nhẹ, hiền hoà bình dị nhưng không kém phần thiết tha đã giúp cho thơ Tế Hanh dễ dàng đến được với người đọc”. Bằng bài thơ “Quê hương” hãy chứng minh nhận định trên.

Đề: Vẻ đẹp của bức tranh làng chài trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh? Từ đó, liên hệ tình cảm mình với quê hương.

Dàn ý

Mở bài

- Giới thiệu về bài thơ Quê hương của Tế Hanh (hoàn cảnh sáng tác, tác giả tác phẩm, vấn đề nghị luận)
- Dẫn dắt vấn đề: Vẻ đẹp của bức tranh làng chài trong bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh (1 điểm)

Thân bài:

* Vẻ đẹp bình yên, thơ mộng của làng chài ven biển Trung Bộ

- Vẻ đẹp tươi sáng, khỏe khoắn của người dân làng chài khi cùng nhau ra khơi đánh bắt cá.

- Không khí lao động hăng hái, tươi vui được gợi tả qua hình ảnh trai tráng khỏe mạnh, những con thuyền băng băng lướt sóng.

- Sáng tạo hình ảnh cánh buồm, gợi ra linh hồn của làng chài ven biển với nhiều nỗi niềm của dân chài.

- Vẻ đẹp của bức tranh làng chài trong cảnh thuyền cá trở về bến.

+ Cảnh ồn ào, sôi nổi của người dân làng chài khi thuyền cập bến là thành quả lao động, thể hiện niềm hạnh phúc của người dân.

- Hình ảnh ra khơi của người dân làng chài được miêu tả chân thật, sinh động, chan hòa niềm vui sướng trước thành quả lao động và thể hiện khát vọng ấm no hạnh phúc của người dân chài.

- Đó là bức tranh làng quê thật tươi, sinh động, giàu sức sống và ấm áp tình người

* Vẻ đẹp bức tranh làng chài trong nỗi nhớ quê hương.

- Trong bức tranh ấy, nỗi niềm một người con xa quê nhớ quê da diết. Nỗi nhớ quê hương của Tế Hanh luôn thường trực, cháy bỏng

Nghệ thuật

- Sử dụng hình ảnh đẹp, gần gũi

- Ngôn từ miêu tả tinh tế, bình dị

Kết bài:

Khẳng định vấn đề: Bằng tình cảm thiết tha, thương nhớ, yêu quê hương đến tha thiết, tác giả Tế Hanh vẽ bức tranh vẻ đẹp làng chài quê hương mình bằng màu của nỗi nhớ.

Hướng dẫn làm bài:

Quê hương luôn là đề tài không bao giờ cạn kiệt đối với các thi sĩ. Mỗi người có một cách nhìn, cách cảm nhận riêng, đặc trưng về quê hương của mình. Chúng ta bắt gặp những bài thơ viết về quê hương của Đỗ Trung Quân, Giang Nam, Tế Hanh. Trong đó sự

nhẹ nhàng, mộc mạc của bài “Quê hương” tác giả Tế Hanh khiến người đọc xốn xang khi nhớ về nơi đã chôn rau cắt rốn, nơi nuôi dưỡng tâm hồn của mình. “Quê hương” là hai tiếng thân thương, được tác giả dùng làm nhan đề của bài thơ. Mở đầu bài thơ bằng sự mộc mạc, chân thành mà sâu sắc: Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới/ Nước bao vây cách biển nửa ngày sông/ Hai câu thơ như một lời kể tâm tình rất đời bình dị nhưng đã khiến người đọc hình dung được mảnh đất mà tác giả đáng sống là một vùng một biển, làm nghề chài lưới. Một ngôi làng giản dị, chân chất. Hình ảnh “nước”, “biển” rất đặc trưng cho một vùng quê làng biển. Có lẽ những điều bình dị đó khiến cho tác giả vẫn luôn mong ngóng, nhớ nhung khi xa quê hương. Những câu thơ tiếp theo gợi tả lên một khung cảnh tuyệt đẹp mỗi khi sáng mai thức dậy. Sự tinh tế của ngôn từ và cảm xúc khiến cho vần thơ trở nên trữ tình, tuyệt đẹp: Khi trời trong gió nhẹ sớm mai hồng/ Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá. Một loạt từ ngữ mang tính chất liệt kê khung cảnh, không gian thanh bình, tươi đẹp của cảnh biển vào buổi sáng. “Gió nhẹ”, “sớm mai hồng” là những gì còn neo giữ trong lòng của tác giả khi nhớ về quê hương. Và một hoạt động vẫn diễn ra đầu ngày là “bơi thuyền đi đánh cá” được tác giả vẽ nên rất nhẹ nhàng nhưng khỏe khoắn. Chiếc thuyền hăng như con tuấn mã./ Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang/ Nếu những câu thơ trên nhẹ nhàng, tinh tế bao nhiêu thì hai câu thơ này càng mạnh mẽ, quyết liệt và khỏe khoắn bao nhiêu. Với hai động từ “hăng”, “phăng” kết hợp với phép so sánh độc đáo khiến cho bức tranh đi đánh cá trở nên giàu chất tạo hình, giàu đường nét và giàu cá tính mạnh. Với động từ “phăng” đã phần nào gợi tả lên sự khéo léo kết hợp sự tinh tế và khỏe mạnh của những người dân vùng chài lưới. Hai câu sau lại trở về với vẻ lãng mạn đến bất ngờ: Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng/ Rướn thân trắng bao la thâu góp gió/ Một hình ảnh bình dị, thân quen như cánh buồm nhưng trong thơ của Tế Hanh lại có hồn, đậm chất thơ. Phép so sánh cánh buồm “như mảnh hồn làng” có sức gợi rất sâu sắc, bởi rằng đối với những người làm nghề chài lưới thì cánh buồm chính là biểu tượng cho cuộc sống của họ. Một sự so sánh hữu hình và vô hình đã làm nên sự sáng tạo nghệ thuật tuyệt vời. Con thuyền đã mang theo cả tin yêu, hạnh phúc và hi vọng của những người dân nơi đây. Câu thơ khỏe khoắn và tự nhiên đã phần nào làm toát lên được khí thế hào hùng trong công cuộc chinh phục biển khơi. Tế Hanh đã miêu tả nên một bức tranh thiên nhiên và bức tranh lao động sáng tạo tuyệt vời nhất. Đó là niềm tự hào, sự ca ngợi quê hương, đất nước. Đặc biệt, khung cảnh dân chài lưới chào đón thành quả sau một ngày căng thẳng vất vả được miêu tả chân thực và đầy niềm vui: Ngày hôm sau ồn ào trên bến đỗ/ Khắp dân làng tấp nập đón ghe về/ Nhờ ơn giời biển lặng cá đầy ghe/ Những con cá tươi ngon thân bạc trắng/ Hình ảnh dân làng “ồn ào”, “tấp nập” đã phần nào tái hiện được không khí vui tươi và phấn khởi của người dân chài sau một ngày hoạt động hết công suất. Những con cá “tươi ngon” nằm im lìm là những thành quả mà họ đạt được. Và có lẽ hình ảnh con người mạnh mẽ, khỏe khoắn là hình ảnh trung tâm không thể thiếu trong bức tranh ấy.

Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng

Cả thân hình nồng thở vị xa xăm

Hình ảnh thơ mượt mà, đậm chất biển, vừa khỏe khoắn, vừa chân chất vừa mộc mạc toát lên được vẻ đẹp của những con người vùng biển quanh năm vất vả. Tế Hanh đã phát hiện ra vẻ đẹp tiềm ẩn đó như một điều bình dị trong cuộc sống này. Và có lẽ những hình ảnh thân quen nơi làng quê ấy đã khiến cho Tế Hanh dù đi xa nhưng vẫn không thể nào quên, vẫn nhớ về đau đáu: Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ/ Màu nước xanh cá bạc chiếc buồm vôi/Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi/Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá. Một khổ thơ dạt dào tình cảm, nghèn nghẹn ở trong trái tim tác giả khi nhớ về mảnh đất thân yêu một thời. Nỗi nhớ quê dạt dào không nguôi khi những hình ảnh thân quen ấy cứ ùa về. Thật vậy bài thơ “Quê hương” của Tế Hanh không chỉ là riêng tình cảm của tác giả giành cho quê hương; mà bài thơ này còn nói hộ rất nhiều tấm lòng khác đang ở xa quê hương. Chúng ta càng trân trọng hơn nữa mảnh đất chân rau cắt rốn, yêu hơn nữa những điều bình dị nhưng thiêng liêng.

* Hướng dẫn về nhà: Học thuộc lòng các bài thơ, tìm hiểu các đề bài liên quan đến bài thơ Quê hương.

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

Ngày soạn: 05/ 03/ 2022

Ngày dạy :08/ 03/ 2022

BUỔI 7 :

THƠ CÁCH MẠNG : KHI CON TU HÚ- Tố Hữu

I.Yêu cầu:

- Hiểu sâu sắc hơn về thơ ca cách mạng giai đoạn trước cách mạng tháng 8.
- Nắm được một số nét về Tố Hữu và phân tích được các hay cái đẹp của bài thơ Khi con tu hú

- Luyện đề về tác phẩm Khi con tu hú của Tố Hữu.

II. Chuẩn bị

Gv: Soạn giáo án; sách bồi dưỡng, các đề thi liên quan

HS: Xem lại bài.

III. Nội dung bài dạy.

I. Đôi nét về tác giả Tố Hữu

- Tố Hữu (1906 - 2002) tên khai sinh là Nguyễn Kim Thành
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông giác ngộ lí tưởng cách mạng khi còn đang học ở Huế
 - + Sau cách mạng tháng 8 năm 1945 ông được giữ nhiều chức vụ trong bộ máy lãnh đạo của Đảng, về mặt trận Văn hóa nghệ thuật.
 - + Ông được tặng giải thưởng HCM về văn học nghệ thuật năm 1996
- Phong cách sáng tác: Thơ ông mang tính chất trữ tình chính trị có cảm hứng lãng mạn ngọt ngào

II. Đôi nét về bài thơ Khi con tu hú

1. Hoàn cảnh sáng tác

- Sáng tác vào tháng 7 năm 1939 tại nhà lao Thừa Phủ, khi tác giả bị bắt giam

2. Bố cục

- Phần 1: 6 câu đầu: Khung cảnh thiên nhiên vào hè
- Phần 2: 4 câu cuối: Tâm trạng người chiến sĩ trong tù

3. Giá trị nội dung

- Bài thơ thể hiện niềm tin yêu cuộc sống thiết tha và sự khao khát tự do mãnh liệt của người chiến sĩ trong cảnh tù đầy

4. Giá trị nghệ thuật

- Thể thơ lục bát sử dụng uyển chuyển
- Giọng điệu linh hoạt
- Từ ngữ tự nhiên và gần gũi với đời thường

III. Dàn ý phân tích bài thơ Khi con tu hú

I/ Mở bài

- Giới thiệu những nét khái quát về Tố Hữu, một nhà thơ dành cả sự nghiệp và cuộc đời hiến dâng cho Cách mạng
- Nhận định chung về “Khi con tu hú”: “là khúc ca tâm tình, là tiếng gọi đàn, hướng về đồng quê và bầu trời tự do với tình yêu và niềm khao khát cháy bỏng” (Sổ tay Ngữ văn 8)

II/ Thân bài

1. Cảnh đất trời vào hè

- Cảnh đất trời vào hè với nhiều âm thanh:
 - + Tiếng chim tu hú
 - + Tiếng ve ngân
 - + Tiếng sáo diều

⇒ Âm thanh rộn rã, tươi vui

- Bên cạnh đó có nhiều màu sắc

+ Vàng: Bắp, lúa

+ Xanh: Trời

+ Hồng: nắng

⇒ Màu sắc tươi tắn, rực rỡ

- Nhiều hương vị:

+ Vị lúa chín

+ Vị ngọt của trái cây

⇒ Những hương vị hết sức ngọt ngào tinh khiết

- Không gian đất trời cao rộng, cánh diều chao liêng ⇒ Sự khoáng đạt đầy tự do

⇒ Kết hợp biện pháp tu từ cùng với những tính từ, từ láy ⇒ bức tranh trong tâm tưởng về mùa hè tươi đẹp của người chiến sĩ trong cảnh tù đầy

2. Người tù cách mạng khao khát tự do, đau khổ vì bị giam cầm

- Từ ngữ mạnh: “đạp”, “ngột”, “chết”, “uất”

- Từ ngữ cảm thán: “ôi”, “thôi”, “làm sao”,

⇒ Nghệ thuật tương phản cho thấy sự đối lập giữa cảnh đất trời bao la và cảnh tù đầy, người chiến sĩ khao khát tự do cháy bỏng, muốn đập tan mọi thứ để thoát khỏi cảnh tù túng

⇒ Bài thơ kết thúc với tâm trạng nhức nhối, là dấu hiệu báo trước sự hành động để thoát khỏi hoàn cảnh sau này (Tố Hữu sau đó đã vượt ngục để vươn tới bầu trời tự do)

III/ Kết bài

- Khái quát những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản

- Bài thơ là bức chân dung tinh thần tự họa của Tố Hữu, cho chúng ta hiểu thêm về hình ảnh người chiến sĩ cách mạng anh hùng.

?Tìm những chi tiết nói về vẻ đẹp của mùa hè. Nét độc đáo trong cách cảm nhận của nhà thơ?

Cảnh mùa hè được miêu tả rất sinh động:

– Rộn rã âm thanh: âm thanh tu hú, âm thanh tiếng ve.

– Rực rỡ sắc màu: Màu vàng của bắp, màu hồng của nắng

– Hương vị: Chín, ngọt

– Không gian cao rộng và sáo diều chao lượn tự do...

Các từ miêu tả đi kèm với các từ chỉ sự vận động của thời gian (*đang chín*), sự mở rộng của không gian (*càng rộng, càng cao*), sự náo nức của ảnh vật (*đôi con diều sáo, lộn nhào tầng không*). Một mùa hè tràn đầy sinh lực.

Điều độc đáo là tất cả những cảm nhận ấy hiện lên trong tâm hồn của nhà thơ qua âm thanh tu hú. Những cảnh sắc đẹp đẽ của mùa hè cho ta thấy trí tưởng tượng hết sức phong phú của nhà thơ. Đó là mùa hè đẹp đẽ, là khung trời tự do, tràn đầy sức sống.

? Bài thơ khi “Khi con tu hú” của Tố Hữu đã thể hiện sâu sắc tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy. Qua bài thơ, em hãy làm sáng tỏ nhận xét trên.

Khi con tu hú sáng tác tháng 7/1939 tại nhà lao Thừa Phủ (Huế), khi tác giả bị bắt giam vào đây. Trước đó, ở lứa tuổi 18, vừa bắt gặp lý tưởng cộng sản, Tố Hữu đang hăng say hoạt động cách mạng với niềm hân hoan phơi phới, bỗng bị bắt giam trong nhà lao chật chội, ngột ngạt. Bởi vậy tâm trạng tác giả lúc này thấy đau khổ, bức bối. Nhưng càng đau khổ, bức bối bao nhiêu ông càng thể hiện sâu sắc tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và niềm khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

*Khi con tu hú gọi bầy
Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần
Vườn râm dậy tiếng ve ngân
Bắp rây vàng hạt đầy sân nắng đào
Trời xanh càng rộng càng cao
Đôi con diều sáo lộn nhào từng không...*

Mùa hè trong nỗi nhớ được bắt đầu từ tiếng chim tu hú. Âm thanh quen thuộc ấy như tín hiệu, sứ giả báo hiệu mùa hè về. Không chỉ bắt nhịp cho tất cả sự sống tung bừng trong thiên nhiên, âm thanh ấy còn tác động mạnh mẽ đến tâm hồn người tù, đánh thức một mùa hè kỉ niệm trong lòng người. Một thế giới tràn trề nhựa sống, tươi sáng, kì diệu đang mở ra với *lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần, vườn râm dậy tiếng ve ngân*, với *bắp rây vàng hạt, nắng đào*, với *trời xanh, đôi con diều sáo*. Tất cả đang tấu lên khúc nhạc mùa hè với rộn rã âm thanh, rực rỡ sắc màu, chan hòa ánh sáng, ngọt ngào hương vị. Mùa hè trong hoài niệm thật bình yên, ấm áp, trong trẻo, khoáng đạt, tự do.

Phải có một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm mới có thể cảm nhận được một thế giới đang rộn ràng, náo nức, tràn trề sự sống như vậy. Phải có trí tưởng tượng phong phú mới có thể hồi tưởng được một mùa hè như thế khi đang ở trong tù. Hơn tất cả là lòng yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống thiết tha của một tâm hồn trẻ trung, nhạy cảm, là khao khát mãnh liệt được trở về với thế giới tự do, thanh bình ấy.

Mùa hè trở về với âm thanh giục giã của tiếng chim tu hú làm thức dậy trong lòng người chiến sĩ bao cảm xúc, khiến người chiến sĩ trẻ ý thức sâu sắc hơn về hiện thực trong hiện tại mà mình đang phải trải qua, khiến người tù cảm thấy ngột ngạt, u uất hơn.

*Ta nghe hè dậy bên lòng
Mà chân muốn đạp tan phòng hè ôi
Ngột làm sao, chết uất thôi
Con chim tu hú ngoài trời cứ kêu*

Mùa hè đã đến trong thiên nhiên cảnh vật và đất trời quê hương Việt Nam. Mùa hè đến dậy trong lòng bao thôi thúc giục giã. Mùa hè đất trời lại tiếp tục len lỏi vào tâm hồn nhà thơ thúc giục tinh thần thoát khỏi nhà lao ra hòa nhập với thiên nhiên đất trời bay nhảy cùng chim muông cảnh vật. Bao âm thanh giục giã khiến nhà thơ muốn “đạp tan phòng” đạp tan song sắt, xà lim chật chội để ra ngoài giải phóng mình. Lòng uất hận

đang dâng trào khiến nhà thơ chỉ muốn thoát khỏi sự chật chội ấy để ra ngoài thiên nhiên rộng lớn.

Tiếng chim tu hú tạo một nghịch trạng trong tâm hồn người chiến sĩ cộng sản. Mùa hè tràn đầy sức sống đang đến vậy mà nhà thơ lại bị giam cầm tù đầy. Ngoại cảnh tác động vào con người khiến con người bức bối ngột ngạt muốn vùng vẫy tung phá. Nhưng thực tế không thể làm được nên phải thốt lên thành lời than, đó chính là biểu hiện của niềm khao khát tự do khao khát hoạt động cống hiến cho sự nghiệp cách mạng. Tiếng chim tu hú kia dường như là tiếng đòi tiếng cách mạng đang gọi nhà thơ giục giã lên đường kháng chiến phục vụ cách mạng, phục vụ nhân dân.

Tiếng chim tu hú gọi bầy tha thiết gọi ra một không gian thế giới bao la vô cùng sinh động. Nhưng thế giới ấy càng rộng lớn bao la rục rờ bao nhiêu càng khiến cho người tù cảm thấy chật chội khó chịu bấy nhiêu. Tiếng chim tu hú ở đầu và cuối bài thơ tuy đều biểu trưng cho tiếng gọi tha thiết của thiên nhiên mời gọi nhà thơ nhưng tâm trạng của nhà thơ khi nghe tiếng tu hú mỗi lần cất lên lại hoàn toàn khác nhau.

Nếu như lúc đầu tiếng chim tu hú mở ra một khung trời thiên nhiên rộng lớn bao la với đủ màu sắc âm thanh hình ảnh của cuộc sống thường nhật khi mùa hè đến trên khắp quê hương Việt Nam thì tiếng chim tu hú cuối bài là tiếng gọi của tự do, tiếng giục giã hành động khiến người tù – chiến sĩ không thể nào yên, khao khát sục sôi được trở về với cuộc sống tự do, phóng khoáng. Đặt trong hoàn cảnh sáng tác của bài thơ có thể hiểu trở về với cuộc sống cũng chính là trở về với hành trình cách mạng mà người chiến sĩ đang theo đuổi, đang say sưa hoạt động với một tâm hồn lãng mạn, hăng say.

Bài thơ được tác giả dùng những hình ảnh thơ gần gũi giản dị mà giàu sức gợi cảm ở nghệ thuật sử dụng thơ lục bát uyển chuyển tự nhiên và cả những cảm xúc thiết tha sâu lắng thể hiện nguồn sống sục sôi của người cộng sản. Qua bài thơ một lần nữa khẳng định, Tố Hữu là một nhà thơ tha thiết yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống và khao khát tự do cháy bỏng của người chiến sĩ cách mạng trong cảnh tù đầy.

* **Hướng dẫn về nhà:** Luyện đề về tác phẩm Khi con tu hú

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

Ngày soạn: 09/ 03/ 2022

Ngày dạy: 15/ 03/ 2022

BUỔI 8:

Chuyên đề 4: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

A. Mục tiêu cần đạt:

- + HS nắm được một cách khái quát về cách làm bài nghị luận xã hội
- + Luyện các kỹ năng làm văn Nghị luận xã hội.

+ Nắm được các bước làm bài văn nghị luận xã hội.

B. Nội dung bài học

I. YÊU CẦU CHUNG:

- Bài làm phải đầy đủ ba phần: *Mở bài, thân bài, kết bài*.
- Giữa ba phần (*mở bài, thân bài, kết bài*) và giữa các luận điểm, các đoạn trong phần thân bài phải có sự liên kết chặt chẽ. Để làm được như vậy, cần phải:
 - + Sử dụng những từ ngữ, những câu văn... để chuyển ý.
 - + Câu chuyển ý thường ở đầu đoạn văn (Câu này thường có chức năng: liên kết với ý ở đoạn văn trước đó và mở ra ý mới trong đoạn văn).
 - + Không thể trình bày phần thân bài chỉ với một đoạn văn!
- Phải bảo đảm tính cân đối giữa ba phần (*mở bài, thân bài, kết bài*) trong toàn bộ bài văn cũng như giữa các luận điểm ở phần thân bài, tránh trường hợp làm bài kiểu “*đầu voi đuôi chuột*” (phần “*mở bài, thân bài*” lại nói nhiều, thiếu phần “*kết bài*”).
- Phải biết vận dụng kết hợp các thao tác lập luận trong bài văn: giải thích, phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận... Trước một đề bài cụ thể, cần suy nghĩ lựa chọn: *Nên sử dụng các thao tác lập luận nào? Sắp xếp trình tự các thao tác ra sao?*
- Đề bài văn có sức thuyết phục, cần sử dụng một số phương thức biểu đạt như biểu cảm, tự sự, miêu tả, thuyết minh... hỗ trợ cho phương thức nghị luận chính.

II. ĐỊNH HƯỚNG NỘI DUNG, VẤN ĐỀ NGHỊ LUẬN:

Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

- Vấn đề nhận thức: *lí tưởng, mục đích sống...*
- Vấn đề về đạo đức, tâm hồn, tính cách: *lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng; tính trung thực, dũng cảm, chăm chỉ, cần cù, thái độ hòa nhã, khiêm tốn; thói ích kỉ, ba hoa, vụ lợi...*
- Vấn đề về các quan hệ gia đình: *tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em...*
- Vấn đề về các quan hệ xã hội: *tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...*
- Vấn đề về cách ứng xử, đối nhân xử thế của con người trong cuộc sống.

III. ĐỊNH HƯỚNG DÀN Ý CHUNG:

1. Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

a. Mở bài:

- Dẫn dắt vào đề (...)
- Giới thiệu về tư tưởng, đạo lí nêu ở đề bài (...)
- Trích dẫn ý kiến, nhận định (nếu có) (...)

b. Thân bài:

*** Giải thích tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (...).**

Tùy theo yêu cầu đề bài mà có thể có những cách giải thích khác nhau:

- *Giải thích khái niệm*, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.
- *Giải thích nghĩa đen* của từ ngữ, rồi suy luận ra *nghĩa bóng*, trên cơ sở đó giải thích ý nghĩa, nội dung vấn đề.
- *Giải thích mệnh đề, hình ảnh* trong câu nói, trên cơ sở đó xác định nội dung, ý nghĩa của vấn đề mà câu nói đề cập.

*** Phân tích và chứng minh những mặt đúng của tư tưởng, đạo lí cần bàn luận (...)**

Bản chất của thao tác này là giảng giải nghĩa lí của vấn đề được đặt ra để làm sáng tỏ tới cùng bản chất của vấn đề. Phần này thực chất là trả lời câu hỏi: ***Tại sao? (Vì sao?) Vấn đề được biểu hiện như thế nào?***

*** Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề đang bàn luận (...)**

*** Bình luận, đánh giá (bàn bạc, mở rộng, đề xuất ý kiến...):**

- Đánh giá vấn đề: Nêu ý nghĩa của vấn đề, mức độ đúng – sai, đóng góp – hạn chế của vấn đề.
- Từ sự đánh giá trên, rút ra bài học kinh nghiệm trong cuộc sống cũng như trong học tập, trong nhận thức cũng như trong tư tưởng, tình cảm...
- Đề xuất phương châm đúng đắn...

c. Kết bài:

- Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã bàn luận ở thân bài (...)
- Lời nhắn gửi đến mọi người (...)

MỘT SỐ ĐỀ BÀI THAM KHẢO

Đề 1: *Giữa một vùng đất khô cằn sỏi đá, cây hoa dại vẫn mọc lên và nở ra những chùm hoa thật rực rỡ.*

Trình bày suy nghĩ của anh chị về hiện tượng trên.

DÀN Ý THAM KHẢO

1. Mở bài:

- Câu nói miêu tả một hiện tượng thiên nhiên mà hàm chứa nhiều ý nghĩa sâu sắc, gợi ra nhiều suy tưởng đẹp.
- Đó là biểu tượng của nghị lực và ý chí vươn lên của con người trong những hoàn cảnh khó khăn, khốc liệt.

2. Thân bài:

a. Giải thích câu nói:

- Hình ảnh “vùng sỏi đá khô cằn”: gợi liên tưởng, suy nghĩ về môi trường sống khắc nghiệt, đầy gian khó. Nói cách khác, đó là nơi sự sống khó sinh sôi, phát triển.
- Hình ảnh “cây hoa dại”: Loại cây yếu ớt, nhỏ bé, cũng là loại cây bình thường, vô danh, ít người chú ý.
- Hình ảnh “cây hoa dại vẫn mọc lên và nở hoa”: Cây hoa dại sống giữa tự nhiên lạnh lẽo mà kiên cường. Nó thích nghi với hoàn cảnh, vượt lên điều kiện khắc nghiệt để sống và nở hoa. Những bông hoa là thành quả đẹp đẽ, kết tinh từ sự chắt chiu, thể hiện sức sống mãnh liệt.
- Như vậy, câu nói mượn hiện tượng thiên nhiên mà gợi ra suy nghĩ về thái độ sống của con người. Cho dù hoàn cảnh khắc nghiệt đến đâu, sự sống vẫn hiện hữu, cái đẹp vẫn tồn tại. Con người phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống.

b. Phân tích, chứng minh ý nghĩa câu nói:

- Đây là một hiện tượng mà ta có thể tìm thấy ở nhiều nơi trong thế giới tự nhiên quanh mình. Cây cối, cỏ hoa xung quanh ta luôn ẩn chứa một sức sống mạnh mẽ, bền bỉ. Chúng sẵn sàng thích nghi với mọi điều kiện sống khắc nghiệt:
 - + Nơi xa mạc nóng bỏng, cây xương rồng vẫn mọc lên, vẫn nở hoa, những bông hoa nép mình dưới xù xì gai nhọn.
 - + Ở cánh đồng băng Nam Cực, các nhà khoa học từng sờ khi phát hiện dưới lớp băng dày vẫn có những đám địa y.
- Từ hiện tượng này, có thể liên hệ với những hiện tượng tồn tại trong **cuộc sống con người**:
 - + Những thử thách, những khó khăn của thực tế đời sống luôn đặt ra đối với mỗi con người. Cuộc sống không bao giờ bằng phẳng, luôn chứa đựng những bất ngờ, biến cố ngoài ý muốn. Vì vậy, quan trọng là cách nhìn, thái độ sống của con người trước thực tế đó. Ta không nên đầu hàng hoàn cảnh, không buông xuôi phó thác cho số phận. Trong hoàn cảnh “khắc nghiệt”, vẫn có những con người đích thực vẫn vươn lên.
 - + Chính trong thách thức của hiện thực cuộc sống, nghị lực và sức sống của con người càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đóng góp, cống hiến hay những thành tựu,

kết quả đạt được trong điều kiện đó rất cần được tôn vinh như những tấm gương sáng cho mọi người học tập:

- Nhà văn Nga vĩ đại M. Go-rơ-ki đã có một cuộc đời sớm chịu nhiều cay đắng, gay go, đã không ngừng tự học, tự đọc để vươn lên khẳng định tài năng và đi đến thành công.
- “Hiệp sĩ công nghệ thông tin” Nguyễn Công Hoàng phải sống trong hoàn cảnh nghiệt ngã: không thể tự mình duy chuyên, khả năng ngôn ngữ hạn chế. Vậy mà người thanh niên đó đã sống bằng nghị lực, quyết tâm học tập và nghiên cứu phần mềm tin học. Cuối cùng anh đã thành công.
- Còn có rất nhiều tấm gương khác nữa, họ chấp nhận đương đầu với hoàn cảnh khắc nghiệt để sống và vươn lên, thể hiện những ước mơ cao đẹp.

c. Bình luận, đánh giá:

- Khẳng định sự sâu sắc của bài học: Đây là một bài học quý báu, bổ ích về thái độ sống của con người xuất phát từ hiện tượng tự nhiên.
- Phê phán:
 - + Sống trong môi trường, điều kiện sống thuận lợi, có người biết tận dụng nó để phát triển tối đa năng lực của mình, đóng góp cho cuộc sống. Song cũng có những người ỷ lại mà không nỗ lực cố gắng, chỉ biết hưởng thụ, dẫn đến lãng phí thời gian, tiền bạc, tâm huyết, tình cảm của người thân. Sự lãng phí ấy là vô cùng đáng trách.
 - + Không gặp được những thuận lợi trong cuộc sống, có người đã sống chán nản, buông xuôi và dẫn tới thất bại. Trường hợp này có thể cảm thông song không nên đồng tình vì tuy hoàn cảnh có vai trò quan trọng song những nỗ lực cố gắng của con người càng quan trọng hơn.
- Bài học rút ra:
 - + Để có thể vượt lên khó khăn mà có những đóng góp, cống hiến trong cuộc sống, con người cần có nghị lực, ý chí, năng lực. Song cũng rất cần sự động viên, khích lệ, tình yêu và niềm tin của những người thân và cả cộng đồng.
 - + Cộng đồng nên có cách nhìn nhận, đánh giá đúng đắn về những đóng góp của những người ở hoàn cảnh đặc biệt, đồng thời nên có những chính sách hỗ trợ, giúp đỡ để họ nhanh chóng vượt qua mọi khó khăn trong cuộc sống.

3. Kết bài:

- Sẽ thật bất hạnh khi gặp phải hoàn cảnh trở trêu trong cuộc sống, nhưng sẽ bất hạnh hơn nếu như chúng ta thôi không cố gắng.
- Cũng như cây hoa dại kia rễ của nó đã đâm sâu dưới đất sỏi đá khô cằn nhằm tìm nguồn nước dẫu ít ỏi để tiếp tục tồn tại mà nở những chùm hoa đẹp.
- Hãy nhìn vào tấm gương của những bạn học sinh nghèo vượt khó, những hoàn cảnh bất hạnh nỗ lực vươn lên để tự soi lại chính mình.

Đề 2: "Tình thương là hạnh phúc của con người"

Bài làm.

Trong cuộc sống giữa con người và con người chúng ta luôn tồn tại tình yêu thương. Tình yêu thương là cội nguồn đầu tiên của con người chúng ta cho đến ngày nay. Những tình yêu thương đẹp đẽ đó mang đến niềm hạnh phúc cho chúng ta. Vậy chúng ta cùng tìm hiểu " tình thương là hạnh phúc của con người là gì?".

Tình thương là sự cảm thông chia sẻ trong phạm vi gia đình, xã hội, nhà trường. Hạnh phúc là niềm vui, niềm sung sướng khi ta đạt được niềm mơ ước, phấn đấu trong cuộc sống. Khi chúng ta cho người khác tính thương hoặc khi chúng ta biết chia sẻ niềm vui nỗi buồn với người khác thì chúng ta sẽ nhận lại được từ họ sự biết ơn bởi cuộc sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình.

Tình thương còn được thể hiện ở nhiều khía cạnh, ta thấy gần gũi nhất là gia đình, tình cảm của cha mẹ đối với con cái là vô cùng lớn lao vô bờ bến. Từ ngàn xưa cha ông

ta đã có những câu ca dao đề cao tính yêu thương của cha mẹ; Công cha như núi thái sơn, gĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra. Núi cao to đồ xô nước chảy nhiều như thế ta cũng không thể hình dung được tình yêu thương của cha mẹ lớn lao như thế nào bởi ta không bao giờ đo đếm được. Điều đó đã trở thành đạo lý bổn phận con chúng ta phải biết ghi nhớ công ơn của cha mẹ, vâng lời cha mẹ, cố gắng học tập thật tốt để làm cha mẹ vui lòng. Ta có thể thấy trong văn học, Thúy Kiều vì thương cha mình đã phải bán thân chuộc cha, Nguyễn Đình Chiểu khóc đến mù cả mắt khi hay tin mẹ mất. Ngoài ra tình yêu thương còn được thể hiện trong nhà trường: vâng lời, lễ phép với thầy cô người lớn tuổi hoàn thành nhiệm vụ mà thầy cô gáo, ghi nhớ công ơn thầy cô đã dạy cho ta những bài học đầu tiên, nhưng chữ đầu đời. Trong quan hệ bạn bè: cảm thông chia sẻ với những bạn có hoàn cảnh khó khăn, giúp đỡ các bạn học yếu. Trong xã hội, biết chia sẻ cảm thông với những số phận bất hạnh, vận động kêu gọi mọi người quyên góp giúp đỡ đồng bào lũ lụt, quỹ nhà tình thương, vì người nghèo...

Vì sao chúng ta sống phải có tình thương: Vì tình thương là một trong những thứ cao đẹp nhất của con người, tình thương là sự cho đi đồng thời nhận lại, tình thương đem đến niềm tin lẽ sống, niềm hạnh phúc, sự ấm áp cho mọi người, có tình thương giúp con người sẽ xây dựng xã hội tốt đẹp, trật tự tình thương giúp con người hoàn thiện nhân cách của mình hơn.

Tuy nhiên tình thương phải biết đặt đúng chỗ vì không đặt đúng chỗ sẽ không là hạnh phúc mà là bất hạnh. Một người mẹ quá nuông chiều con sẽ khôn khổ vì con. Cho tiền nhưng kẻ dạng hành khất là tiếp tay cho lười biếng. Khoan hồng, dung tha cho những kẻ phạm tội nhưng chúng vẫn " ngựa quen đường cũ" thì thật là nguy hiểm cho xã hội. Bên cạnh những người giải lòng yêu thương vẫn còn vô vàn nhưng kẻ ích kỷ, sống chỉ biết vì mình thật là đáng phê phán lên án.

"Tình thương là hạnh phúc của con người" câu nói tuy ngắn gọn nhưng bao hàm đầy đủ ý nghĩa cho chúng ta tình thương là một trong những cảm xúc đẹp nhất của con người. Đừng sống vì mình mà hãy sống vì mọi người nhất là đối với những người chúng ta yêu thương, sẽ làm cuộc sống này trở nên tốt đẹp hơn."

Đề : *Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống. Suy nghĩ của anh(chị) về vấn đề trên.*

1. *Giải thích:*

- "Nghe" là sự tiếp nhận âm thanh bằng tai (thính giác).
- "*Biết lắng nghe*" là không chỉ nghe bằng tai mà còn nghe bằng cả khối óc và trái tim.
- "*Biết lắng nghe – điều kì diệu của cuộc sống*" là một trong những cách tiếp nhận, học hỏi của con người nhằm làm cho bản thân ngày càng hoàn thiện.
- "*Biết lắng nghe*" tùy thuộc vào ý thức chủ quan của mỗi người. Đó là đức tính, là năng lực cần phải học hỏi, là yếu tố thúc đẩy để con người tự hoàn thiện nhân cách và trưởng thành hơn ...do đó, "*Biết lắng nghe*" là điều kì diệu của cuộc sống.

2. *Bình luận:*

- "*Biết lắng nghe*" phụ thuộc vào nhiều yếu tố như kinh nghiệm sống, vốn văn hóa, tầm nhìn, sự nhạy cảm, độ tinh tường, tinh thần cầu thị, quan niệm sống của con người,...
- "*Biết lắng nghe*" là điều kì diệu của cuộc sống: nghe để hiểu, để hành động, để hướng tới giá trị chân, thiện, mỹ. Chẳng hạn, biết nghe tiếng vọng về từ quá khứ, nghe những gì đang diễn ra ở hiện tại, nghe được cả tương lai; nghe được lời của thiên nhiên, đất trời, lời của cây cối, chim muông; nghe để phân biệt phải trái, hay dở, tốt xấu, nghe được cả tiếng trái tim mình...
- Không biết lắng nghe thì cuộc sống thật vô nghĩa, tẻ nhạt,

3. *Bài học nhận thức và hành động:*

- “*Biết lắng nghe*” có vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người, vì vậy, mỗi người cần phải có ý thức rèn luyện năng lực “*lắng nghe*”.
- Biết lắng nghe một cách chân thành, cầu thị để có thể chia sẻ, đồng cảm với người khác và làm cho cuộc sống của mình ngày càng có ý nghĩa...
- Chống tư tưởng chủ quan, bảo thủ và phê phán lối sống ích kỉ, “*biết nghe mà vẫn giả điếc*”...

Đề 3: W. Whitman từng tâm niệm: *Hãy nhìn về phía mặt trời, bóng tối sẽ khuất sau lưng bạn.*

Suy nghĩ của anh (chị) về nhận định trên.

1. Giải thích ý nghĩa của lời nhận định.

- Mặt trời là nguồn sáng đem lại hơi ấm và sự sống cho muôn loài. Mặt trời còn là biểu tượng cho những điều tươi sáng, đẹp đẽ, là niềm tin và hi vọng tốt đẹp ở tương lai trong cuộc đời con người.

- Bóng tối là màn đêm âm u, tăm tối. Bóng tối cũng là biểu tượng cho sự đen đui, bi đát, bất hạnh, thiếu may mắn, những thất bại trong đường đời của con người.

→ Ý nghĩa nhận định: Lời nhận định là một phương châm sống tích cực, một lời khuyên sâu sắc nhắc nhở ta phải biết vượt lên những bất hạnh, rủi ro, đau buồn, thất bại trong cuộc đời. Phải biết quên đi quá khứ đen tối mà hướng về tương lai tươi sáng, tốt đẹp ở cuộc sống phía trước.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề.

- Cuộc sống không phải lúc nào cũng là thảm đỏ trải đầy hoa hồng, cuộc sống là một trường tranh đấu. Bởi thế, cuộc đời mỗi con người cũng không thể tránh khỏi những gian nan, trắc trở, những khó khăn, thất bại.

- Mỗi người cần phải có ý chí, nghị lực, dũng khí để vượt lên những thất bại. Phải xem những gian nan, trắc trở như một thử thách để ta được rèn luyện, trưởng thành.

- Cần biết hướng về phía trước, lạc quan, tin tưởng vào tương lai, có bản lĩnh vững vàng để vượt lên những vấp ngã của bản thân. Đây là xu hướng phát triển, là yêu cầu tất yếu phù hợp với quy luật khách quan của cuộc sống. Nếu cứ đắm chìm trong những thất bại, đau buồn là tự hại mình.

- Phê phán những người không có niềm tin, không có ý chí phấn đấu vươn lên trong cuộc sống.

3. Bài học nhận thức và hành động.

- Cần phải có ý chí, nghị lực, niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai để vững bước trong cuộc đời.

- Trong cuộc sống cũng như trong học tập phải biết vượt lên chính mình, không nên chùn bước trước những khó khăn thử thách. Sống cần có lý tưởng, khát vọng và ước mơ.

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

Ngày soạn: 17/ 03/ 2022

BUỔI 9:**Chuyên đề 4: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (tiếp)****I. Mục tiêu cần đạt:**

- + HS nắm được một cách khái quát về cách làm bài nghị luận xã hội
- + Luyện các kỹ năng làm văn Nghị luận xã hội.
- + Nắm được các bước làm bài văn nghị luận xã hội.

B. LUYỆN TẬP

Đề 1: R.Ta-go, nhà thơ Ấn Độ cho rằng: *Thà làm một bông hoa sen nở khi thấy mặt trời rồi mất hết tinh nhụy, còn hơn giữ nguyên hình nụ búp trong sương lạnh vĩnh cửu của mùa đông.*

Suy nghĩ của anh (chị) về nhận định trên.

1. Giải thích ý nghĩa của lời nhận định

- *Hoa sen*: ủ mầm trong bùn đất, tối khuất, nhơ bẩn nhưng mạnh mẽ vươn lên. Hoa sen là biểu tượng cho phẩm cách thanh sạch, biết vươn lên trong cuộc sống của con người.

- *Mặt trời*: Đó là ánh sáng vĩnh cửu đem lại sự sống cho vạn vật. Mặt trời tượng trưng cho sức sống mạnh mẽ, sự huy hoàng.

- *Nụ búp*: ẩn dụ cho cái non nớt, nhút nhát, e sợ của con người.

- *Sương lạnh vĩnh cửu*: là môi trường lạnh giá, khắc nghiệt, ở đó vạn vật phải ẩn mình, thu mình, không thể sinh sôi phát triển. Vì thế nó tượng trưng cho những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

=> *Ý nghĩa câu nói*: Ý kiến của Ta-go là một triết lí sống mạnh mẽ, tích cực và tiến bộ. Trong cuộc sống có rất nhiều khó khăn thử thách, nhưng nếu biết sống và cống hiến hết mình ta sẽ nhận được thành quả xứng đáng. Nếu sống nhút nhát, thụ động thì cuộc đời thật nhạt nhẽo, vô nghĩa.

2. Bàn luận, mở rộng vấn đề

a. *Tại sao nên chọn cách sống như “bông hoa sen”?*

- Cuộc sống rất quý giá nhưng lại ngắn ngủi, và chỉ đến duy nhất một lần. Ta phải sống thế nào cho xứng đáng, phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những tháng năm đã sống hoài, sống phí. Ta cần có một trái tim đầy nhiệt huyết để sống hết mình, để cảm nhận từng hơi thở trong khoảnh khắc của đời mình.

- Đã là con người thì cần phải có ước mơ, lý tưởng và khát khao thực hiện những điều đó. Tuy nhiên, cuộc sống luôn ẩn chứa những khó khăn, thử thách và những điều tốt đẹp không bỗng dưng mà có. Thay vì để khó khăn đánh bại, ta hãy đón nhận chúng như một cơ hội để rèn luyện bản lĩnh của chính mình, để ta thêm trưởng thành.

- Khi ta chọn làm “bông hoa sen nở trong ánh mặt trời” đó là lúc ta sống hết mình và cống hiến hết mình. Ta sẽ có cơ hội được tỏa sáng, được khẳng định, lưu lại dấu chân trên con đường đã đi và tận hưởng những điều tuyệt diệu mà cuộc sống mang lại. Đó cũng chính là cách khiến cuộc sống của ta thêm ý nghĩa và trở nên có ích. Đó mới là cuộc sống đích thực của con người.

b. *Tại sao không nên chọn cách sống như “nụ búp”?*

- Nếu ta không dám đối mặt trước những khó khăn, thử thách của cuộc sống vì ta sợ sai lầm, sợ sẽ thất bại, sợ bị cười chê... để rồi mãi mãi ta sống trong vỏ bọc hèn nhát của mình. Đó là lối sống mòn, sống thừa, sống vô ích mà không được ai biết đến. Một “cuộc sống đang mòn ra, đang rỉ đi, đang nổi váng.”

- Cuộc sống không mục tiêu, ước mơ, hoài bão thật vô vị. Sống như thế thực chất chỉ là tồn tại mà thôi, là chết ngay cả khi đang sống.

c. Nâng cao

- Liệu có phải lúc nào ta cũng sống hết mình? Nếu cứ hết mình như thế sẽ có lúc ta kiệt sức. Vậy ta cần phải biết lượng sức mình, không phải lúc nào cũng nên lao về phía trước. Để đối mặt với mọi thử thách trên đường đời trước tiên ta phải trân trọng chính bản thân ta. Đừng nôn nóng theo đuổi mục đích mà quên mất bản thân mình.

- Có những phút giây ta nên thu mình lại khi đã cảm thấy mỏi mệt. Khi ấy không phải ta đang hèn nhát, chỉ là ta đang tìm kiếm chút bình yên cho tâm hồn, tìm được lại ý chí, lòng quyết tâm để tiếp tục tiến lên phía trước.

3. Bài học nhận thức và hành động

- Phê phán lối sống yếu mềm, thụ động, chỉ biết ngồi chờ vận may và sự thuận lợi.

- Cuộc sống của mỗi người được quyết định bởi sự tự nhận thức, bản lĩnh và nghị lực vươn lên không ngừng. Cuộc sống quá ngắn ngủi, hãy cứ cháy hết mình đến tận cùng của khát vọng, ước mơ.

Đề 2: Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

+ Giới thiệu chung : cuộc sống có những người, những điều cao đẹp được nhiều người biết tới. Nó trở thành những thần tượng đối với con người. Nhưng người ta phải có thái độ như thế nào đối với thần tượng cho phải, bởi lẽ : *ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.*

+ Giải thích :

- Thần tượng là những người, những điều được mọi người tôn sùng, chiêm ngưỡng. Nhưng thái độ của mọi người đối với thần tượng có thể dẫn tới những kết quả khác nhau: *Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa.*

- Tại sao *Ngưỡng mộ thần tượng là một nét đẹp văn hóa, nhưng mê muội thần tượng là một thảm họa*?

- Ngưỡng mộ khác với mê muội : người ngưỡng mộ vẫn giữ được sự tỉnh táo, sáng suốt, khách quan của tinh thần, do đó có thái độ đúng mực đối với thần tượng, trong khi người mê muội thì thường chủ quan, thiếu sự sáng suốt, tỉnh táo trong mối quan hệ với thần tượng, do đó dễ có những thái độ không đúng mực, không phù hợp.

- Trong việc ngưỡng mộ thần tượng, người ta dễ hiểu rõ cái đẹp của thần tượng và có sự ngưỡng mộ; người ta cũng hiểu rõ bản thân; do đó người ta có thể hoặc có sự thần phục, hoặc có nỗ lực để phấn đấu và để theo gương theo cách hiểu mình hiểu người, không có những hành vi thái độ quá đáng ảnh hưởng đến nhân cách của bản thân. Vì thế, đó là một nét đẹp văn hóa: cư xử văn minh, lịch sự đúng mực, phù hợp.

- Trong khi đó, mê muội thần tượng thì dễ khiến người ta chỉ nhìn thấy thần tượng một cách phiến diện (hào quang của những thần tượng ca nhạc) thường lại có những thái độ hành vi quá đáng và do đó nó ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân, có khi dẫn tới những tai họa lớn (ví dụ : tốn thời gian, tiền của và thậm chí cả sinh mạng).

+ Bình luận :

- Không nên sống trên đời mà không có thần tượng bởi vì ai cũng cần phải có một mục đích rõ ràng để sống, phải có những điều, những người tốt đẹp mà mình ngưỡng mộ, yêu mến, khâm phục để noi gương và phấn đấu. Có như vậy cuộc sống mới có thể dễ có ý nghĩa, có động lực thúc đẩy để phấn đấu. Không có thần tượng người ta dễ sống theo kiểu bèo dạt hoa trôi.

- Cũng cần thấy rõ ý nghĩa khái quát của thần tượng và sự hiện diện của thần tượng ở mọi lĩnh vực của đời sống (văn học, lịch sử, khoa học...) chứ không phải chỉ có thần tượng trong lĩnh vực âm nhạc, thể thao.

- Cần phải có thái độ đúng đắn đối với thần tượng đó là ngưỡng mộ thần tượng chứ không mê muội thần tượng.

+ Ý kiến của đề :

- Có ý nghĩa của một lời nhắc nhở, một lời khuyên rất thực tế, thời sự đối với mọi người, nhất là với giới trẻ hiện nay.

Đề 3: *Biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng biết xấu hổ còn quan trọng hơn.*

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

- Giới thiệu ý kiến của đề bài: biết tự hào về bản thân là cần thiết nhưng xấu hổ còn quan trọng hơn.

- Giải thích :

+ Tự hào : lấy làm hài lòng, hãnh diện về cái tốt đẹp mà mình có.

+ Xấu hổ : cảm thấy hổ thẹn khi thấy mình có lỗi hoặc kém cỏi trước người khác.

+ Ý kiến : thể hiện quan điểm của người phát biểu về quan hệ của tự hào với xấu hổ : tự hào thì cần thiết, xấu hổ quan trọng hơn.

- Phân tích, chứng minh :

+ Tự hào là cần thiết :

· Người tự hào thường là người hiểu rõ bản thân, nhất là sở trường, các tốt đẹp của bản thân. Do đó cũng dễ là người có thái độ tự tin.

· Tự hào thường mang lại những cảm xúc tích cực. Nó giúp người ta dễ phấn khởi trong hành động. Do đó cuộc sống dễ đạt được những thành công.

+ Biết xấu hổ còn quan trọng hơn :

· Biết xấu hổ, người ta dễ tránh những lỗi lầm sai trái.

· Biết xấu hổ, người ta dễ nỗ lực vươn lên để khắc phục những kém cỏi của bản thân.

· Biết xấu hổ, người ta dễ có lòng khiêm tốn, có tinh thần trách nhiệm, có lương tâm.

· Biết xấu hổ là một trong những biểu hiện của lòng tự trọng, của nhận thức về phẩm giá con người.

· Biết xấu hổ, người ta cũng dễ biết kiềm chế bản thân trước các tình huống.

- Phê phán : Trong thực tế, có những người không biết tự hào, cũng chẳng tự trọng, vô cảm với mình, với người. Nguyên nhân thường do thiếu nhận thức, thiếu kỹ năng sống.

- Bình luận : Tự hào, tự trọng (mà biết xấu hổ là một biểu hiện của nó) là những phẩm chất đáng quý mà mỗi người cần có, trong đó cần nhận thức tự hào là cần thiết nhưng tự trọng thì quan trọng hơn.

- Làm sao để có lòng tự hào và tự trọng :

+ Cần có hiểu biết và ý thức về giá trị con người và cuộc sống.

+ Cần có hiểu biết về ý nghĩa quan trọng của phẩm giá cá nhân.

+ Cần nỗ lực phấn đấu rèn luyện trau dồi những phẩm chất và kỹ năng sống cần thiết để sống tốt.

Đề 4: *Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng mà trước hết hãy là người có ích.*

Hãy viết một bài văn ngắn (khoảng 600 từ) trình bày suy nghĩ của anh/ chị về ý kiến trên.

- Giới thiệu ý kiến của đề bài: *Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng mà trước hết hãy là người có ích.*

- Giải thích :

- + Người nổi tiếng : là người có tiếng tăm được nhiều người biết đến.
- + Người có ích : là người có cuộc sống có ích, có ý nghĩa, cũng cần thiết và có giá trị đối với người khác, gia đình, xã hội.
- + Ý kiến là một lời khuyên về một trong những mục đích sống của con người : hãy sống với một mục đích sống chân chính đừng cố gắng theo đuổi tiếng tăm, danh vọng mà hãy quan tâm đến giá trị của cuộc sống, nhất là với mọi người.
- Phân tích chứng minh :
- + Đừng cố gắng trở thành người nổi tiếng :
- Tiếng tăm, danh vọng : thường không phải là mục đích cao đẹp nhất của cuộc sống.
- Danh vọng có thể làm tha hóa con người, làm băng hoại đạo đức và đẩy con người ta vào tội lỗi.
- Để cố trở thành người nổi tiếng có những người đã đi vào những con đường bất chính, sử dụng những phương cách xấu xa. Do đó, nổi tiếng như thế chỉ là vô nghĩa.
- + Trước hết, hãy là người có ích :
- Người sống có ích mang lại nhiều ích lợi cho người khác trong cuộc sống.
- Sống có ích sẽ làm thăng hoa giá trị con người, thăng hoa giá trị cuộc sống.
- Người có ích dù không được nổi tiếng nhưng cuộc sống của họ là cần thiết, có giá trị, có ý nghĩa đối với người khác, gia đình, xã hội. Ngay cả trong quan niệm của người xưa về “chí nam nhi”, chữ “danh” (Phải có danh gì với núi sông) luôn gắn với thực chất của hành động (Làm nên danh anh hùng đâu đây tỏ).
- Bình luận :
- + Nổi tiếng cũng có mặt tốt, có tác dụng tốt. Tiếng nói của người nổi tiếng thường có tác động nhiều hơn, lớn hơn đối với người khác, xã hội.
- + Nhưng đừng cố gắng chạy theo việc trở thành người nổi tiếng bằng mọi cách vì điều đó mang lại nhiều tác hại. Hãy để cho tiếng tăm được đến một cách tự nhiên bằng hành động có thực chất: hữu xạ tự nhiên hương.
- + Làm sao để là người có ích :
- Hãy sống có lý tưởng;
- Hãy sống có đạo đức, có trách nhiệm;
- Hãy sống vì gia đình, vì xã hội, vì cộng đồng;
- + Ý kiến này là một biểu hiện cụ thể của vấn đề danh và thực trong cuộc sống con người. Giải quyết tốt mối quan hệ của vấn đề nổi tiếng và có ích, của danh và thực, người ta sẽ dễ có cuộc sống bình an, hạnh phúc, chân chính.
- Đây là một ý kiến có giá trị đúng đắn. Đồng thời nó cũng là một lời khuyên rất có tính thời sự, nhất là trước hiện tượng một bộ phận giới trẻ ngày nay đang có xu hướng tìm sự nổi tiếng bằng mọi giá.

Đề 5: “Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”

Tô Hữu

Suy nghĩ của anh (chị) về câu nói trên?

Bài làm:

Trong cuộc sống mỗi người đều có những quan niệm sống riêng của mình, thậm chí là đối lập nhau. Nhà thơ Tô Hữu lại cho rằng: “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” đó vừa là mục tiêu sống vừa là quan niệm sống riêng của ông. Đồng quan điểm sống của ông cũng có một nhà thơ nước ngoài cho rằng: ‘Cho đi mà không nhận lại mới là hạnh phúc lâu dài’. “Cho” là biết trao đi, dùng tặng những gì quý giá của bản thân cho người khác, biết hy sinh cống hiến những gì tốt đẹp nhất của mình dành cho gia đình, bạn bè, xã hội.

“Nhận” là cách sống chỉ biết mình mà quên người một cách sống ích kỉ biết nhận về mình những điều tốt đẹp, đó là một cách sống chỉ vì mình.

Sống không phải chỉ biết hưởng thụ không thôi mà cần phải biết cống hiến, biết sống vì mọi người xung quanh đó là quan hệ giữa “cho” và “nhận”. Thành quả của mỗi người trong cuộc sống không phải tự nhiên mà có mà nó phải trải qua một quá trình. Ngoài sự cố gắng nỗ lực của bản thân còn là sự hy sinh cống hiến của bao người. Vậy nên chúng ta phải “cho” đâu chỉ “nhận” không thôi: Cho đi là một biểu hiện của cách sống đẹp sống có lí tưởng mục tiêu đúng đắn và tốt đẹp. Biết quan tâm giúp đỡ người khác để cuộc sống thêm xanh, thêm vui và có ý nghĩa hơn. Chúng ta có thể “cho” đi bằng nhiều hình thức như vật chất hoặc tinh thần hoặc những cách khác. Sống cần phải biết xác định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mình để thực hiện đúng đắn nhiệm vụ của mình và đặt quyền lợi tập thể lên trên quyền lợi cá nhân “một người vì mọi người”. biết quên đi nỗi buồn của bản thân để vui cùng niềm vui của mọi người đó cũng là một trong những cách “cho” riêng của nhiều người

Chúng ta ai cũng biết đến một người luôn yêu thương, luôn hy sinh hạnh phúc của mình vì những đứa con trong đất nước Việt Nam. Đó là vị cha già của dân tộc Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu người là vùng dương tỏa sáng khắp muôn nơi, người luôn cho đi tất cả những gì bản thân có để đem lại cuộc sống yên bình ấm no cho nhân dân. Cuộc đời bảy mươi chín mùa xuân của Bác là bài ca bất tử về sự hy sinh cống hiến cao cả cho nhân dân cho nước bác đã phải xa quê hương, gia đình người thân bạn bè để ra đi tìm đường cứu nước với biết bao gian lao vất vả, luôn kề cận bên sự nguy hiểm rình rập ngưng với một khát khao cháy bỏng Bác đã cam chịu và vượt qua tất cả để rồi giải phóng dân tộc khỏi xiềng xích nô lệ của thực dân dành chủ quyền độc lập tự do, thành lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sau ngày độc lập Bác kêu gọi đồng bào cả nước mỗi tuần nhịn ăn một bữa để góp phần cứu đói và bác là người gương mẫu thực hiện đầu tiên. Cũng sau khi miền bắc hoàn toàn giải phóng trong cuộc sống thời bình, bác vẫn sống trong căn nhà sàn đơn sơ, ăn uống thanh đạm như bao người khác. Bác vẫn đau đáu trong mình một tâm huyết mà suốt đời bác phấn đấu để biến thành hiện thực là làm sao giữ vững được chủ quyền độc lập, tự do thiêng liêng của đất nước, dân tộc. chiến đấu quét sạch giặc ngoại xâm, giải phóng miền nam thống nhất đất nước. Tư tưởng phẩm chất đạo đức tuyệt vời cao, tuyệt vời trong sáng của chủ tịch Hồ Chí Minh mãi mãi là bài học nhân sinh sâu sắc là bài học về cách “cho” cao cả và lớn lao mà chúng ta vẫn phải cố gắng noi theo.

Tiếp theo đó Nguyễn Đình Chiểu cả cuộc đời của ông cũng gặp vô vàn khó khăn lận đận, tuy học rộng tài cao nhưng con đường thi cử của ông cũng không mấy thuận lợi khi vào năm 1849 ông sắp thi thì nhận được tin mẹ mất. Ông bỏ thi về Nam để chịu tang mẹ. Dọc đường vất vả, lại thương mẹ khóc nhiều nên ông bị đau mắt nặng và sau đó thì bị mù cả hai đôi mắt. Nhưng ông không hề đầu hàng trước số phận mà vẫn khao khát cống hiến, khao khát làm được những điều tốt đẹp cho đời. Mù nhưng vừa ông lại vừa dạy học vừa bốc thuốc chữa bệnh cho dân, vừa làm thơ khuyến khích tinh thần đánh giặc ngoại xâm của quân và dân ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân pháp ở Gia Định vào năm 1859 Nguyễn Đình Chiểu trong cuộc sống gặp nhiều khó khăn bất hạnh nhưng cũng luôn vì gia đình người dân và dân tộc, ông đã quên đi hạnh phúc của cá nhân, ông đã hy sinh tất cả để đem lại cuộc sống yên bình, hạnh phúc cho nhân dân. Cả cuộc đời ông luôn “cho” và chỉ biết cho không chỉ ở ngày xưa mà hiện nay có rất nhiều bạn trẻ sẵn sàng hy sinh bản thân để cống hiến hết sức mình cho tổ quốc. Những hoạt động tổ chức nhân đạo luôn giúp đỡ những người dân khó khăn. Các cá nhân tổ chức đã và đang cùng nhau chung tay góp sức tổ chức những chương trình nhân đạo “trái tim cho em” những hoạt động cứu trợ đồng bào thiên tai bão lũ, hỗ trợ, giúp đỡ những nạn nhân chất độc màu da cam. Ngoài ra còn có những hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nhà tình thương

xóa bỏ nhà tranh tre dột nát. Tất cả những hành động cao cả đó của biết bao con người đều là những cách sống đẹp, những cách sống luôn vì mọi người, cống hiến mình cho xã hội.

Nhưng cũng thật đáng buồn chê trách những con người sống vô cảm, sống chỉ biết “nhận” chứ không hề “cho”. Sống mà chỉ biết hưởng thụ, luôn tính toán cạnh tranh để nhận về mình những điều tốt nhất mà bỏ qua nỗi buồn, sự bất hạnh của người khác. Những con người chỉ biết vì mình, chỉ biết hưởng thụ thì đó là những con người ích kỉ vô hồn. Xét về đạo lí thì đó là những con người sống vô ơn bội nghĩa, xét về quy luật xã hội thì đó là những con người sống lạc hậu cố kìm hãm sự phát triển của đất nước.

“Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình” đây là một quan niệm sống phù hợp với đạo đức con người nói riêng. Đây là một quan niệm đúng đắn và phù hợp với mọi thời đại. Chúng ta cần phải sống vì người khác, phải biết “cho” đi để cống hiến cho xã hội phát triển khi đã cho đi thì đừng toan tính sẽ nhận lại được cái gì mà hãy “cho” đi một cách tự nguyện và thật tâm. Chúng ta cũng phải kết hợp hài hòa giữa quyền lợi và trách nhiệm giữa “cho” và “nhận”, phải nhận thức rõ được sự đem lại hạnh phúc cho người khác là như thế nào.

“Bạn sẽ thấy niềm vui khi đỡ người khác bằng cả tâm lòng” (Poul newman). Chúng ta sống và có quyền “nhận” nhưng đừng bao giờ quên trước khi “nhận” bạn phải xem bạn đã “cho” được những gì để xứng đáng “nhận” hay chưa

* **Hướng dẫn về nhà:** Hoàn thiện các đề bài về nghị luận xã hội; tìm một số đề thi của các năm trước để thực hiện.

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH

Ngày soạn: 24/ 03/ 2022

Ngày dạy : 30/ 03/2022

BUỔI 10

LUYỆN ĐỀ

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Giúp học sinh hệ thống lại các kiến thức đã học ở chương trình Ngữ văn 8
- Đánh giá khả năng vận dụng tích hợp các kiến thức vào bài làm.
- Làm quen với các đề văn.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng làm bài.
- Luyện đề
- Biết phân bố thời gian làm bài

II. Chuẩn bị:

- Giáo viên: Tài liệu tham khảo, soạn đề, hướng dẫn chấm.
- Học sinh: Ôn lại các kiến thức đã học, làm bài.

III. Tiến trình dạy học:

Đề ra :

Câu 1: (2.0 điểm)

Đề: Suy nghĩ của anh/chị về bài học cuộc sống từ hai câu thơ trong bài thơ *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên:

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!

Câu 2: (6.0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: “*Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.*”

Qua đoạn trích *Tức nước vỡ bờ* (Ngô Tất Tố) và *Lão Hạc* (Nam Cao) em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

2. Hướng dẫn đáp án, yêu cầu

Câu 1 (4,0 điểm)

a. Giải thích ý nghĩa của câu thơ:

- Nơi đất ở: mảnh đất ta từng sống, từng có những kỷ niệm gắn bó.
- Đất đã hóa tâm hồn: nơi đó trở thành niềm thương nỗi nhớ, những kỷ niệm thiêng liêng sâu nặng trong tâm hồn ta.
- Sự đối lập giữa “Khi ta ở” và “Khi ta đi” thể hiện rõ ý nghĩa của câu thơ: mảnh đất không phải là nơi ta sinh ra, lớn lên, nhưng đó là nơi ta đã ở, đã từng có những kỷ niệm gắn bó, thì khi đi xa, nó trở thành nỗi nhớ của lòng ta, trở thành quê hương thứ hai trong ta.
- Chế Lan Viên viết “Tiếng hát con tàu” để thể hiện niềm nhớ thương đối với Tây Bắc, cũng là với những miền quê đã từng gắn bó trong cuộc kháng chiến chống Pháp gian khổ.

b. Phân tích, bàn bạc đánh giá:

- Câu thơ giản dị nhưng mang ý nghĩa triết lý sâu sắc, vì nó được đúc kết từ trải nghiệm thực tế và từ tình cảm chân thành của nhà thơ Chế Lan Viên.

+ Con người không phải chỉ sống ở nơi chôn rau cắt rốn, mà có thể ở nhiều miền quê khác do yêu cầu của công việc và hoàn cảnh.

+ Những miền đất ấy đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong tâm hồn qua những kỉ niệm buồn vui.

+ Chỉ khi xa miền đất ấy, kỉ niệm mới sống dậy, khắc khoải, da diết trong lòng người, trở thành nỗi nhớ không nguôi.

- Quy luật tình cảm này chỉ có ở những tâm hồn biết trân trọng cuộc sống, biết nâng niu những kỉ niệm bình dị mà đẹp đẽ, biết sống theo đạo lý nghĩa tình chung thủy...

c. Bài học về cuộc sống rút ra từ hai câu thơ:

- Trong cuộc sống, những điều đơn giản gần gũi quanh ta tưởng như bình thường, nhưng sẽ trở nên vô cùng quý giá khi ta đã rời xa chúng.

- Trân trọng quá khứ, trân trọng những giá trị bình dị của cuộc sống..

Câu 2 (6,0 điểm)

* Về kỹ năng: Đảm bảo một bài văn nghị luận văn học, có bố cục và lập luận chặt chẽ. Hệ thống luận điểm rõ ràng, có dẫn chứng linh hoạt, phù hợp. Lời văn trong sáng, mạch lạc, ít lỗi chính tả.

* Về kiến thức: Cần đáp ứng được các ý sau

1- Mở bài: Dẫn dắt và nêu được vấn đề nghị luận: Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất và số phận của người nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám.

2- Thân bài:

a. Chị Dậu và Lão Hạc là những hình tượng tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp của những người nông dân Việt Nam trước cách mạng:

- Chị Dậu: Là một hình ảnh vừa gần gũi, vừa cao đẹp tượng trưng cho người phụ nữ nông thôn Việt Nam thời kỳ trước cách mạng:
 - Là một người phụ nữ giàu tình yêu thương chồng con (dẫn chứng)
 - Là người phụ nữ cứng cỏi, dũng cảm bảo vệ chồng. (dẫn chứng).
- Lão Hạc là tiêu biểu cho phẩm chất của người nông dân:
 - Là một lão nông chất phát, hiền lành, nhân hậu. (dẫn chứng)
 - Là một lão nông nghèo khổ giàu lòng tự trọng, có tình yêu thương con sâu sắc. (dẫn chứng)

b. Họ là những hình tượng tiêu biểu cho số phận đau khổ, bi thảm của người nông dân Việt Nam trước cách mạng:

- Chị Dậu: Số phận điều đứng, nghèo khổ, bị bóc lột đến tận xương tủy, chồng ốm, có thể bị bắt, bị đánh...
- Lão Hạc: Số phận đau khổ, bi thảm: nhà nghèo, vợ mất sớm, con trai không cưới được vợ bỏ làng đi đồn điền cao su, lão sống thui thủi một mình cô đơn làm bạn với cậu Vàng.

-> Tai họa dồn dập đổ xuống cuộc đời lão, phải bán cậu Vàng, sống trong đau khổ, cuối cùng chọn bả chó để tự tử- một cái chết vô cùng đau đớn và dữ dội.

c. Bức chân dung của chị Dậu và Lão Hạc đã tô đậm giá trị hiện thực và nhân đạo của hai tác phẩm:

Thể hiện cách nhìn về người nông dân của hai tác giả. Cả hai nhà văn đều có sự đồng cảm, xót thương đối với bi kịch của người nông dân; đau đớn phê phán xã hội bất công, tàn nhẫn. Chính xã hội ấy đã đẩy người nông dân vào hoàn cảnh bần cùng, bị kịch. Tuy vậy, mỗi nhà văn cũng có cách nhìn riêng: Ngô Tất Tố có thiên hướng nhìn người nông

dân trên góc độ đấu tranh giai cấp còn Nam Cao chủ yếu đi sâu vào phản ánh sự thức tỉnh trong nhận thức về nhân cách một con người.

3- Kết bài: khẳng định lại vấn đề.

3. Nhận xét, đánh giá bài của HS

- + HS nắm được kiến thức cơ bản ; trình bày rõ ràng, chữ đẹp.
- + Có một em bài làm tương đối. Hiểu đề, phân bố thời gian hợp lí.
- + Một số em bài làm trình bày còn lộn xộn, lời văn lủng củng, chưa thể hiện tính mạch lạc

4. Trả bài.

5. Lỗi, sửa lỗi

Gv giúp hs nhận ra lỗi về chính tả, dùng từ, lỗi diễn đạt và lỗi ngữ pháp; viết tắt, viết hoa tùy tiện, dùng từ địa phương...

6. Đọc bài mẫu: GV chọn bài tốt nhất, câu tốt nhất để đọc cho học sinh tham khảo, học hỏi.

7. Giải đáp thắc mắc.

***Hướng dẫn về nhà:** Xem lại bài

Xác nhận của TCM	Xác nhận của BGH